

BACH KHOA

G I A I P H Ầ M



*Nguyễn Văn Hẫu và
Phạm Long Điền viết
về Văn học Miền Nam*



** Lê Văn Siêu và Trần Ngọc Ninh
viết về Nguyễn Đức Quỳnh * Từ
Minh viết về Tân Tổng Thống Pháp
* Dohamide với kinh nghiệm một
chuyến đi * Đoàn Nhật Tấn đưa
thủ công nghệ vào Tiểu học.*

MỤC LỤC TỪ SỐ 402 ĐẾN 411

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

2.300đ.

MỘT NĂM

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 1.320đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 80đ.

— Ai-lao : 80đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 130đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-đò, Hồi quốc : 180đ.

— Âu-châu, Bắc Phi

Trung Đông, Đại-dương-châu

Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 330đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 405đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BANQUE FRANÇAISE COMMERCIALE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

Siège Social : 74, Rue St. Lazare — Paris

**VIỆT
NAM**

SAIGON

AGENCE : 32, Đại-lộ Hàm-Nghi
Tél : 90.065, 90.066, 90.067,

BUREAUX : 178, 180, 182, Đường Lê-
Thánh-Tôn (Marché central),
Tél : 22.142.

415, 417, Đường Hai Bà
Trung (Tân Định) — Tél : 93.172

333, Đường Phạm-Ngũ-Lão
(Thái-Bình) — Tél : 98.270

CHỢ LỚN

AGENCE : 386, Đại-lộ Đồng-Khánh (Chợ
Lớn — Tél : 36.105.

BUREAUX : 105, Đại-lộ Minh-Mạng
(Ngã Bảy) — Tél : 50.626.
523, Đường Hồng-Bàng
(Hồng-Bàng) — Tél : 51.641

**KHÁNH
HƯNG**

AGENCE : 23, Đường Hoàng-Diệu
(Khánh-Hung) — Tél : 51.

**FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE,
MONTPELLIER, TOULON, ANNECY.**

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

**LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE**

1875...



...1974...

**HỆ THỐNG B.F.A
TẠI VIỆT NAM**

— Chi Nhánh:

29 Bến Chương Dương

ĐT : 23.434/5/6

— Phân cuộc:

Hành lang Eden Sài Gòn 1

*461 Phan đình Phùng
Sài Gòn 3*

*834 Trần Hưng Đạo
Sài Gòn 3*

68 Phùng Hưng Sài Gòn 5

*67 Trương Minh Ký
Gia Định*

**HỆ THỐNG BANQUE
DE L'INDOCHINE
TẠI Á-ĐÔNG**

— VẠN TƯỢNG...

— THÁI LAN...

— MÃ LAI...

— TÂN GIA BA...

— HƯƠNG CẢNG...

— NHỰT BỒN...

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

(Chi cục thương mại 100% của
BANQUE DE L'INDOCHINE)

Trụ sở : 96 Đại lộ Haussmann PARIS.

... 100 Năm kinh nghiệm tại Việt Nam

BÁCH KHOA

K* :

NGUYỄN VĂN HẦU <i>văn học miền Nam : văn truyền khẩu trên đất Đồng nai</i>	05
PHẠM LONG ĐIỀN <i>văn học miền Nam : tính chất phản kháng trong thơ văn bình dân Nam-kỳ thời Pháp thuộc</i>	17
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>một bước canh tân cho nền giáo dục tiểu học</i>	27
TỪ MINH <i>Valéry Giscard d'Estaing, vị Tổng thống trẻ tuổi nhất của lịch sử nước Pháp</i>	33
DOHAMIDE <i>đi vào Hội-nghị Hồi-giáo Mecca và kiểm điểm một chuyến đi</i>	43
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	55
NGUYỄN THỊ THỤY VŨ <i>loài rau hoang dại (truyện ngắn)</i>	61

SINH HOẠT

LÊ VĂN SIÊU <i>về nhóm Hàn Thuyên và Nguyễn Đức Quỳnh</i>	71
TRẦN NGỌC NINH <i>ngọn lửa và trái tim (Hồi kí về nhà văn hóa Nguyễn Đức Quỳnh)</i>	75
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	83
VĂN THANH <i>trình bày bìa</i>	
MỤC LỤC THEO BỘ MÔN TỪ SỐ 402 ĐẾN SỐ 411	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-7-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

Mảnh vụn Văn-học sử của Bằng Giang do Chân Lưu xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 300 trang, gồm 12 vấn đề được đem ra mổ sẻ để xét lại, liên quan tới. Cao Bá Quát, Huỳnh Tịnh Của, Tân Đà, Hồ Biểu Chánh, Khuông Việt, Thanh Niên, Tri Tân... Giá 800đ.

— Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta (Hai mươi năm Văn học Miền Nam 54-73), do nhà xuất bản Sóng ấn hành và gửi tặng. Sách dày 790 trang gồm 45 truyện ngắn của 45 nhà Văn trong khoảng 20 năm qua, mỗi nhà văn đều có phần tiểu sử, truyện ngắn do chính tác giả lựa chọn, và quan niệm về sáng tác của tác giả. Phụ lục là tập chân dung 45 tác giả qua ống kính Trần Cao Linh, rút trong sưu tập Những khuôn mặt

văn nghệ Miền Nam của nhiếp-ảnh-gia. Trình bày và ấn loát rất đẹp. Bìa của Phạm Hoán. Giá nhất định 2.500 đ.

— Ta đã làm chi đời ta bút ký của Vũ Hoàng Chương do Cơ sở Trường Vĩnh Ký xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 224 trang gồm 12 bài, ghi lại 12 kỷ niệm của nhà thơ. Giá 600 đ.

— Nhật ký của Anne Frank, Bửu Ý dịch theo bản Pháp ngữ "Journal de Anne Frank", An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách in lần thứ 2, dày 272 trang, có chụp lại bản thảo nhật ký và nét chữ của Anne Frank. Giá nhất định 500 đ.

— Câu chuyện của dòng sông nguyên tác của Hermann Hesse, bản dịch của Phùng Thăng, Phùng Khánh, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách in lần thứ 6, dày trên 160 trang, Giá: 850đ.

— Cho gọi tiếng thân yêu tập thơ của Hoàng Anh Đỗ do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 96 trang gồm 67 bài thơ, in đẹp, trình bày trang nhã.

CÁO LỖI

Trên Bách Khoa số trước (I* : 410) đến phút chót Ban Chủ trương phải bỏ đi cả 8 trang về bài của Ô. Đào Trường Phúc nói về sự đổi thay của xã hội Hoa Kỳ qua sự ra đời và phát triển của một tạp chí. Cũng đến phút chót bài « Cần xây đắp một nền Quốc học, bài diễn văn đầu tiên của Nguyễn An Ninh » của Ô. Hồ Hữu Tường đã được đăng thay thế vào bài của Ô. Đào Trường Phúc, mà không kịp ghi vào Mục lục.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc và các tác giả : Đào Trường Phúc, Hồ Hữu Tường về các sơ xuất ngoài ý muốn trên đây của Bách-Khoa.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

Văn truyền khẩu trên đất Đồng Nai

NGUYỄN VĂN HẦU

Có đề tâm đến cuộc Nam tiến của dân tộc vào thế kỉ thứ 17, chắc ai cũng thấy rõ mức sống của người lưu dân thật là thấp kém. Trình độ trí thức của họ cũng vậy, không có mấy người học cao. Một số người Tàu có khả năng chữ nghĩa thì ngôn ngữ bất đồng, bất tiện cho sự diễn đạt ý kiến. Chính vì vậy mà sinh hoạt văn học sơ khai phần lớn là sinh hoạt văn học dân gian: Trường học chưa có, thầy giỏi chưa có, kể cả chánh quyền còn không được tổ chức thì làm gì có được cơ sở giáo huấn! Yếu tố đưa đẩy con đường văn học miền Nam trong bước đầu nặng nề «văn nói» để diễn tả hơn là «văn viết» để xem đọc, có thể giải thích được là bởi các lí lẽ trên đây.

Trào lưu văn học nói

Như đã nói, sinh hoạt văn học của người lưu dân trong buổi đầu thật chẳng có gì. Họ nghèo cực, ít học, lại mải bận với công việc cấy cày trồng trọt. Cho nên nếu có cần đến chữ nghĩa thì cũng chỉ là cần đến một ít cho thư từ giao tế, hoặc nhiều hơn nữa thì cho chút ít thủ tục hành chánh tối thiểu khi có việc cần liên lạc về «ngoài kia» mà thôi. Còn diễn đạt những cảm xúc tình tự, hay những sự kiện cảnh vật nghe, thấy, thì họ đã có những câu hát điệu hò. Tình trạng này có thể kéo

dài suốt cả thế kỉ 17, nghĩa là khi mới có một số lưu dân đầu tiên vào Nam (khoảng 1600) cho đến khi ông Nguyễn Hữu Cảnh được lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu vào kinh lược đất Đồng Nai (1698).

Vua Minh Mạng, trong một đạo dụ gửi về miền lục tỉnh khi hạ được giặc Khôi sau này, đã có ý xác nhận từ đầu thế kỷ 17, đất Đồng Nai là đất thực dân của người lưu dân (1).

Chúng ta cũng được biết qua các sử liệu chắc chắn rằng trong thời gian kéo dài hằng trăm năm nói trên, đã có sự hợp tác khai hoang của người lưu dân Đại Việt và người lưu vong Tân Đại Việt trên phần đất phương Nam. Người lưu dân Đại Việt tới trước hằng nửa thế kỷ thì có sự hợp tác khai hoang của người Tân Đại Việt (2). Đó là bọn người Tàu bại Mãn phục Minh do Trần Thợng Xuyên và Dương Ngạn Địch (1679). Nhưng đó cũng chỉ là thời kỳ phối hợp sinh hoạt trên phương diện di

(1) Đại Việt tập chí số 8, 16 Janvier, 1943, trong bài của Khuông Việt: *Lược khảo về chế độ cai trị người Minh Hương ở Nam Kỳ* (liên tiếp các số 9, 10-1943).

(2) Quốc triều tiền biên toát yếu quyển 1, tờ 21 a (bản lưu trữ tại Viện Khảo Cổ, đánh số VS 37) Gia Định Thành thông chí (bản lưu trữ tại Viện Khảo Cổ, đánh số VD6) quyển 3, mục *Cương vực chí*, tờ 5b, 6a, 6b.

tìm đất sống, chứ họ chưa có thì giờ và phương tiện sáng tác văn chương. Người lưu dân Đại Việt nghèo hơn, dốt hơn, nếu đem so sánh họ với mấy ngàn người lưu vong Tân Đại Việt. Bọn người Tàu này, dù sao, là binh lính, sĩ quan, thầy thợ, họ vẫn có một số trình độ học hiểu rộng hơn. Chúng ta không thể chấp nhận được lời tuyên bố quơ đũa cả nắm của một giáo sư thực dân giảng dạy tại một ban Cao đẳng ở Hà-nội, rằng « dân Nam kì vô đạo nghĩa do tổ tiên là hạng người vô loại » (1). Nhưng chúng ta bắt buộc phải hiểu rõ thực trạng nghèo đói, dốt nát và có một số người vong mạng hoặc tù đày trong số lưu dân nói trên.

Chung qui, người lưu dân trong buổi đầu, với một thời gian lâu lắc hằng suốt trăm năm, vẫn chưa vượt khỏi được lần mức của một thứ văn học truyền khẩu mà để phân biệt rõ ràng, chúng ta có thể tạm gọi là văn học « lời nói » để đối lại với thứ văn học « chữ viết ».

Trong câu chuyện trao đổi hằng ngày của nhân dân, người ta thường pha trộn ngôn ngữ của nhiều sắc tộc dù rằng tiếng Việt vẫn là tiếng gốc. Người lưu dân Đại Việt tự nhận mình là « Hán nhân » gọi các sắc tộc khác như Cao Miên, Côn Man, Mạ, Mọi... là « tứ di » trong khi đó họ gọi người Phú Lãng Sa, Hồng Mao, Hòa Lan... là người « Tây Dương ». Có những lời lẽ vay mượn qua lại lẫn lộn với nhau thật khó mà truy nguyên cho rõ, cho đúng và cho hết được là gốc bởi tiếng nói của dân tộc nào.

Như *mưa si* thì gọi là *ngoa*. Chắp tay vái chào nhau thì gọi là *xá*. Nổi giận đánh lộn thì gọi là *bốc chèo*. Và cái *muống* dùng để múc thức ăn thì kêu rằng *thưng xỉ*. Những tiếng ấy có thể là gốc từ Quảng Đông. Còn như vay mượn ở tiếng nói Cao Miên thì có lẽ là tiếng *cà ròn* để chỉ cho cái bao dệt bằng cộng bàng. Tiếng *tầm long* dùng để chỉ cho việc đi ngang qua sông (2).

Tóm lại thì có nhiều sắc tộc chung đụng trong một vùng và có nhiều người nói thông ngôn ngữ của nhau để rồi ảnh hưởng lẫn lộn với nhau: Phước kiến, Quảng Đông, Triều Châu, Hải Nam, Tây Dương và Tiêm La (3)... Việc thành lập các trang trại « man nậu » trong chánh sách mộ dân đến ở ăn chung lộn nhau lúc « mới mở mang cõi Gia Định » thời chúa Túc Tông Hiếu Ninh, càng dễ làm pha trộn, tiếp nạp giữa các thứ ngôn ngữ (4).

Một câu hát của người bình dân Việt sau đây, biểu lộ sự phối hợp giữa tiếng Việt, tiếng Tiều và tiếng Khmer chỉ danh một ông vua Miên:

(1) Đại Việt tạp chí số 23 ngày 16. 9. 1943, trong bài *Không học ở đất Đồng Nai* của Ngạc Xuyên.

(2) GĐTTC, quyền 4, mục *Phong tục* chí, tờ 10b.

(3) ĐĐTTC, quyền 4, mục *Phong tục* chí, tờ 10b.

(4) Nguyễn Siêu: *Phương Đình dư địa chí*, bản dịch của Ngô Mạnh Nghinh. w do x.b. 1960, trang 170.

Trắng như tiền,
Vô duyên bồ hồ mại (1);
Đen như cục than hằm,
Cháu ngoại của ông Hoàng Chấn (2)

Rồi một câu hát khác của người
bình dân Cao Miên, trên thể điệu
cũng như trong ý nghĩa, đã nói lên
cái ảnh hưởng Đại Việt trong đó:

Kra bầy xỉ xậu,
Bọn mảnh xâu hen đênh;
Kra bầy đơ chênh,
Bọn đênh oi xây mơ (3).

(Con trâu ăn lúa,
Anh không dám đánh;
Con trâu đi rồi,
Anh đánh cho nàng xem).

Tinh thần khoa trương, tự hào
của người lưu dân cũng được thấy
biểu lộ trong ngôn từ thường nhật
bằng cách ngoa ngữ, nghĩa là họ nói
quá đi. Thí dụ họ tự nhận mình là
"Hán nhân" vừa thấy nói ở trên là
một (4). Thí dụ như 10 gia lúa thì
gọi là "một trăm lúa"; còn 100 gia
thì gọi là "một thiên lúa", tức 1000
gia (5). Tinh thần sáng tạo tiếng
mới để sử dụng cho thích thường
cũng được thấy thể hiện trong nhiều
trường hợp. Thí dụ như tiếng *bát*,
hểng cạy dùng báo hiệu giữa những
người "đi nghe" trên sông (6); tiếng
lăn để chỉ cho một điệu hò; tiếng
phăng, tiếng *cù nèo* để chỉ cho vài
vật dụng canh cộ mà cho đến ngày
nay vẫn còn nghe thấy được. Chẳng
hạn như,

Câu ca dao:

Lúa một chục, trả một thiên,
Cho vay cắt cổ đừng phiền tại ai!

Và câu tục ngữ:

Phăng đầu, cù nèo đó,

Nhưng dù có sáng tạo, có khoa
trương, có vay mượn âm thoại của
nhau, có múa hát hay ca hát trơn
không múa, thì cũng chỉ là những
gì thuộc về lời nói để bồi bổ vào
thứ văn học chữ viết rất bắt buộc
phải có cho một nền văn học quốc
gia sau này. Thứ văn học ấy phần
lớn dễ thuộc dễ nhớ, nên nó dễ được
truyền đọc từ cửa miệng mọi người,

(1) *Bồ hồ mại*: Tiếng Triều Châu, có
nghĩa là không đẹp, không chịu.

(2) *Hoàng Chấn*: chỉ tên của một ông vua
Miên, đọc đủ là Nặc Ông Chấn hay Nặc
ông Chấn.

(3) Ông Vương Hồng Sên đã mách và
giải câu này như sau: *Kra bầy*: con trâu,
Xỉ: ăn *Xậu*: lúa, *Bọn*: anh, *Mảnh xâu hen*:
không dám, *Đênh*: đánh, *Đơ*: đi, *Chênh*:
chỗ khác, *Xây*: nàng, *Mơ*: xem. Qua câu
này, thơ lục bát đã phăng phát đầu đuôi và
ý nghĩa hồn nhiên dí dỏm của người bình
dân Việt cũng bâng bạc trong đó!

(4) GĐTTC, quyển 4, tờ 2b. Và trong
Cửu khúc kiêu tiên của ông Nguyễn văn
Thới sau này cũng còn thấy có xưng hô
như vậy:

Tần hữu phật Bướm Vôi,
Hón đa ngôi tiên thánh.

Tần là chỉ Cao Miên; còn Hón là xưng
Người Việt ta.

(5) GĐTTC, quyển 4, tờ 12a. Trên thực
tế, hiện nay trong giới bình dân ở thôn
quê cũng còn gọi "một thiên lúa" để chỉ
100 gia lúa.

(6) Sách đã dẫn, tờ 11a. Xem thêm bài
*Ghe xuống trên sông rạch miền Nam thuở
cụu trào của NVH*, đăng trên *Phò Thông*
số N, ngày 5-1-1974.

do đó mà nó cũng được gọi là văn truyền khẩu hay muốn cho văn hoa bay bướm hơn, là *văn học bình dân truyền khẩu*.

Các loại văn truyền khẩu

Nhu cầu tự nhiên đã đưa dẫn người ta phát xuất nhiều cách « nói » để diễn đạt tư tưởng. Có cách ăn nói khôn khéo bao gồm nhiều ý vị khuyên đời nhủ mình. Có thứ thơ ca biểu lộ tâm tình mộc mạc, tùy lúc mà tỉ, hứng hay phú. Có cách dùng những câu bắt vần có tác dụng châm chọc chế giễu mà sửa sai cải thiện. Có thứ chấp nhặt ý kiến, sự kiện, để dựng thành cốt truyện mà kể cho nhau nghe, để tiêu sầu khiến muộn, để dạy luân lí, để cắt nghĩa các hiện tượng... Những diễn đạt tư tưởng đó, hết thảy đều truyền khẩu, là một thứ tác phẩm khuyết danh tác giả. Ai cũng có thể phát biểu, ai cũng có quyền ngâm đọc và sửa chữa thêm thắt tùy theo ý mình. Nói chung, nó là văn học dân gian, mà nói riêng thì nó là tục ngữ, ca dao, hò, vè và truyện cổ.

Xuất phát chánh gốc của ca dao, truyện cổ, hò, vè, từ quê hương cũ của người lưu dân được dính theo trí nhớ họ mà cùng « lưu vong » vào đây tuy không phải không có, nhưng chắc rằng không được dồi dào là bao. Và lại nó cũng không thích hợp với hoàn cảnh và nhu cầu đời khác của thực trạng sinh hoạt mới. Con đường lưu thông từ Thuận Quảng về Nông Nại Đại Phố hoặc đến đạo Trường Đồn thì cách bức quá chừng nên mọi trao đổi văn học thường bị lơ là. Đó

là những nhân duyên vun quén làm nảy nở phong phú mau chóng một thứ văn học nặng về « phần nói ».

Người ta cất giọng với những bài vè ngắn tiếng, ít câu, hoặc những điệu hò, lối hát, cũng không thành chương khúc. Thấy thấy đều là thứ nói. Nói bằng lời tiếng phát ra từ trong trí nhớ chớ không cần cầm bản văn, cũng không cần mang theo cuốn sách.

Nếu có một vài thiên luận đàm thời thế có vẻ cao kì do một người nào thông suốt chữ nghĩa trong đám lưu dân soạn lấy và đưa ra, hoặc như từ ngoài Thuận Quảng đem vào những tác văn cùng phong cách ấy, thì ắt cũng không được quần chúng tiếp nhận nồng nhiệt. Bởi đó là thứ từ chương rắc rối mà họ không đủ khả năng lĩnh hội.

Bài *Tăng ni truyện* sau này của Nguyễn Cư Trinh mà người lưu dân đã đổi gọi là *Vè Sãi Vãi*, cũng như bài *Văn Doan diễn ca* thường còn nghe đọc là *Dương Doan Văn Lía*, được gọi Nôm là *Vè Thăng Lía* (1), sở dĩ từ « ngoài kia » chen chân được vào đây khá sớm là vì bởi tính chất bình dân của nó. Lời dí dỏm, đôi khi hài hước, nhiều tiếng dùng nôm na, còn chuyện thì rất gần gũi với tâm nhìn của dân chúng, cho nên những bài ấy mới được dân chúng vui vẻ tiếp nhận gần với tính chất truyền khẩu.

(1) Theo Đông Hồ thì miền Nam còn gọi là *Thơ Văn Lía* (*Truyện Song Tinh*), x.b. *Bốn Phương*, 1962, trang XVIII).

Sãi Vãi là một truyện đối thoại giữa hai người Sur và Ni, cốt ý khuyến khích đừng ngại gian nguy và đừng mê đắm trong yên vui mà không làm tròn bổn phận. Còn *Thằng Lía* thì là một nhân vật trong truyện, bỏ trốn pháp luật lên Truong Mây, bởi vì nó cùng bọn con nít chăn trâu bắt chước người lớn mà diễn tuồng. Nó đóng vai trung, còn mấy đứa khác đóng vai nịnh. Chúng hện với nhau rằng trung phải giết nịnh và nịnh phải giả bộ chết. Nhưng nịnh lại hát nhây không chết. Bởi đó mà Lía nổi xung, giết chết nịnh thật đi..,

Theo Schreiner, người công bố bản in *Văn Doan* năm 1898, thì sự kiện *Thằng Lía* xuất phát từ thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1674-1725). Văn *Thằng Lía* phần nhiều là lục bát, có chen tán, vãn, loạn. Lời và điệu thơ lục bát rất phù hợp với loại «nói thơ» trong Nam, cho nên người ta đã gọi nó là *thơ Văn Lía*, là phải. Thử trích vài câu :

Về nhà thưa lại mẹ hay,
Tôi chăn trâu rày thế sự dễ dãi.
Con xin đi học mà thôi,
Họa may vãn võ nên người ngày sau.

Hai bài này (*Sãi Vãi* và *Văn Doan*) có lúc được nhiều người ưa thích, nên nó lần lượt được chép lên trên giấy để truyền đi, tiếp trợ cho trí nhớ bởi vì câu chuyện có hơi dài.

Truyện khẩu trong tính cách ca múa

Bên cạnh những lối hát hò mà người ta có thể tùy lúc diễn tả khi

đi đứng, nằm ngồi, làm lụng, thứ văn nói này lại cũng có khi được người ta ra bộ múa hát để làm vui tại trước sân nhà hoặc giữa một cái rạp tạm bợ che bằng tre lá. Đó là những câu hát có đối thoại ngắn ngắn hoặc những câu hò đưa ma, hò tập thể, được chấm dứt bằng những tiếng hò khoan. Bởi tính cách hò hát ngắn ngủi — có lẽ là bước phôi thai của các tuồng tích hát bội, cải lương sau này — mà những câu hát, câu vè như vậy còn lại rời rạc và quá ít.

Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định, trong các sách *địa chí*, và Doãn Uẩn trong sách *Cao Man Nam Kỳ sự kí* từng nhắc tới tập tục ra múa hát của người lưu dân miền Gia Định. Đại loại, người Gia Định, xin hiểu là người miền lục tỉnh — «tin ma quỷ, ra đồng bóng, hay múa hát». Chúc mừng trong các dịp khánh tiết, như Tết nguyên đán chẳng hạn, thì đánh trống ca múa. Có việc lợi lạc bắt ngờ cũng tổ chức xướng hát để liên hoan (1). Cầu đảo cúng bái cũng vừa múa vừa ca, gọi là múa bông hay múa bóng. Cúng Phật cũng múa mà đưa đám ma thì hò hát có ra bộ và có đáp ứng bằng những

(1) *Gia Định Thành thông chí* quyển 4, tờ 3b, 7b, 7a và *Đại Nam nhất thống chí*, tỉnh Định Tường, mục *Phong tục*, tờ 6b; tỉnh Biên Hòa mục *Phong tục*, tờ 8a; *Cao Man Nam Kỳ sự kí*, mục *Trần Tây kỉ lược*, trang 17 (Bản chép tay tại Viện Khảo Cổ, đánh số VĐ16). Bọn thầy phù, thầy pháp còn có một số bài hát bắt vãn, gọi là hát múa bông, hát tau rồi, với một điệu hát rất độc đáo hòa theo nhịp trống và tiếng đờn (sẽ trình bày ở một dịp khác).

tiếng dứt câu «hò khoan», «bắt cái» (1).

Đám ma buồn, buồn nhất là lúc động quan, thi thề của người chết sắp vĩnh viễn vùi vào lòng đất, cho nên có lẽ là đề đánh tan cái không khí quá u sầu, người «Nhưng quan» múa hát trước quan tài (cũng có kẻ tin rằng đề đánh đuổi tà ma bu quanh làm nặng nề chiếc linh cữu nên phải làm như vậy, và bọn «Đạo hò» (2) phải đáp ứng đồng loạt bằng những tiếng hò khoan. Con đường đưa ma dài bao xa thì câu hát điệu múa cũng kéo theo dài như vậy.

Đây là khung cảnh động quan và 1 câu truyền khẩu trong tính cách ca múa còn tìm thấy :

(Lễ động quan bắt đầu. Có tiếng hét lớn của một ông thầy cúng) :

— *Cả tiếng kêu kìa hỡi Nhưng quan!*

(Nhưng quan xuất hiện từ ngoài sân, nhảy bổ vào).

— *Hà sạ hỡi Hàn tăng?*

(Thầy cúng lại hét lớn như ra lệnh) :

— *Nay đặng ngày kiết nhật lương thân, khá ra sức phò an linh cữu!*

(Nhưng quan múa hát) :

— *Thừa mạng! Chiếm sơn đầu làm chủ, ta là chủ trại Dạ xoa, hằng ngày ở chốn sơn đầu luyện tập lâu la, mỗi bữa đạo chơi miền lân li. Nay đi ngang ngoài ngõ, nghe có tiếng Hàn tăng. Ngài kêu ta đặng có dặn rằng : «Khá ra sức phò an linh cữu».*

Đêm thì khuya, canh thì chầy, ta biết liệu mần răng!

Mau là nôi đặng chúc huy hoàng, nhập gia trung khán quá!

(Nhưng quan được trao đuốc, rọi, hoặc bạch lập có đốt lửa sẵn) :

— *Vậy chớ nào, linh cữu ở đâu?*

(Nhưng quan vừa múa, vừa tiến lên vào chỗ đề linh cữu, vừa khán quan vừa hát) :

Khán quá chơn vi khán quá, quan tài quả thật quan tài! Một mình ta cứ đồ đại sạ làm sao cho nôi! Ấu là mau trở lại sơn đầu, viện chur đệ tương lai trợ ngã!

Lâu la này hỡi lâu la!

Đưa linh trợ nghĩa phận ta ta làm!

(Có tiếng hò lớn đồng loạt của bọn lâu la, giờ đã trở thành Đạo hò) :

— *Thừa mạng!*

(Nhưng quan ra lệnh) :

— *Hỡi Đạo hò đàn ta! Khá ra sức táng an linh cữu (3).*

(1) Tập tục này còn truyền mãi cho đến cách đây sáu, bảy chục năm mà gia phả nhà ông Chủ trường Sỏi, người chuyên nghề làm «Nhưng quan» ở phủ Tân-Thành, huyện Vĩnh-An xưa, còn thấy chép đề lại cho con cháu tại An Hữu (Mỹ Tho).

(2) Người có trách nhiệm điều khiển các đạo hò khiêng linh cữu đem chôn cất gọi là Nhưng quan. Những người khiêng linh cữu đi chôn thì gọi là Đạo hò, Đạo ti hoặc Diệu hò.

(3) Chép theo lời thuật của cụ Nguyễn Văn Phú hồi năm 1947. Cụ Phú suốt đời làm nghề «Nhưng quan», người thôn Phú-An, quận Tân-Châu (Châu-Đốc).

Và đây là mấy câu hát khác, cũng trong dịp đưa ma :

(Lễ động quan bắt đầu. Trước linh cữu có hai người cầm siêu đao chặn ngang, như gìn giữ chiếc quan tài. Thầy cúng nhìn họ, ra lệnh) :

— Hỡi Kim tướng, hãy phòng thủ môn quan mật mật !

— Dạ !

(Thầy cúng nhìn ra sân. Có bọn Đạo hò chực sẵn) :

— Cả tiếng kêu này hỡi Đạo hò ! Ai điều khiển khá tua phân danh hiệu ? Đắc, khả nhập ngõ môn. Bất đắc, nan tồn tánh mạng !

(Nhưng quan nhảy vào, vừa múa vừa hát câu xưng danh) :

— Như ta là : Thần lưỡng bang
Võ tướng, đồng hiền thọ khai môn,
tròn giáng sanh thượng khồn diệu linh,
âm dương độc nhạc trình, ngô bửu tự
Nhưng quan hiệu viết.

Hỡi Diệu hò đàn ta !

(Có tiếng dạ tập thể. Nhưng quan hát tiếp) :

— Ta tròn cho Diệu hò gìn giữ
ngõ môn, đề cho mỗ khán lai linh cữu.

(Có tiếng hô "thừa mạng" của tập thể Diệu hò. Nhưng quan lại hát) :

— Vậy chớ nào... như hà linh cữu...

(Nhảy múa một vòng quanh chiếc quan tài rồi trở ra, Nhưng quan hò) :

— Hỡi Diệu hò đàn ta ! Phải
chính tức đại cân... từ bài...

(Đồng lay linh cữu bốn lay, đoạn

Nhưng quan múa hát) :

— Đây chỉ nài khó nhọc. Đò chớ
nệ tiếc công. Nghiêng mình vàng đờ
lấy quan tài ; di linh cữu táng an
phần mộ.

(Khi linh cữu được Nhưng quan điều khiển và tập thể Đạo hò phò ra khỏi nhà đặt lên chiếc linh xa chực sẵn, thì Nhưng quan bỏ đẳng chúc, hai tay cầm hai chiếc sanh bằng cây tre, miệng hát lên và tay thì nhịp gõ) :

— Bớ Đạo hò đàn ta ! Hãy lắng
lắng mà nghe ba hồi sanh !

— Một hồi sanh, ngồi đầu ngồi đó !
(cắc rắc... rắc...).

— Hai hồi sanh, rón vó lên eo !
(cắc rắc... rắc...).

— Ba hồi sanh, thượng lộ đẳng
đàng (cắc rắc... rắc...).

(Khi chiếc linh xa đã lên vai tất cả Đạo hò và bắt đầu di chuyển, thì tiếng hát của người Nhưng quan không ngớt, kèm theo là những tiếng "hò khoan" đưa hơi của tập thể Diệu hò) :

— Ó hô !

Tam thốn khí tại thiên ban dụng.

Nhứt đản vô thường vạn sự hư.

Người về âm cảnh quạnh hiu,

Kẻ còn dương thế những triêu tịch
sầu !

— Hò khoan... (1).

(1) Theo cụ Tư Mai (1945), người Phong Điền (Cần Thơ), ông cha đều làm nghề Nhưng quan.

Tục của người lưu dân cô độc trong cảnh tha phương rừng bụi, vốn rất tin sợ quỷ thần. Người ta thờ cả bà Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Chúa Xứ, Thủy Long, Cô Hồng, Cô Hạnh; thờ Ông Tà, Ông Táo và cả đến Ông Chuồng, Bà Chuồng là những vị thần có thể phù hộ cho trâu bò gà chó. Do vậy mà khi cúng kiếng phải có lệ múa bóng, múa bông bởi các ông đồng bà bóng.

Nhất là những năm trúng mùa, nhà có cuộc vui thì những cuộc ca múa thường được bày ra, người ta chung hùn nhau để bày tiệc ăn uống, xem hát. Rồi lễ tá thờ tức là lễ mướn đất của Đất Nước Ông Bà và thần đất đai Dương Trạch cũng vậy, người ta cũng ca múa để cúng « một thứ hát » hoặc « một châu hát » tùy theo khả năng giàu nghèo, để cho Chúa Ngung Mang Nương coi chơi. Chúa Ngung Mang Nương cũng được người bình dân nói trại ra là Chúa Ngu Ma Nương mà người ta coi như là vị này có quyền oai làm chủ tất cả các cuộc đất mà người lưu dân khai phá.

Vài thể thức truyền khẩu khác

Những câu hát, những bài hát như đã nói, dù là hò bát trong lúc làm lụng, nghỉ ngơi, hay lúc múa may làm trò (không kể đến tuồng tích hát bội về sau) đều là một thứ văn đặt đề và phổ biến trong giới bình dân. Hầu hết đều được đặt ra bằng miệng đề rồi truyền đọc bằng miệng chứ không thiết tha đến việc ghi chép lên trên trang giấy.

Văn học dân gian miền Nam lại còn vài thể thức khác: thể truyện diễn bằng thơ ca mà người ta gọi là *thơ chớ* không gọi truyện. Bởi câu chuyện của nó thường dài, cho nên người ta vừa truyền khẩu mà cũng vừa chép lên trên giấy để truyền đọc cho lâu quên. Đó là các *bồn thơ Nàng Út, Chàng Nhái, Cậu Hai Miên, Thầy Thông Chánh, Sáu Trọng, Hai Đầu, Lâm Sanh Xuân Nương v.v.* Người ta có giọng « nói thơ » rất đặc biệt để « nói » các *bồn « thơ »* ấy.

Thơ có thể do một người biết chút ít chữ nghĩa, ham học hiểu, viết ra. Nhưng cũng viết với đặc giọng bình dân và cảm nghĩ bình dân, không cần điển cổ bác học và cũng không cần có tư tưởng gì sâu sắc. Nó rất thích hợp với dân gian và được dân gian ham mê theo dõi đọc thuộc.

Rồi còn một thể thơ khác nữa gọi là *thơ rơi*. Đó là một thứ thơ ngổ làm theo điệu vãn về được bình dân truyền khẩu chớ không cần gởi thẳng đến người mà mình muốn trao lời.

Văn truyền khẩu miền Nam kể từ bước đầu khai phá đất đai của người lưu dân, trải qua hơn ba thế kỉ, đã đóng góp vào văn học nước nhà một cách phong phú. Từ 1945 trở về sau, hoàn cảnh và điều kiện đổi khác, loại văn này thiếu cơ duyên phát triển. Đường giao thông thuận tiện, phương tiện tuyên truyền nhanh chóng, nếp sống của dân chúng lún vào cơ giới hóa. Gia công sưu tập văn truyền khẩu, đừng để cho nó sót mất nhiều, là một công tác đáng khuyến khích.

NGUYỄN VĂN HẦU

Kì sau : Bước đầu của văn học Hán Nôm trên đất Đồng-Nai

Tính chất phản kháng trong thơ văn bình dân Nam-kỳ thời Pháp thuộc

● *Ngon triều tình cảm của nhân
dân miền Nam trước cảnh mất nước*

Ngày 24-3-1861 đánh dấu một
khúc quanh hệ trọng trong lịch sử
vong quốc của dân tộc ta. Ngày ấy,
Đô-đốc Charner hạ thành Cây-mai
rồi hạ luôn đồn Kỳ-hòa. Thế là Sài-
gòn đã hoàn toàn thất thủ với nỗi
lòng đau ngườu của sĩ dân miền
Nam được cô đọng trong hai câu thơ
của cụ Đồ Chiểu :

« Bến-Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng-nai tranh ngói nhuộm màu mây »

Cũng như bao nhiêu người dân
khác, cụ Đồ Chiểu rời khỏi Sài-gòn.
Cụ lui về quê vợ là Thanh-ba, Cần-
giuộc, nhưng mong sống yên lành với
công việc dạy học và bốc thuốc.

Nhưng không, thực dân Pháp đâu
có để cho dân mình yên lành. Ngày
12-4-1861, phó Đô-đốc Page hạ thành
Mỹ-tho. Biên-hòa thất thủ ngày 9-9-
1861. Gò-công, Cần-giuộc, Tân-an bị
công phá ngày 14-12-1861. Ba tỉnh
miền Đông đều hoàn toàn lọt vào
tay quân Pháp.

Lại một lần nữa, nhà thơ mù lòa
của chúng ta rời Thanh-ba đi Ba-tri :

« Vì cầu danh nghĩa phải đi ra
Day mũi thuyền Nam dạ xót xa »

Lấy xong ba tỉnh miền Đông, quân
đội Pháp dùng làm bàn đạp tiến đánh

ba tỉnh miền Tây. Ngày 27-3-1862,
Bonard hạ thành Vĩnh-long. Thành
Vĩnh-long thất thủ, gây xúc động
mạnh trong lòng nhà thơ Cử-Trị :

« Tan nhà cảm nỗi câu ly hận
Cát đất thương thay cuộc giảng hòa ! »

Nhưng sĩ phu miền Nam không
chấp nhận cuộc giảng hòa ấy bởi vì :

« Thà thua xuống lảng xuống bưng
Kéo ra đầu giặc lỗi chừn quân thần »
(Cử Trị)

Đề rồi từ đó, khắp Nam-kỳ đâu
đâu cũng nghe « trống nghĩa bảo an
theo sấm rập, cò thù công tử guộng
mây qua. »

Từ mười tám thôn vườn trầu với
cuộc khởi-nghĩa của Quản Hớn, đến
cuộc chổi dậy ở Gò-công với Trương-
Định, ở Mỹ-tho với Thủ Khoa Huân
ở Rạch-giá với Nguyễn-Trung-Trực,
ở Đồng-Tháp với Thiên-Hộ-Dương,
sĩ phu miền Nam hợp cùng nhân
dân kiên cường đứng lên chống lại
quân xâm lược.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, các bài
hịch, phú, văn tế yêu nước thi nhau
ra đời. Đó là những hồi còi giục giã
mọi tầng lớp dân chúng đứng lên
chống lại kẻ thù chung. Có bài mang
tên tác giả. Có bài tác giả bị mai
một nhưng đánh dấu tiến trình chống
xâm lăng của người dân miền Nam

vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Các bài thơ, bài văn vô danh ấy được truyền miệng trong dân gian. Chúng đã sống trong lòng quần chúng và đã in hằn tinh thần đối kháng của người dân miền Nam đối với xã hội « tân trào ». Chúng có một giá trị quý báu trong việc nghiên cứu thời kỳ đầu lịch-sử chống xâm lăng của toàn dân ta, kể từ khi những tiếng súng xâm-lược đầu tiên bắn phá Cửa Cần-giờ vào ngày 11-2-1859.

Chế độ « tân trào » được thiết lập với chỉ-dụ của Soái-phủ Nam-kỳ ban hành ngày 10-1-1863 nhằm áp đặt nền hành-chánh thuộc-địa. Ngày 9-11-1864, Soái-phủ Nam-kỳ bổ túc chỉ-dụ trên với nghị-định thiết lập tòa Giám-đốc Nội-trị.

Trong trạng huống mất nước, mất chủ-quyền, các nhà thơ của quần chúng đã đóng góp được gì cho cao trào chống ngoại xâm và đã đánh thức tình tự dân tộc bằng đường lối nào ?

Khi ba tỉnh miền Đông lọt vào tay thực dân, Cáo thị cần vương ra đời, báo động tình trạng khẩn trương :

« Lời truyền cáo thị
Nói với sĩ phu
Nước Nam ta có mối xung thù
Cùng giặc Tây là loài dê địch
Bởi chúng nó đem lòng bội nghịch
Khiến dân mình gặp thuở loạn ly »

Trước cảnh mất nước, người dân miền Nam trăm người như một thể quyết đứng lên chống xâm lăng :

« Chữ « đặc dân vi bồn », sợ chi mà đánh cắt đất nhường man di ?

« Lời dân nghe trời nọ cũng nghe, dạ ta quyết ai mà chẳng quyết ? »

(Hịch Bình Tây)

Chánh nghĩa luôn luôn đứng về phía nhân dân. Có nhân dân tức có chánh nghĩa, chánh nghĩa ấy sáng ngời với lời thề quyết chiến của sĩ dân miền Nam :

« Binh thì chốn làng đông xã cả, một kẻ theo ngàn kẻ đều theo

« Lương thì nơi phú hộ lực điền, một người nghĩa muôn người cũng nghĩa. »

(Hịch Bình Tây)

Nghĩa dân vốn là những nông dân chất phác làm ăn. Trước cơn quốc biến, họ đành bỏ ruộng vườn, rèn dao luyện võ, đứng chung dưới ngọn cờ Bình Tây. Lòng yêu nước của họ như thành trì kiên cố chống lại bước tiến vũ bão của kẻ thù. Họ yêu nước nhưng họ lại thiếu tinh luyện trong kỹ thuật tác chiến, họ liều chết để máu họ đời đời tô thắm cho miền Đồng-nai Bến-Nghé thân yêu này :

« Ngậm ngùi thay ba bốn lần Gò-vấp, cây cỏ khô thân thể cũng khô

« Bát ngát nhẽ (?) mười tám thôn vườn trầu, hoa trái rụng người đời cũng rụng !

« Mấy dặm Gò-đen Rạch-kiến, ngọn lửa thiêu sự nghiệp sạch không

« Đồi nơi Rạch-lá Gò-công, trận gió quét cửa nhà trống lồng

« Tiếng kêu oan, oan này vì nước hồn nghĩa dân biết dựa vào đâu ?

« Thân liễu thác, thác vậy cùng
vua, xương nghĩa sĩ chất đống đầy
đống ! »

(Gia-định phú)

Thực dân đi tới đâu tàn phá tới
đó. Chùa chiền là nơi tôn nghiêm,
chúng cũng không chừa. Cho nên dưới
gót giày xâm lược, Nam-kỳ chỉ còn
là một vùng điêu tàn, vắng lạnh rợn
người :

« Âm ạt súng rền cửa Bắc, hải hùng
trăm họ dứt câu ca.

« Tò le kèn thời trời Nam, man
mác năm canh không tiếng trống. »

(Gia-định phú)

Và đau xót hơn nữa với những
thống khổ của người dân bị trị :

« Ở đâu mà chẳng thấy phá miếu
chùa, đào mồ mả, làm những việc
bất nhân

« Ở đâu mà chẳng thấy đốt nhà
cửa, hãm vợ con, làm những điều
vô đạo ».

(Cáo-thị Cần-Vương)

Xã hội đồ nát, cương thường đạo
lý của người dân Việt bị băng hoại :

« Từ Bến-thành trải qua Chợ-đũi,
loài tanh hôi la liệt biết bao nhiêu

« Nơi Chợ-lớn, khắp tới Cầu-kho,
quân mọi rợ lấy lưng, nên quá lắm

« Cầu Thị-nghè cùng nơi Chợ-
quán, quân xâm lược (?) người ấy
vênh râu

« Chúa Cần-Đệm trải đến Cây-mai,
Phật Bồ-tát phải nghèo ôm bụng. »

(Gia-định phú)

Xã hội « tanh hôi » ấy là xã hội
« tân trào » do thực dân áp đặt bằng
bạo lực. Con người đứng vững thế
nào đi nữa với thời cuộc, cũng bắt
đầu suy nghĩ về thân phận làm dân
bị ngoại thuộc. Chủ quyền trong
một nước đã mất thì mọi giá trị
về nếp sống con người V.N. chắc
không thể tồn tại. Điển hình nhất
là tình vợ chồng, trước khi Tây lại,
dựa trên cơ sở lòng yêu thương đắm
thắm, nghĩa mặn nồng thì bây giờ,
với sự có mặt của ngoại nhân trên
đất nước thân yêu, tình vợ chồng
chỉ dựa vào tiền bạc. Người con gái
bán xú trong một phút sa cơ đã bị
tiền bạc cám dỗ, bán rẻ thân thể
cho bọn Lang-sa. Đề kéo họ trở về với
nếp sống căn cù nhẩn nại, trọng đạo
nghĩa của người dân Việt, một nhà
thơ vô danh đã khuyên nhủ :

« Bậu ham đồng bạc con cò

Bỏ cha bỏ mẹ theo phò Lang-sa

Lang-sa chẳng phải là chồng

Ham vui lấy nó tơ hồng nào xe. »

(Ca dao)

Sau khi ba tỉnh miền Đông Nam-
kỳ lọt vào tay quân Pháp, Tôn-Thọ-
Tường hết lời ca ngợi chế độ « tân
trào » trong *Lời truyền thị*. Năm 1903,
tập *Thơ Nam-kỳ* (1) ra đời, tố cáo

(1) Theo Nguyễn Liên-Phong trong «*Điều
cò hạ kim thi tập* » tác giả *Thơ Nam-kỳ*
là Đốc-phủ Trần-Từ-Ca. Nhưng trong thực
tế, ông Ca góp nhặt các bài thơ đương
thời. Hơn nữa Đốc-phủ Trần-Từ-Ca bị
nghĩa quân của Quàn-Hơn giết năm
1885 tại Hốc-môn trong cuộc chỗi dậy
mười tám thôn Vườn Trầu. Xem «*Văn
học miền Nam chống xâm lăng* », cùng tác
giả, sắp xuất bản.

xã hội «hồi tanh» ấy với những cảnh như nhóp. Nào bọn thông ngôn, bọn hầu cận quan Tây, bọn chạy bàn, bọn đi đi m lấy Tây lần lượt được mô tả dưới ngòi bút vừa hiện thực, vừa trào lộng. Nhờ đó ta thấy được lối sống a dua, ton hót của những kẻ đã bán rẻ lương tâm cho thực dân. Đây là bọn bồi bàn :

«Đáng thương mấy chú dọn bàn
Nhiều điều giấy vở, xênh xang với đời
Đưa nghèo bắt chước làm hơi
Tuy người quân tử sánh chơi
không bằng».

Bọn này thường «làm tàn» với dân bản xứ mặc dầu họ chưa gột rửa hết được phong thái của lớp người dốt đặc nhưng nhờ thời cuộc đưa lên địa vị «cao sang» của xã hội «tân trào» :

«Ra vào làm bộ hung hăng
Xét ra mới biết là thằng dọn cơm!»

Họ «bập bẹ» ba mớ tiếng Tây. Thế là họ được Tây trọng dụng đề rồi chính họ hưởng dẫn ngoại nhân giẫm nát lên quê hương mền yêu này, cho tới nay trong dân gian vẫn còn truyền miệng những câu «nửa nạc nửa mỡ» của thứ tiếng Tây «ba rọi» mà bọn bồi bếp sử dụng hằng ngày với «bà đầm ông Tây» :

«Cu còm cu ngói cu xanh
Cồ cồ xiêm, cồ cồ ta
Ba nanh chuối sứ, ba nanh chuối già».

«Cồ cồ» tức *coco* là trái dừa, «ba nanh» tức *banane* là chuối, Quần

chúng đã kết hợp tài tình hai thứ tiếng để chế giễu bọn bồi bếp, bọn ăn học chẳng ra gì nhưng lại được thực dân trọng dụng.

Đã vậy, bọn buôn hương bán phấn mới ngày nào mặt búng da chì nghèo xơ nghèo xác, bây giờ trở thành cô Hai, cô Ba đề rồi cũng trở mặt làm phách với đám bình dân chịu nghèo chịu khổ :

Một đêm chẳng biết mấy chong
Chà-và, ma-ni cũng đồng «lội» qua!
Ngày thì hôn hờ vào ra
Ai xa xem thấy: chị Ba ngoắt vào.»

Kể đến là bọn lính mã-tà, những con người hàng phục chế độ «tân trào», chỉ biết dùng cây ma-trắc tác oai tác quái, xách nhiều lương dân!

«Đời ôi nhiều nỗi bợn nhơ
Mã-tà có chủ hay quơ hay quào
Giận ai gươm súng phao vào
Báo quan nhà nghịch, vậy rào
xét coi.»

Chế độ «tân trào» với danh nghĩa khai hóa nhưng trong thực tế làm cho dân chúng đồ thán. Nước mất chủ quyền thì người dân làm sao có hạnh phúc được?

Kề từ có giặc Lang-sa
Muôn dân thiên hạ nhà nhà đảo điên

Dân tình ai nấy ưu phiền
Sưu cao thuế nặng quan truyền vô đáy».

(Năm canh diêm mục ca)

● Từ xâm lăng đất đai đến xâm lăng văn hóa.

Tuy nhiên, trước sức mạnh của quân xâm lược, thánh tri văn hóa

vẫn còn bởi vì nền giáo dục tại thôn ấp vẫn còn ăn sâu vào nếp sống người dân với bóng dáng khả kính của ông Đồ, với chữ Nho, với chế độ thi cử tại thành Gia-định. Thực dân đã nhìn thấy cái rễ sâu văn-hóa ấy. Một dân-tộc còn sức mạnh về văn-hóa, về giáo dục, dân tộc ấy không thể mất gốc, không thể phản bội lại quyền lợi của đất nước và cũng không thể quì lụy trước thế lực xâm lăng.

Ngày 6-4-1878, Soái-phủ Nam-kỳ ban hành nghị-định bắt buộc áp-dụng chữ quốc-ngữ. Chữ Nho lui dần vào bóng tối để cuối cùng bị lãng quên vào năm 1904 khi thực dân Pháp bãi bỏ kỳ thi Hương ở Gia-định. Chúng ta nên ghi nhớ tại Nam-kỳ, thi Hương bãi bỏ từ năm 1904 trong khi ở Bắc năm 1915 và ở Trung năm 1918.

Bãi bỏ thi Hương chưa đủ. Chánh quyền thực dân xóa luôn mọi di tích văn hóa còn gây cho người dân Nam-kỳ mối cảm hoài đối với thời kỳ tự chủ vàng son của đất nước thân yêu. Nhằm đoạn tuyệt với di vãng, thực dân Pháp đã nhấn tâm phá bỏ trường thi và Văn-miếu Gia-định. Ngày nay các di tích vô giá này hầu như bị lãng quên. Những người sanh ở Sài gòn từ năm 1862 được xem như những con người sinh hoạt trên đất mới. Mới ở đây là mới với tân trào, với thực dân Pháp chủ quyền dân tộc còn gì nữa với hòa ước 1862 và 1874 ra đời trong cảnh « non nước tan tành ». Chữ quốc ngữ nhờ thế cũng lớn mạnh trong sinh

hoạt của người dân bị trị.

Ngày 15-4-1865, tờ Gia-định-báo chánh thức ra đời với sự yểm trợ đắc lực của chánh quyền nhằm phổ biến các tin tức bằng chữ quốc-ngữ. Ngày 9-5-1865, Thống-soái Nam-kỳ, thời đó là Đô đốc Roze, viết một lá thư gởi cho Bộ-trưởng Bộ Thuộc-địa, trong ấy tác giả đã ghi rõ dụng tâm của thực-dân khi cho phép thành lập tờ Gia-định-báo : « Tờ báo này (tức tờ Gia định báo) nhằm phổ biến trong giới bản xứ tất cả những tin tức đáng cho họ lưu ý và cho họ có một kiến-thức về những vấn đề mới có liên quan đến văn-hóa và những tiến bộ về ngành canh-nông. Như vậy tờ báo này xuất bản mỗi tháng một lần sẽ là một sự hữu ích không thể chối cãi được và nó sẽ góp phần vào việc thay thế chữ của chúng ta và chữ Hán, một thứ chữ mà chỉ có một thiểu số quan lại hiểu biết mà thôi. » (1)

Ngày 22-2-1869, chữ quốc ngữ được chính thức sử dụng trong các văn kiện nhà nước với nghị định do Thống-soái Nam-Kỳ thời đó là G. Ohier ban hành. Nghị định gồm hai điều :

Điều 1 : Kể từ ngày 1-4-1869, tất cả giấy tờ chính thức nghị định, quyết định, án lệnh, phán quyết, thông tư v.v... đều sẽ được viết và công bố bằng mẫu-tự Âu-châu với chữ ký của những vị có thẩm quyền

Điều 2 : Không một bản dịch nào

(1) Trích Huỳnh văn Tông, Lịch sử báo chí, Tri Đăng x.b.

của những văn thư đó bằng chữ Nho sẽ có tính cách xác thực và chỉ có thể được nhận như những lời chỉ dẫn. Nhưng một bản dịch bằng chữ Nho các nghị định và luật lệ sẽ được đặt trên cùng một tờ giấy, bên cạnh bản văn bằng tiếng An Nam. »

Nghị định được ký ban hành và đăng vào công báo Pháp (1). Nhưng có lẽ dân chúng trong Nam thời ấy vẫn một lòng khấn khít với chữ của Thánh Hiền. Cho nên chín năm sau, Soái-Phủ Nam-kỳ chỉ thị các cơ quan thuộc địa cũng như dân chúng phải thi hành nghiêm chỉnh việc dùng chữ quốc ngữ với Nghị định ngày 6-4-1878 gồm các điều khoản căn bản sau đây :

Điều 1 : Kể từ 1-1-1882, tất cả những văn kiện chính thức : nghị định, quyết định, sắc lệnh, phán quyết, chỉ thị v.v... đều được viết, ký và công bố bằng chữ mẫu tự la tinh.

Điều 2 : Kể từ ngày trên, không một tuyền dụng nào được thi hành không một thăng trật nào được cho phép trong ngạch phủ, huyện, tổng, đối với bất cứ ai không ở trong tình trạng viết được chữ quốc ngữ.

.....

Điều 4 : Kể từ ngày 1-1-1866 không một ai được giữ những chức vụ kể trên nếu không biết đủ chữ quốc ngữ. »

Năm 1879 đánh dấu sự chuyển hướng của chế độ thuộc địa tại Nam

kỳ. Kể từ năm này, Thống-đốc Nam kỳ không còn là quân nhân, do đó không phụ thuộc vào Bộ Hải-quân nữa như trong những năm trước mà giờ đây phụ thuộc vào Bộ-trưởng Bộ Thuộc-địa. Năm 1879 còn là năm hệ trọng đối với nền học chánh tại Nam-kỳ. Với Nghị-dịnh ngày 17-3-1879, Thống-đốc Nam kỳ là Le Myre de Vilers thiết lập cơ cấu tổ chức học chánh nhằm xóa bỏ lề lối học cũ dựa vào chữ Nho. Các trường sơ cấp được thiết lập tại thôn ấp để giảng dạy chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

Việc nhà cầm quyền thực dân bãi bỏ chữ Nho và áp dụng chữ quốc ngữ trong các trường học không phải vì chữ Nho khó học, chữ quốc ngữ dễ học mà trái lại thâm ý của thực dân là với chữ quốc ngữ, họ làm cho tuổi trẻ ngồi ở ghế học đường hoàn toàn đoạn tuyệt với dĩ vãng, không còn gắn liền cuộc sống vào cộng đồng dân tộc. Nhờ đó, với nền học chế mới dựa vào chữ quốc-ngữ, thực dân sẽ đào luyện tuổi trẻ « theo khuôn mẫu của họ ». Lanessan, Toàn quyền Đông-dương, đã nhận điều này trong quyền Les Missions et leur Protectorat.

Ngày 17-3-1879, Thống-đốc Nam-kỳ là Le Myre de Vilers ban hành nghị-dịnh thiết lập nền học-chánh mới tại Nam-kỳ. Ngày 28-10-1879,

(1) Tất cả các nghị định, quyết định, thông tư, thông cáo liên hệ đến việc dùng chữ quốc ngữ đều trích từ bộ Bulletin Officiel de la Cochinchine française, Thư viện quốc gia Sài Gòn.

nhằm nói rõ ý định của nhà nước bảo hộ trong việc bãi bỏ chữ Nho và áp dụng chữ quốc ngữ, ông còn gửi một thông tư cho các quan tham biện Tây tức các quan đầu tỉnh đang thực thi đường lối cai trị của Soái-phủ Sài-gòn. Thông tư khá dài. Sau đây là đoạn chánh trong thông tư cho thấy bộ mặt thật của chánh sách khai hóa của thực dân:

« Mặt khác, việc dùng chữ Nho là một cản trở lớn lao đối với sự phát triển nền văn minh Âu-châu. Vậy mọi nỗ lực của chúng ta phải nhằm xóa bỏ cản trở đó...

« Những mẫu-tự la-tinh sẽ được dùng để viết thư từ chính thức với tất cả các làng biết viết chữ trên. Một vài đồng nghiệp của Quí vị nêu thắc mắc với tôi rằng có quá ít số làng biết thứ chữ viết bằng mẫu-tự la-tinh. Điều này không quan trọng, điều quan trọng là phải bắt đầu. Nếu chỉ một làng trong quận của Quí vị biết như vậy đã đủ lúc ban đầu: nếu dựa vào những nhu cầu đích thực của xứ này và quyền lợi của nước Pháp sự tiến bộ mà chúng ta đang theo dõi rất cần thiết đến nỗi, nó không thực hiện được với thời gian, chúng ta nhẫn nại theo đuổi công trình này, tôi tin chắc sau 10 năm chúng ta có thể cấm dùng chữ Nho. »

Thế là trận chiến giữa chữ Nho và chữ quốc-ngữ đã mở màn vào cuối thế-kỷ 19. Cuộc thư hùng nào rồi cũng phải đến hồi kết cuộc một bên thắng, một bên thua. Một bên

với chữ quốc ngữ do thế lực ngoại bang và tôn giáo yểm trợ, với sự quyết tâm thực hiện của chánh quyền xâm lược. Một bên với chữ Nho, với bóng dáng khả kính của ông Đồ đã mất thế đứng trên sân khấu văn-hóa và chánh trị. Trong viễn tượng đó việc áp dụng chữ quốc ngữ lúc khởi thủy là một hành động xâm lăng. Sự xâm lăng này hệ trọng hơn xâm lăng đất đai. Đó là xâm lăng văn hóa nhằm cắt đứt những thế hệ học chữ quốc ngữ với dòng lịch sử, với di sản văn hóa, nói chung là với hồn nước. Tuổi trẻ không còn tình tự dân tộc, tuổi trẻ ấy ngay từ ngưỡng cửa học đường đã mất gốc trên chính quê hương của họ.

Theo lời thuật của những người trong gia đình cụ Đồ Chiêu, lúc còn sanh tiền, cụ đã « nhìn thấy » manh tâm của thực dân trong chiến tuyến văn hóa (1). Cụ dặn con cháu đừng học chữ quốc ngữ, cái thứ chữ ngoằn ngoèo do Tây phương mang lại. Đề thể hiện tinh thần đề kháng quyết liệt, cụ Đồ nhứt định không dùng xà bông, không đi trên đường lộ do thực dân mộ phu bản xứ đắp lên.

Cho tới nay, người dân trong Nam vẫn còn thuật với nhau chuyện hồi Tây mới qua lập trường, bắt trẻ đi học, em nào không đi hoặc bỏ học, làng sai trùm bắt trời rồi khiêng như khiêng heo đến trường. Nhà cầm quyền viện lẽ phải cưỡng bách đi học mặc

(1) Xem : « Đồ Chiêu nhìn qua lăng kính lưỡng chiều », cùng tác giả, sẽ đăng trên Bách-Khoa.

dầu suốt thời kỳ bị trị không có một đạo luật về cưỡng bách giáo dục. Thành thử hành động bắt trẻ đi học, tức học chữ quốc ngữ, là một hành động cưỡng bức của nhà cầm quyền chứ không phải hành động yêu dân, thân dân, nhằm khai hóa dân trí như chiêu bài thực dân thường viện dẫn. Hoặc giả câu chuyện các nhà giàu trong Nam còn lưu luyến với triều đình Huế, không cho con đi học với nhà nước bảo hộ, muốn con nhà nghèo đi học thế. Nhờ đó mà con nghèo nhờ biết chữ quốc ngữ và chữ Tây, sau làm tới Phủ, Huyện trong guồng máy cai trị của thực dân (1).

Trong cuốn « Một chuyện âm mưu người An nam » mà chúng tôi đã giới thiệu với độc giả Bách-Khoa, cụ Phan Văn Trường, một trong bộ ba của nhóm La Cloche fêlée, đã cực lực tố cáo manh tâm của thực dân trong việc bãi bỏ chữ Nho và áp dụng chữ quốc ngữ. Theo cụ Phan, người Pháp thay thứ chữ này bằng thứ chữ khác không phải vì thương yêu dân An-nam, không phải vì muốn khai-hóa dân bản xứ mà trái lại với chủ đích hoàn toàn có tính cách thực dân (Chương 8 Sdd với tựa đề « Vấn đề gai gốc của việc giáo huấn người bản xứ tại Đông dương »). Khi bàn đến mối liên hệ chặt chẽ giữa xâm lăng đất đai và xâm lăng văn-hóa, cụ Phan-Văn-Trường viết: « Tôi biết vấn đề giáo huấn dân bị trị là một vấn đề tế nhị, mà giải pháp tùy thuộc vào chủ đích của sự xâm lăng. »

Cho tới nay, chúng tôi chưa tìm được một tập sách nào viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm của sĩ-phu miền Nam vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 chống lại việc thay thế chữ Nho bằng chữ quốc ngữ. Nhưng còn quần chúng thì sao? Họ chống bằng đường lối nào?

Đề trêu ghẹo học trò lớn tuổi mà còn con nít, tánh tình không thuần nhũ như mấy thầy khóa thời trước, và ông thầy dưới chế độ thực dân chỉ biết dùng roi vọt đánh đập, quần chúng trong Nam thường hát:

« Học trò ăn vụng cá kho
Ông thầy bắt được đánh mo trên đầu. »

Theo quan niệm người VN, đầu thờ ông bà, mo dùng để bói đit. Với ông thầy lấy mo đánh đầu thì chế độ giáo dục ấy còn có ra gì!

Một điểm khá đặc biệt trong văn thơ truyền miệng chống đối sự xâm lăng văn hóa là các câu hát thường được đặt dưới hình thức tục. Quần chúng đã dùng cái tục để chống lại sự cưỡng bức văn hóa qua các câu:

« Học trò đi vừa bánh cưng
Thầy ở nhà xách thúng chạy theo. »

Hoặc:

« Học trò đi mò cá sặt
Thầy ở nhà cắt c... nấu chua »

Hoặc tục hơn nữa:

« Học trò đi mò con gái
Thầy ở nhà xách giãi chạy theo. »

(1) Xem Vương Hồng Sên, Sài Gòn năm xưa, trang 224.

Tại sao quần chúng phải dùng cái tục để chống lại sự nô dịch văn hóa? Chúng ta đều biết văng tục, nói tục, chửi tục, làm thơ tục, ngôn ngữ tục, tất cả những thứ đó dùng để biểu diễn một tình cảm giận dữ, một thái độ không phục tùng, một đề kháng tuyệt đỉnh. Một trường hợp điển hình của văn học nước nhà là nhà thơ Tú-Xương nghèo xơ nghèo xơ c đề cuối cùng chỉ còn biết chửi đồng.

Như trên chúng ta đã thấy, thực dân vừa thiết lập xong nền hành chánh tại Nam-kỳ là họ quay sang học chánh. Chữ Nho lui dần vào lãng quên. Các nhà Nho mất thế đứng, họ hòa mình vào cuộc sống của tầng lớp bình dân để « ôm một mối cảm hờn ».

Trong thời kỳ đầu văn học quốc ngữ thì chữ quốc ngữ đã vô tình là công cụ của chủ nghĩa thực dân. Nó được khuyến khích, phổ biến không ngoài mục đích phục vụ cho quyền lợi của ngoại bang. Trường hợp chữ quốc ngữ được lập ra theo kế hoạch bình định của thực dân Pháp. Chúng tiến dần về thôn ấp và lấn áp các trường dạy chữ Nho. Một số người thỏa hiệp với chế độ « tân trào », ra làm thầy giáo dạy chữ quốc-ngữ hoặc chữ Pháp tức đóng vai trò độc tôn của ông Đồ thời nước nhà độc lập. Hình ảnh ông thầy thời trước được tôn kính bao nhiêu thì với chế độ « tân trào » ông thầy trở nên môi giới và gạch nối giữa giai cấp thống trị và dân bản xứ để thi hành chánh sách cưỡng bức văn hóa. Xóa được

chữ Nho trong sinh hoạt văn hóa bản xứ tức chặt đứt được dòng truyền cảm luân lưu của hồn dân tộc trong tâm khảm con người và bi đát hơn nữa, con người ở đây đã mất tự do. Ngày nào chữ Nho còn đất đứng, ngày đó tuổi trẻ còn đọc được tân thư của Tàu, còn suy nghĩ về hai chữ mất nước để rồi thực dân không thể biện minh sự có mặt của họ trên đất nước Việt nam.

Năm 1879, Thống đốc Nam-kỳ ban hành nghị định thiết lập nền học chánh mà căn bản là việc áp dụng chữ quốc ngữ.

Năm 1917 tức 38 năm sau, trong phúc trình của Toàn quyền Đông-dương gửi Bộ-trưởng Bộ Thuộc địa đề xin bảo trợ cho Tạp chí Nam Phong, Albert Sarraut có nhắc lại báo cáo ngày 3-2-1911 của ông Noel Peri thuộc trường Bác cổ Viễn đông. Ông Peri thôi thúc nhà cầm quyền thực dân phải sớm xóa bỏ chữ Nho trong chương trình giáo huấn bản xứ bởi vì họ: « trò bản xứ còn đọc được chữ Nho, thì còn trọng vọng Trung-hoa, còn đọc được tân-thư thì tâm hồn vẫn còn nhớ tới cội nguồn, còn nhớ tới lịch sử hào hùng của dân tộc Việt trong việc dựng nước và giữ nước ».

Bản chất của thực dân là xâm lăng, bóc lột, vong thân. Do đó hành động của thực dân không có chi là cao đẹp. Đây là một hành động « tục » hiểu theo nghĩa xấu xa, dơ bẩn, nhơ nhớp. Khí giới sắc bén của người dân bản xứ chống lại sự nô dịch văn hóa là lấy cái « tục »

để chống lại cái « tục ». Người thi hành chánh sách xâm lăng văn hóa không ai khác hơn là các ông thầy giáo của chế độ « tân trào ». Chỉ trích họ qua những hành động tục, ngôn ngữ tục, thật ra chưa nói lên hết nỗi lòng căm phẫn của người dân bị trị, nhất là của tầng lớp Nho

sĩ đã mất đất đứng trong xã hội mất chủ quyền.

LONG ĐIỀN

Kỳ sau: Hai tập thơ bình dân Nam kỳ đã làm rung rinh chế độ thực dân vào đầu thế kỷ 20.

Đông Y - sĩ

TRẦN VĂN BỊ

Thoại Ngọc Hầu — Gia Định

TUẤN ÂU PHỤC

Cắt hay — May khéo

428, Phạm Hồng Thái — Gia Định

ETERNIT

VIET NAM S. A.

Sản xuất Vật-liệu Kiến-trúc Fibro-ciment

- Tôn dợn sóng lợp nhà
- Tôn bằng làm vách và trần nhà
- Ống nước

Văn phòng : 26, đường Tôn Thất Đạm, Saigon — Đ. T. : 98.673
Nhà máy và xưởng sản xuất : Khu Kỹ nghệ BIÊN HÒA — TAM HIỆP

Từ một kiểu trường học cho các xóm nghèo đến một bước canh tân cho nền Giáo - dục Tiểu - học

MỘT BƯỚC CANH-TÂN CHO NỀN GIÁO-DỤC TIỂU-HỌC

Cho nên, khi đã rút được kinh-nghiệm hữu-hiệu, công-thức lấy tiểu công-nghệ làm nền-tảng giáo-dục trên đây còn có thể đem thực-hiện ở các trường Tiểu-học ta từ thôn-quê đến thị thành, bởi vì đó là một kiểu trường cho các xóm nghèo nhưng cũng là một bước tiến đề canh tân nền giáo-dục của ta ở cấp Tiểu-học, đã quá cũ kỹ, vốn đã xa rời dân-chúng từ thuở khai-sinh do một chế-độ ngoại-thuộc.

Nước ta là một nước nông-nghiệp, mà nghề nông là một nếp sống theo mùa; giữa những vụ gặt hái cấy cày là thời-gian rảnh rỗi, sinh-hoạt dân-chúng được chuyển sang những nghề phụ thường là những thủ công-nghệ trong gia-đình: bà con ta ở nông-thôn thường làm và biết rất nhiều nghề lặt-vặt từ đan nong đánh cá đến tập chim săn chồn, và cả những nghề đáng lẽ phải chuyên-nghiệp như thợ nề, thợ mộc, thợ dệt... Đó là một nếp sống cổ truyền còn tồn tại với phần đông dân ta lâu dài nữa, nhưng xưa nay chưa hề có một chế-độ giáo-dục nào nhằm mục-tiêu đào-tạo những con người cho một xã-hội như vậy.

Về một kinh tế thì khi tiểu-công-

nghệ được trao cho những người có học và hiểu biết về kỹ-thuật giảng dạy, chúng ta mới có cơ cải-tiến được những nghề cổ-truyền đã từng là mạch sống của dân ta một thời, cho khỏi lạc-hậu để còn tiếp tục nuôi sống chúng ta lâu dài hơn nữa với những tài-nguyên thiên-nhiên trong nước và số nhân công dồi-dào còn đang khiếm dụng trong một xã-hội nông-nghiệp chưa tiến-bộ như ở nước ta. Đừng tưởng rằng khi nhân loại đang mơ tới bốn biển một nhà như bây giờ thì chỉ những bang-giao quốc-tế mới đem lại tương-lai sáng tươi cho đất nước. Bài học đầu hóa đang làm ngõ-ngang thế-giới, đã thức tỉnh mọi người, khiến cho nhiều cường-quốc kinh-tế phải xét lại cơ-cấu kỹ-nghệ tối-tân của mình mà lâu nay họ tưởng như vững chắc lắm, để trở về với những nguồn năng-lực quốc-gia. Nền thủ-công-nghệ của ta là cả một di-sản lịch-sử của cha ông về kinh-nghiệm tự-túc tự-cường; tại sao các nhà kỹ-thuật kinh-tế của ta không nghĩ đến việc xây dựng một nền kinh-tế mới dựa trên cơ-sở sẵn có ấy? Cách nay ba bốn mươi năm, người Việt ta đã từ cái khung cửi cổ-truyền, sáng chế ra được một loại khung cửi máy không cần đến điện.

đến dầu, mà thích-hợp với trình-độ nhân công ta. Bây giờ, những bước tiến như vậy phải được tiếp nối, và nó chỉ được tiếp nối hữu-hiệu để dẫn ta đến một trình-độ sản-xuất cao mà không lệ-thuộc vào tài-nguyên nước ngoài khi chúng ta chịu đưa thủ-công-ng nghệ vào nhà trường làm khung-cảnh và đề-tài suy tư cho những thế-hệ trí-thức mới, ngay từ tuổi ấu thơ: Từ tám bé mà đã biết tự làm lấy đề dùng, đã sớm thấy cuộc sống mình gắn liền với thực-tế sản-xuất của xứ sở thì lớn lên, dù có gặp cơn túng quẫn, dù có được ngoại-nhân sẵn-sàng giúp đỡ đến đâu cũng không quên tự-túc tự cường trước, hơn là đi cầu viện-trợ, một nền kinh-tế ngoại-viện không bao giờ là một nền kinh-tế quốc-gia;

Có được giáo-dục từ ấu thơ, lớn lên, con người mới giữ được một bản-linh như vậy. Bởi vì có tự-túc được, người ta mới có thể tự-tin; những khả năng mà một sinh-hoạt kỹ-thuật, dù thấp hay cao, đã đem đến cho con người từ thuở nhỏ, đều giúp họ thêm tin tưởng vào chính bàn tay khối óc của mình trong đời sống về sau. « Cầu ư kỹ, bất cầu ư nhân » là bí-quyết của một xã-hội tuy còn là nông-nghiệp lạc-hậu mà rất ổn-định thịnh-cường của Á-Đông ta thời trước.

Câu chuyện dầu-hỏa hiện nay, với bộ mặt chính-trị của nó, có thể chỉ là nhất thời như mọi thực-thể chính-trị

xưa nay và sẽ chấm dứt bằng cách này hay cách khác. Nhưng vấn-đề nhiên-liệu vẫn còn nguyên vẹn: rồi đây các mỏ dầu, mỏ than sẽ cạn và người ta e rằng nó sẽ khô cạn trước khi nguyên-tử-lực và ánh nắng mặt trời có thể khai thác để thế vào. Lại còn chuyện môi-sinh nữa, kỹ-ng nghệ tân-tiến càng tách rời thiên-nhiên càng làm cho thiên-nhiên cạn cỗi, ô trọc, uy-hiếp trăm-trọng lẽ sinh-tồn của nhân-loại, một chủng-loại cũng cần điều-kiện thiên-nhiên như bất cứ chủng loại nào khác trong cái Sinh-cầu (Biosphère) này. Bởi thế mà ở các nước tiền tiến ngày nay người ta đang nói đến chuyện quan-niệm lại, xây dựng lại cái hạ-tầng cơ-cấu kinh-tế của họ cho thích-nghĩ với những đòi hỏi về môi-sinh. Chiều hướng kỹ-thuật hiện-đại không phải là sai, nhưng con đường còn phải dò dẫm. Và khi kẻ đi trước phải trở lui để đi lại trên đường mà họ đã lầm lạc thì người đi sau vừa mới lên đường, cũng chưa phải là quá muộn. Cho nên không phải là chúng ta cần trở về với thời Trung-cổ để đi bộ và thắp đèn dầu hay nén vào tâm-linh chịu đựng một cuộc sống phiến-diện, què-quặt, mà có người tưởng là *minh triết* để khỏi thấy mình bất lực. Vấn-đề phải là chọn một nền-tảng khác, xây dựng một cơ-cấu kỹ-thuật khác.

Câu chuyện nhiên-liệu ngày nay nằm trong khuôn khổ vấn-đề nguyên-liệu nói chung của công-kỹ-ng nghệ. Công-kỹ-ng nghệ chỉ bám vào một nguyên-liệu là công-kỹ-ng nghệ sắp suy

tàn. Từ xưa vấn-đề này đã được đặt ra và bao lần được giải-quyết; ta thấy đã có những cái ghế làm bằng gỗ, bằng tre, bằng mây, bằng sắt, nhôm, bằng nhựa, bằng đất nung chín trắng men, những cái mũ bằng gỗ diềm, bằng vải, bằng lác, bằng lá, bằng nhựa... đã tùy địa-phương và thời-đại mà xuất hiện; quần áo con người đã từ những mảnh da thú đến vải, tơ, len, nylon, giấy; chính giấy rồi đây cũng không còn làm bằng bột gỗ nữa vì rừng rú không làm sao nầy sinh cho kịp nhu-cầu. Hình như bí-quyết của một nền công-kỹ-nghệ quốc-gia là sản-xuất từ hoàn-cảnh địa-phương, một bí-quyết mà các nhà phát-minh đầu tiên của những thủ-công-nghiệp đã nắm vững; chứ không phải là chuyện bắt chước cho được kẻ khác. Nước Nhật nổi tiếng là theo kịp kỹ-nghệ Tây-phương, các Cụ Đông-du ngày xưa khâm-phục người Nhật đã bí-mật vẽ kiểu được các tàu thủy từ Tây sang đậu tại bến Nhật. Nhưng từ sau thất trận 1945, chưa bao giờ Nhật phải lúng túng qui-lụy ngoại-quốc bằng trong cuộc khủng-hoảng dầu hỏa vừa rồi, gây ra do một cơn hứng bất ngờ của vầng lãnh-tụ Á-rập mà trước đây chẳng mấy ai quan tâm đến. Thủ-tướng Nhật mới đây đã được thanh-niên Thái và Nam-dương đón tiếp thế nào? Còn bao lâu nữa người Việt ta sẽ nhắc đến chuyện họ đang đầu tư cho các nhà kinh-doanh ta trồng-trọt hoa màu cho họ? Bởi đâu mà Ouganda trục-xuất những dân gốc người châu Á? Các nước rồi đây sẽ được kỹ-

nghệ-hóa dần dần, không còn ai có thể bán tài-nguyên mình cho ngoại-quốc nữa. Và ngay bây giờ người ta đã nhìn thấy việc đó rồi. Chẳng nào người Nhật lấy được nhiệt-năng từ lòng đất của xứ mình vốn là nơi có nhiều núi lửa, hay lấy được động-năng từ thủy triều sóng biển, họ mới thực sự phú-cường.

Lại còn chuyện tận dụng nguyên liệu nữa. Nếu công-kỹ-nghệ tinh xảo thì nguyên-liệu không bị phung-phí: một cái ghế đóng khéo thì bền chắc lâu dài, không bị phế thải khi ván gỗ còn tốt, một cái chổi bó vụng-về thì sờ gãy trước khi nguyên-liệu mòn mục. Cho nên kỹ-thuật tiến-bộ còn gián-tiếp khuếch đại khối tài-nguyên quốc-gia.

Làm sao có được những tài-năng như vậy cho dân-tộc nếu không đặt con người lâu dài vào nếp suy tư trong hoàn-cảnh xứ sở và ngay từ thời thơ ấu?

Và lo cho ngày mai như thế cũng không phải là đi xa hiện tại: Khi kỹ-thuật được đưa vào các trường tiểu-học phổ-thông, nghĩa là phổ-cập đến tận quảng đại quần-chúng thì ý-thức kỹ-thuật được loan truyền rộng-rãi sẽ đẩy mạnh việc tiêu-thụ các sản-vật có phẩm-chất tốt, nâng đỡ rất nhiều nền công-kỹ-nghệ quốc-gia. Chỉ đàn bà đi chợ mà có ý-thức kỹ-thuật thì không còn ham những của rẻ do các tay ngang chế tạo nữa; người ta thà chịu tốn hơn một chút mà sắm được những đồ dùng tinh-xảo do các chuyên viên làm ra hơn là những

thứ rẻ tiền tạm bợ. Chính cái thói ham của rẻ vì thiếu ý-thức kỹ-thuật của dân-chúng đã làm cho nhiều chuyên-viên thành-thạo có bằng chuyên-nghiệp từ các trường kỹ-thuật ra không được dân chúng hiểu và tin dùng bằng những tay mới học lõm nghề lấy tiền công rẻ mạt. Khi còn có người thầu làm một ngôi nhà đồ-sộ hàng mấy chục triệu mà không cần đến một kỹ-sư, mở một hiệu sửa xe hơi máy điện mà không cần đến một cán-sự chuyên-nghiệp thì các chuyên-viên, mà chính-phủ đang dày công tốn của đào-tạo, chỉ còn dùng để bành-trướng guồng máy thơ-lại của chính-quyền hay là phải chịu thất-nghiệp !

Sự chấn-hương tiểu-công-nghệ quốc-gia khởi xướng từ học-đường còn đi xa hơn nữa : nhiều ngành công-nghiệp khác sẽ nhờ đó mà phát đạt, nghề mộc, nghề rèn làm dụng-cụ; nghề nông, lâm, súc và ngư-nghiệp cung-cấp nguyên-liệu. Rồi từ những tiểu-công-nghệ quốc-gia mà các chuyên-viên, kỹ-sư, giáo-sư kỹ-thuật của ta có dồi dào kinh-nghiệm để trao đổi cho nhau, xây dựng lên một nền kỹ-nghệ tân-tiến ngay trong quốc nội thì đó mới là những cơ-sở kinh-tế phục-vụ thực-sự cho chúng ta. Ngày nay, họ học trong sách vở theo kinh-nghiệm của nước ngoài, hay du học ở ngoại-quốc thì dĩ-nhiên họ chỉ hoạt động hữu-hiệu với máy móc và nguyên-liệu ngoại-quốc; những học-bổng mà ngoại-quốc sẵn-sàng cấp cho sinh-viên ta du học ở nước ngoài nên được hiểu với nhiều khía cạnh

sâu xa hơn là vô tư viện trợ.

Về mặt giáo-dục thì một canh tân giáo-dục như vậy rõ-ràng là một trách-nhiệm của thời-đại chúng ta, bởi vì bao nhiêu năng-khiếu di-truyền quý báu mà giống dòng đã tích-lũy từ trăm ngàn thế-hệ : những đức kiên-nhẫn, cần-cù, khéo tay lanh trí, ham chuộng sản-xuất mà các công-nghệ cổ-truyền đã hun đúc lâu dài trong huyết-thống của giống nòi, phải là những gốc rễ cần được nuôi dưỡng và bảo-tồn như những di sản quý giá của cha ông, không thể để cho một nền học sách vở và lý-thuyết như hiện giờ làm cho dần dà suy-vi mai-một.

Tuổi nhỏ là tuổi còn mang nặng bẩm-tính di-truyền vì chưa chịu nhiều ảnh-hưởng xã-hội, nếu muốn giữ lại những gì là tinh-hoa của nguồn gốc thì hãy bắt đầu từ đó. Một nền học sớm được đặt vào thực-tế xứ sở nhờ vậy mà tạo nên nền-tảng độc-đáo vững-vàng cho tài-năng và kiến-thức thu-nhận về sau : những lý-thuyết cao xa, suy-tư trừu-tượng, từ-chương khoa-cử mà nhiều nền học-thuật không tránh khỏi ở các cấp học cao, sẽ không dễ gì lay chuyển nổi để làm cho con người phải vong thân, dân-tộc phải vong bản.

Trong các chương-trình giáo-dục hiện-đại người ta nói đến sự hướng-dẫn (orientation) ngay từ lớp nhỏ. Nếu chúng ta không có một nội-dung học-tập thích-hợp với bẩm-phú con người thì thật khó mà đặt vấn-đề hướng-dẫn nhằm đúng những năng-khiếu đích-thực của họ từ tuổi ấu

thor đề sớm phát huy hữu-hiệu, tránh khỏi quá nhiều dò dẫm phung-phí công, của cho giáo-dục, trước khi đặt họ đúng vào hướng học hay hướng nghề có lợi tối-đa cho họ và quốc-gia.

Gẫm lại, nền giáo-dục phổ-thông nặng về trí-tuệ của chúng ta lâu nay đã bỏ rơi biết bao nhiêu con em có năng-khiếu về chân tay ! Đó là những em ở nhà thì rất khéo léo trong việc đồng áng, tháo-vát lanh-lợi trong việc gia-dình, công-nghệ, nhưng đến trường thì viết chữ xấu, tính toán chậm, không nói nên lời, viết nên câu, nhiều khi còn vô kỷ-luật vì bất mãn trong một môi-trường ngang trái với bầm-phú của mình. Họ không nhất thiết rồi sẽ là những công dân vô-dụng mà chính họ sau này mới làm nền-tảng cho mọi ngành sản xuất quốc-gia. Khoan nói đến nhân-đạo, chỉ xét về mặt thực-lợi đầu tư : nếu nhà trường thay vì hắt-hủi loại bỏ họ ra, lại chăm cho họ có một học-lực phổ-thông đầy đủ thì năng-xuất của họ sau này sẽ bội-phần tốt đẹp. Thế mà phần đông ấy, tuy chưa phải là trẻ bất thường, đã bị từ chối sau những loạt khảo bài hay thi vào lớp vì chúng ta không có một chương-trình giáo-dục phổ-thông nào khả dĩ thử-thách và xây dựng được những năng-khiếu bầm-phú riêng của họ từ tuổi ấu thơ. Người ta có thể nghĩ đến việc mở những trường dạy nghề từ tuổi nhỏ, nhưng kỹ-thuật ngày nay biến đổi quá mau lẹ, nếu không có một học-lực phổ-thông đến nơi đến chốn thì khó mà xoay chuyển

nghề-nghiệp mình cho kịp đà tiến của xã-hội, sau khi tốt nghiệp ở trường.

Muốn chấm dứt tình-trạng giáo-dục bất lợi, bất công, nghiệt-ngã ấy, không còn cách nào hơn là đem thủ-công-nghệ vào làm nền tảng giáo-dục văn-hóa cho trẻ con từ lớp thấp nhất ở nhà trường.

Nếu ta nghĩ rằng Giáo-dục nhằm đối-tượng là học-sinh chứ không phải đề phục-vụ cho các thầy giáo thì hãy mau mau thích-nghi Giáo-dục với học-sinh, đừng bắt học-sinh phải thích-nghi theo Giáo-dục, vì nền Tiểu-học ta không nhằm đúng xã-hội ta từ quá lâu rồi ; những hậu-quả không hay mà lớp người trước đây và cả chúng ta bây giờ đang gánh chịu ở nhiều bình-diện của quốc-gia biết đâu chẳng đã bắt nguồn từ đó.

ĐOÀN-NHẬT-TẤN

Cơ sở Xuất bản ĐỒNG DAO
hân hạnh giới thiệu cùng một lúc :

QUANH MÙA GIÓ CHƯỞNG
Thơ QUAN SAN

TẠ ƠN
NHỮNG GIỌT SƯƠNG
Thơ PHẠM CAO HOÀNG

* Phát hành vào thượng tuần
tháng 6/74.

* Bạn đọc ở xa hay những nơi
sách không phát hành tới được
có thể liên lạc mua sách ở địa chỉ :

Ô. NGÔ QUANG SIÊM

64, Thới Ngọc Hầu — Gia Định



Bồ máu Chuông vàng

Soluté B₁, B₁₂, Fer

FERAMIN

Mất máu — Đau mỏi khỏi — Ăn không tiêu — Bần thần mỏi mệt

Viện bào chế TENAMYD

Đặt kỹ và giữ trong tối

thuốc ho viên

Pectal FORT



trị các chứng **HO**



ho gà, ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm, suyễn
sưng cổ họng

• BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL FORT

trị các chứng HO

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cổ họng

Bán tại các nhà thuốc tây.

Valéry Giscard d'Estaing

*Vị Tổng Thống trẻ tuổi nhất
của lịch sử nước Pháp.*



Ngày 19-5-1974 vừa qua, quốc dân Pháp đã dồn phiếu cho nhà kinh tài Valéry Giscard d'Estaing lên làm Tổng Thống. Đây là lần đầu tiên mà Pháp có một vị Tổng Thống trẻ tuổi như vậy. Tuy rằng năm 1802, Napoléon Bonaparte mới 42 tuổi đã được cử làm Đệ-nhất Tổng-tài (Premier Consul), nhưng Napoléon lên nắm chính quyền bằng đảo-chính nên Valéry Giscard d'Estaing vẫn được coi là vị Quốc-trưởng trẻ nhất trong lịch sử của nền dân-chủ Pháp.

Cuộc đời của Valéry Giscard d'Estaing là một cuộc đời hết sức dễ dàng. Người ta có cảm tưởng ông sinh ra đời là để thành công. Bước hoạn-lộ của ông không có một mảy may trở ngại, bực thang danh vọng được ông leo một cách vô cùng mau chóng. Năm 25 tuổi được làm bổ Thanh tra Tài-chánh, 29 tuổi được cử làm Phó Đồng-lý Văn-phòng Thủ-tướng Chính phủ, 30 tuổi được bầu làm Dân-biểu, 32 tuổi Bộ-trưởng Tài-chánh, 36 tuổi Tổng-trưởng Tài-chánh và 48 tuổi ông bước vào Điện

Elysée với chức vị Tổng Thống Cộng Hòa Pháp quốc.

Tuy không phải là một thiên tài, nhưng nhờ đức tính cần cù, thận trọng và tính toán kỹ càng Valéry Giscard d'Estaing đã không cần phải nhờ tới thế lực của gia đình để lên mạnh, lên mau. Với một kỹ-thuật-gia như ông nắm chức vụ Tổng Thống, nước Pháp bước vào một giai đoạn lịch sử mới, giai đoạn mà các vấn đề Kinh tế, Tài chánh và Kỹ thuật sẽ được đặt nặng hơn là các vấn đề Chính trị và Xã hội.

I. MỘT TRANG THANH NIÊN THƯỢNG LƯU TRÍ THỨC.

Valéry Giscard d'Estaing sinh năm 1926 tại một tòa lâu đài cổ kính thuộc vùng Auvergne miền trung nước Pháp. Valéry là con trai đầu

lòng của một gia đình gồm có 2 trai và 3 gái. Cha của Valéry, Edmond Giscard d'Estaing, là Thanh tra Tài chánh (Inspecteur des Finances), một

chức vụ quan trọng trong guồng máy hành chánh của Pháp.

Gia đình Giscard d'Estaing là một gia đình thuộc giai cấp thượng lưu của xã hội Pháp. Ông và cha của Valéry, từ đời nọ qua đời kia, luôn luôn nắm giữ những chức vụ cao cấp trong chính quyền.

Về nguồn gốc của gia đình Giscard d'Estaing thì cũng có nhiều nguồn dư luận khác nhau. Vì thấy giòng họ này mang chữ « de » quý phái, lại thấy các người trong họ cư ngụ tại những lâu đài cổ kính, nhiều người đã cho rằng họ hàng Giscard d'Estaing thuộc một ngành tiểu quý - tộc (hobberaux). Nhưng nhiều người tộc mạch lại cố truy nguyên giòng họ này và cho biết đến tận năm 1922 giòng họ này vẫn chỉ mang cái tên Giscard tầm thường. Mãi đến năm 1922, một quyết định của Tham-chính-viện mới cho phép gia đình Giscard được thêm chữ d'Estaing vì giòng họ này vừa mua được một số mỏ thiếc mà tiếng Pháp gọi là « étain ».

« Quý phái thực hay quý phái giả » đó là những cuộc tranh luận mà người dân Pháp rất ưa thích, mỗi khi họ lời một gia đình lớn trong nước ra mồ xẻ để khen chê hay điều cợt. Và hiện thời, trong xã-hội Pháp, dưới chính thể Cộng-hòa vẫn còn đầy rẫy những gia đình giàu có tự phong cho mình là Công-tước hay Hầu-tước để lên mặt với bà con lối xóm.

Nhưng dù quý phái thực hay quý phái giả thì gia đình Giscard

d'Estaing cũng có một cuộc sống huy hoàng và con cái chịu một nền giáo dục khắt khe của quý tộc.

Ngay từ khi mới lọt lòng mẹ, Valéry đã được hưởng một đời sống vật chất sung túc hiếm có. Tùy theo thời tiết, Valéry được di chuyển từ lâu đài nọ tới lâu đài kia. Tại Paris, cậu ở một căn nhà tráng lệ đường Henry Martin trông ra rừng Boulogne. Mùa hè thì cậu không thiếu biệt thự trên bờ biển. Đề nghị ngồi, mỗi khi gia đình Giscard d'Estaing ở một nơi nào thì kẻ hầu người hạ bao quanh, nào là ả làm phòng, nào là cô đầu bếp, nào anh tài xế, nào chị vú em...

Nếp sống trong gia đình luôn luôn nghiêm khắc. Các con nói chuyện với cha mẹ thì phải bằm, phải thưa. Ngồi bàn ăn thì phải mặc đồ lớn, thắt cà-vạt, có hỏi đến mới được nói.

Riêng Valéry, vì là con cả nên trách nhiệm của cậu nặng nề hơn hết. Cậu có nhiệm vụ tổ chức các trò chơi để các em giải trí. Cậu phải ngâm thơ cho các em nghe, diễn kịch cho các em coi. Ngay từ ngày còn nhỏ Valéry đã thích âm nhạc. Cậu thích nhất chơi dương cầm nên được cha mẹ mượn thầy về nhà dạy nhưng một hôm thấy ông thầy dạy đàn khen là cậu có khiếu về dương cầm và chắc chắn sau này sẽ thành một nhạc sĩ lớn, ông Edmond, cha của Valéry, đã quyết định khóa đàn không cho Valéry học tiếp nữa.

Khi học Trung-học, Valéry là một

học sinh không có gì xuất sắc. Năm 14 tuổi các giáo-sư của cậu tại trường Trung-học Blaise Pascal ở Clermont Ferrand đã phê vào học bạ của Valéry rằng: « Học sinh tầm thường, không có tương lai (!) ».

Nhưng lúc còn học Trung học cậu có những hoạt động ít người được biết: đó là những hoạt động kháng chiến chống Đức. Tuy hàng ngày đến trường đều đặn nhưng trong cặp của Valéry chứa đầy truyền đơn kêu gọi dân chúng đi theo De Gaulle để đánh đuổi quân xâm lăng Đức, thu hồi độc lập quốc-gia.

Năm 1944, khi vừa được 18 tuổi, Valéry bỏ học xin gia nhập Đệ-nhất lộ-quân của Tướng De Lattre de Tassigny. Tuy có họ với De Lattre và tuy đã đậu Tú tài, Valéry đã phục vụ trong quân đội với cấp bậc binh nhì và hàng ngày phải làm tạp dịch và rửa gà-men như mọi người.

Khi theo Đệ-nhất lộ-quân sang chiếm đóng Đức, Valéry lại còn học chơi đàn Accordéon. Thấy cậu chơi hay quá, các chiến hữu trong Đại-đội đã góp tiền mua tặng cậu một cái đàn. Nhưng tiếc thay cái đàn này lại bị ông Đại-tá Chỉ-huy-trưởng tịch thu!

Được giải-ngũ, Valéry trở về theo học lớp dự-bị thi vào các trường lớn tại trường Trung-học Louis le Grand, nổi tiếng ở Paris. Tại đây vì học trò quá đông người ta phải kê thêm một cái ghế xếp cho cậu ngồi. Sau đó cậu đậu kỳ thi tuyển vào trường Bách-Khoa (Ecole Polytechnique) là một trường khoa học uy tín nhất nước Pháp. Nhưng vì kém

Toán nên Valéry tốt nghiệp trường Bách Khoa ở hạng chót. Tốt nghiệp Trường Bách Khoa xong cậu lại dự kỳ thi tuyển vào Trường Quốc-gia Hành-chánh (Ecole Nationale d'Administration) nơi người ta đào tạo các công chức ưu tú nhất của ngành hành chánh. Tốt nghiệp Thủ-khoa tại Quốc-gia Hành-chánh, Valéry Giscard d'Estaing được bổ làm Thanh-tra Tài-chánh. Như vậy ông Edmond đã có thể tự hào rằng ít nhất có được một đứa con nối nghiệp mình.

Viên Thanh-tra Tài chánh trẻ tuổi này lại có khiếu về văn nghệ. Ông thích nhất những vở kịch của Giraudoux và thích chơi dương cầm những bản nhạc cổ điển bất hủ của Mozart. Tuy phải vật lộn với các con số khô khan của ngân sách, Valéry Giscard d'Estaing vẫn còn làm thơ và viết tiểu thuyết. Nhưng gia đình ông không muốn có một người con bộc lộ những tình cảm ướt át bằng cách viết tiểu thuyết tình cảm nên Valéry Giscard d'Estaing đành phải ngậm ngùi hủy bỏ bản thảo đi.

Là một thanh niên trí thức của giai tầng thượng lưu trong xã hội nên ngay từ lúc trẻ tuổi Valéry đã có một tương lai bảo đảm. Thêm vào đó ông lại là một công chức đứng đắn luôn luôn làm việc trong một tinh thần tôn trọng luật lệ quốc gia, vì vậy mà ông đã hội đủ điều kiện để được liệt vào tập thể các đại công-bộc của nhà nước (Grand serviteur de l'Etat), một đoàn thể mà người Pháp, với đầu óc thư lại sẵn có, luôn luôn mến chuộng.

MỘT ĐẠI CÔNG BỘC NGHIÊM NGHỊ

Nói tới Valéry Giscard d'Estaing là phải nói tới hiện tượng uy quyền. Người ta có cảm tưởng là cái ông công chức cao cấp, trẻ tuổi, với thân hình cao lênh nghênh như con sếu vườn này, có một dáng điệu uy nghiêm đặc biệt. Giáo dục gia đình cũng như địa vị huynh trưởng đã tạo cho Valéry một tính nết trang trọng, nghiêm khắc. Ngay từ lúc thiếu thời nếu Valéry có nhiệm vụ điều dắt đàn em thì các em của cậu và người ăn kẻ ở trong nhà luôn luôn coi cậu như là một nhân vật rất quan trọng trong gia đình. Người ta thường coi ý muốn của «Valy» như một lệnh truyền. Người ta thì thảo với nhau là «Valy» muốn ăn một trái táo, hay «Valy» không thích đi giày màu vàng...

Với một tính tình trang trọng, với một tinh thần tôn trọng phép nước (le sens de l'Etat) Valéry Giscard d'Estaing đã leo bậc thang danh vọng một cách vô cùng mau chóng. Viên Thanh tra Tài chánh trẻ tuổi, giàu sang này, đã được các bà mẹ có con gái đến tuổi cập kê đặc biệt săn đón. Và theo lời cha mẹ, Valéry đã kén vợ trong những gia đình môn đăng hộ đối. Năm 26 tuổi Valéry gặp một cô gái xinh đẹp có cái tên của một loài hoa: cô Anne-Aymone de Brantes cháu nội của một đại kỹ-nghệ-gia trong ngành kỹ-nghệ luyện-kim Schneider. Anne Aymone mới 20 tuổi và được Valéry theo đuổi một cách kín đáo. Nhân ngày sinh nhật của Anne Aymone, Valéry đang đi công cán ở

Phi Châu đã gửi về cho cô một bó hoa mẫu-đơn (anémone) cùng tên với cô. Và đó là một bình thức tỏ tình cùng xin cưới của Valéry vì ngay sau đó hai người đã làm lễ cưới linh đình tại lâu đài Fresne. Đứng trước bàn thờ Anne Aymone cảm động quá đến nỗi khi vị linh-mục hỏi có bằng lòng lấy Valéry làm chồng không, cô đã trả lời hai lần là có lấy.

Cũng như chữ «d'Estaing», chữ «de Brantes» của bên họ nhà vợ luôn luôn làm cho Valéry lúng túng vì mỗi khi có người tò mò hỏi ông xem gia đình nhà vợ ông được tập tước từ thế-kỷ nào thì ông đều lặng thinh không trả lời.

Năm 1955, Thủ-tướng Edgar Faure cử Valéry Giscard d'Estaing làm Phó Đồng-ly Văn-phòng. Vì Edgar Faure đã nhiều lần làm Tổng trưởng Tài-chánh nên ông luôn luôn chú ý tới các viên Thanh-tra Tài-chánh mà người dân Pháp coi như những phần-tử ưu-tú, rường cột của quốc-gia. Và ông cho rằng Giscard d'Estaing có những ý-kiến về tài-chánh rất đứng đắn và tiến bộ.

Thủ-tướng Edgar Faure đã thân thiết với Giscard d'Estaing đến độ một hôm ông bị các phần tử đối lập vây quanh xe la ó phản đối, ông đã sai Giscard d'Estaing ra khỏi xe để đi kiểm cho ông chiếc mũ phớt (feutre) để quên. Từ đó mỗi khi Edgar Faure ra ứng cử, các cử tri của ông luôn luôn hỏi ông cái người xách mũ của ông ngày trước đâu rồi.

Cuối năm 1955, bị Quốc-hội lật đổ, Edgar Faure phản công lại bằng cách giải tán cơ quan lập pháp này. Ông Jacques Bardoux, dân biểu đơn vị Puy-de-Dôme và là ông ngoại của Valéry Giscard d'Estaing, không ra ứng cử lại nữa, Valéry liền nhảy ra thay. Vì không thuộc đảng nào, Valéry đã xin ông Bardoux ủng hộ, nhưng ông Bardoux không muốn mang tiếng phe cánh gia đình nên từ chối. Edgar Faure cũng không chịu ủng hộ viên Phó Đồng-lý của mình. Giscard d'Estaing đành phải ra ứng cử với tư cách tự do. Đặc cử, Valéry Giscard d'Estaing đã trở thành m. t vị dân biểu trẻ tuổi nhất của Pháp.

Tại Quốc-hội, Giscard d'Estaing không những chú trọng tới các vấn đề kinh tế tài chánh nhất thời mà còn lo tới tương lai dài hạn của nước Pháp. Cũng vì vậy mà vị dân biểu trẻ tuổi này đã dám viết một bức thư dài cho Tổng-Thống René Coty đề yêu cầu Tổng-Thống gọi tướng De Gaulle trở lại chính quyền. Trong nhiệm kỳ này Valéry Giscard d'Estaing gia nhập đảng Độc-lập của cựu Thủ-tướng Antoine Pinay, là một đảng thuộc trung phái ôn hòa. Một chính khách có tiếng là François Mitterrand cũng khen ngợi Giscard và tiên đoán là sau này Giscard sẽ làm đến Tổng-trưởng.

Nhưng Giscard d'Estaing không được làm dân biểu đến hết pháp nhiệm. Hai năm sau khi ông được bầu làm dân biểu, một cuộc đảo

chính quân sự đã đưa Tướng De Gaulle trở về chính quyền với nhiệm vụ xóa bỏ các định-chế của nền Đế-tứ Cộng-hòa và thành lập nền Đế-ngũ Cộng-hòa. Trong chính-phủ đầu tiên của nền Cộng-hòa mới, ông Antoine Pinay được cử làm Tổng-trưởng Kinh-tại và Giscard d'Estaing làm Bộ-trưởng Tài-chánh. Khả năng quản trị nền tài chánh trong nước của Valéry Giscard d'Estaing được De Gaulle hết sức tán thưởng. Và ngược lại Giscard d'Estaing cũng tỏ ra hết sức thán phục vị anh hùng dân tộc De Gaulle.

Năm 1962 nhân dịp cải tổ chính phủ, De Gaulle đã cử Giscard d'Estaing lên làm Tổng-trưởng Tài-chánh khi ông này mới vừa đúng 36 tuổi. Trong chức vụ này Giscard có nhiệm vụ ổn định tình hình kinh-tế tài-chánh trong nước để thực hiện các tiến bộ kinh-tế mà không gây ra nạn lạm phát.

Năm được địa vị quan trọng này Valéry Giscard d'Estaing bắt đầu chuẩn bị tương lai và dòm ngó cái ghế Tổng Thống. Năm 1962 cũng là năm mà ảnh hưởng của một Tổng Thống trẻ tuổi hiếu động John Kennedy đang tràn lan trên thế giới. Những chính khách trẻ tuổi tìm cách bắt chước Kennedy. Jacques Chaban Delmas, Chủ-tịch Hạ Viện, người tự coi là trẻ tuổi, đẹp trai như Kennedy, đã sang tận Hoa-thành-tôn để hội-kiến với Kennedy và đồng thời nghiên cứu phương thức ứng cử Tổng-Thống theo lối Mỹ. Kín đáo như thường lệ, Valéry Giscard d'Es-

taing cũng đi theo phong trào. Ông cố gắng tạo cho mình một hình ảnh hiền động và trẻ trung. Tuy ưa ăn mặc điệu, nhưng ông đã không ngần ngại mặc áo len ra trước máy vô tuyến truyền hình để đọc diễn văn. Hình ảnh một Giscard d'Estaing ăn mặc lối thể thao, ăn nói dí dỏm, đã khiến cho bà De Gaulle phải chau mày khó chịu mà nói rằng: « Cái anh chàng này (ce jeune homme) không có phong độ xứng đáng với chức

vụ Tổng trưởng. »

Tuy là nhân viên chính phủ của De Gaulle, tuy thán phục De Gaulle, nhưng Giscard d'Estaing luôn luôn quan sát lẽ lối làm việc trong chính thể De Gaulle và không bỏ lỡ dịp nào lên tiếng chỉ trích, nếu chính thể có gì sai lệch. Làm như vậy không những ông giữ được phẩm cách của mình mà còn tính chuyện chuẩn bị cho tương lai nữa.

III. MỘT CHÍNH KHÁCH TÍNH TOÁN

Đảng Cộng-hòa Độc-lập của Valéry Giscard d'Estaing chỉ là một đảng nhỏ với vài chục ghế tại Quốc-hội nhưng vì lãnh tụ đảng có một uy tín lớn nên được chính quyền hết sức nể vì. Ngay từ 10 năm về trước nhiều người đã nói tới Valéry Giscard d'Estaing như một vị Tổng-Thống tương lai của Pháp quốc. De Gaulle đã có lần nói rằng: « Giscard không thiếu tham vọng làm Tổng-Thống nhưng Giscard khó có thể đạt tới địa-vị này vì Giscard thiếu tính cách chính thống và vì tính tình lạnh lùng nên không có thiện cảm của dân chúng ».

Giscard d'Estaing biết rằng khi De Gaulle còn nắm quyền thì vì uy tín riêng của ông nên dân chúng sẵn sàng chấp nhận các biện pháp độc tài. Nhưng khi De Gaulle rời chính quyền, dân chúng sẽ phản đối chính sách của De Gaulle. Vì vậy mà Giscard d'Estaing cố gắng tránh không dính líu vào các sai lầm của chính phủ Pháp dưới triều đại De Gaulle.

Vì tính toán như vậy nên Giscard d'Estaing đã ấn định sẵn những điều kiện mà ông ủng hộ De Gaulle. Ông nói rõ là ông ủng hộ De Gaulle nhưng chỉ trong trường hợp De Gaulle không đi ngược lại đường lối của đảng ông. Đó là chính sách « Oui, mais... » nổi tiếng của ông.

Áp dụng chính sách này Valéry Giscard d'Estaing, năm 1968, đã không ngần ngại đòi Thủ-tướng Pompidou phải từ chức vì không đáp ứng nổi với nguyện vọng của giới trẻ trong nước.

Không những ông dám đả kích Thủ tướng Pompidou năm 1968 mà năm 1969 ông cũng còn dám đương đầu cả với Tướng De Gaulle. Khi De Gaulle tổ chức trưng cầu dân ý đề xin dân chúng ủng hộ những biện pháp cải tổ của ông, Giscard d'Estaing đã kêu gọi dân chúng bỏ phiếu chống lại các đề nghị của De Gaulle. Rút cuộc dân chúng bỏ phiếu chống và De Gaulle đã giận dữ bỏ ra đi. Các

công thần của De Gaulle hiện thời vẫn chưa tha thứ cho Giscard d'Estaing cái tội đã góp phần vào việc loại De Gaulle khỏi chính trường.

Nhưng khi được bầu lên thay thế De Gaulle trong chức vụ Tổng Thống, Georges Pompidou, vì lòng mến phục vị Tổng - trưởng Tài-chánh trẻ tuổi và đồng thời muốn có hậu thuẫn chính trị của trung phái nên đã quên cuộc tranh chấp cũ và mời Giscard d'Estaing lại tham chính. Và Giscard d'Estaing lại trở về Bộ Tài-chánh.

Như vậy cho đến khi đắc cử Tổng Thống, Giscard d'Estaing đã ngồi tại Bộ Tài-chánh gần như liên tiếp 15 năm trong chức vụ Bộ trưởng và Tổng trưởng. Tại đây ông đã thu thập được nhiều kinh nghiệm quý báu trong ngành Kinh tế và Tài-chánh.

Tuy là một chính-trị-gia nghiêm trang, có tinh thần trách nhiệm cao, nhưng không vì vậy mà Giscard d'Estaing có một cuộc đời khắc khổ. Ông thích ăn mặc đẹp, quần áo của ông đều do những tay thợ may nổi tiếng cắt. Ông thích uống rượu vang quý, ưa đi lại các quán ăn nổi tiếng. Ông thích âm nhạc và văn chương. Người ta kể lại rằng nhiều khi ông mãi bàn luận văn chương với bạn hữu đến nỗi quên cả đến Quốc-hội thuyết trình về tình hình Tài-chánh trong nước. Ngay từ nhỏ, ông đã thích những gì liên hệ đến chính quyền. Khi còn theo học trường

Bách-Khoa ông đã thu nhật các biên bản phiên họp của Quốc-hội để đọc chơi trong lúc nhàn rỗi.

Giscard d'Estaing thật ra là một người ưa cuộc sống cô đơn. Khi làm Tổng-trưởng Tài-chánh ông đã dành riêng một căn nhà 5 phòng trong Bộ. Mỗi tuần, ông tới sống trong căn nhà này 3 ngày, xa hết mọi người để suy tư một mình. Ông cũng không phải là cái máy làm việc. Khi còn ở trường Bách-Khoa ông cũng thường trèo tường trốn ra để đi nháy. Khiêu vũ là một giải trí ông rất ham chuộng vì lúc thiếu thời, trong cuộc sống ở các lâu đài gia đình, khiêu vũ cũng là một môn có ghi trong chương trình giáo dục quý phái của ông.

Những ngày chủ nhật ông thường dắt vợ con đi bộ thơ thẩn dạo chơi trong công viên Tuilleries ở Paris. Ông rất ngoan đạo và chịu khó đi nhà thờ mỗi chủ nhật nhưng không bao giờ nói tới đức tin của mình.

Cả De Gaulle lẫn Pompidou đều quý mến vị Tổng-trưởng có khả năng và đứng đắn này. De Gaulle là người ưa chuộng bằng cấp và thích kiến thức văn nghệ nên rất ưng Giscard d'Estaing. Pompidou cũng thích văn nghệ không kém, lại là người vùng Auvergne như Giscard d'Estaing nên giữa hai người luôn luôn có sự tương kính.

Tháng 3/1974, Pompidou biết mình không còn sống được bao lâu nên muốn chuẩn bị tương lai. Ông giải tán Nội các Messmer và muốn cử

Giscard d'Estaing làm Thủ-tướng. Nhưng các cựu thần của De Gaulle như Debré, Couve de Murville, Guichard, Sanguinetti, Fanton... nhao nhao phản đối và tổ cáo vị Tổng Thống tiềm vị Pompidou đã phản bội De Gaulle bằng cách muốn đưa một người ở bên ngoài, một người đã từng phản De Gaulle năm 1969, lên địa vị tối cao. Trước sự chống đối này Pompidou đành lại phải bó tay và yêu cầu Messmer lập nội các mới.

Nhưng chỉ một tháng sau Tổng-Thống Pompidou đột ngột qua đời. Một cuộc tranh dành quyền hành đã diễn ra giữa các cộng-sự-viên của ông. Các cựu thần của De Gaulle tự coi mình là chính thống hơn Giscard d'Estaing, và hơn cả Pompidou, đã nhấp nhòm ra ứng cử. Cựu Thủ-tướng Chaban-Delmas chưa kịp dự đám táng của cố Tổng-Thống đã nhảy vào vòng chiến, tuyên bố ứng cử Tổng thống. Chủ tịch Hạ viện Edgar Faure, ông thầy cũ của Giscard d'Estaing cũng ngấp nghé ra dành cái ghế Nguyên thủ. Trong khi đó Giscard d'Estaing vẫn kín đáo không có một hành động nào vội vã có thể tỏ ra là bất kính với người quá cố. Ngoài ra ông cũng nói rõ là ông nhường quyền ưu tiên ra ứng cử cho Thủ-tướng Messmer là thượng cấp của ông.

Sau khi cố Tổng-thống Pompidou mồ yên mả đẹp và sau khi Messmer biết mình không đủ khả năng, tuyên bố không ra tranh cử, Giscard d'Estaing mới nộp đơn ứng cử. Thấy Giscard d'Estaing ra, ông thầy cũ Edgar Faure cũng đành rút lui.

Ngày 5-5-1974, trong vòng đầu, ứng cử viên François Mitterrand, lãnh tụ Liên-minh Xã-hội Cộng-sản đã dẫn đầu với 43,2% số phiếu và Giscard d'Estaing đứng hàng thứ hai với 32,6%, Chaban Delmas, người muốn thành một Kennedy của Pháp đã thất bại với hàng thứ 3 và 15,1% số phiếu.

Thật ra thì cuộc bầu cử này chỉ là một cuộc tranh tài giữa Giscard d'Estaing và Chaban Delmas. Ai ai cũng biết rằng Mitterrand sẽ dẫn đầu ở vòng nhất nhưng vì dân chúng Pháp sợ Cộng-sản nên vào vòng nhì người ta sẽ dồn phiếu cho người về thứ hai ở vòng đầu. Do đó cả Giscard d'Estaing lẫn Chaban Delmas đều cố gắng chiếm địa vị số 2.

Cả Giscard d'Estaing lẫn Chaban Delmas đều cố gắng tạo cho mình một hình ảnh kiểu Kennedy. Nhưng nếu 12 năm về trước Chaban Delmas trẻ đẹp, hiểu động như Kennedy thì giờ đây Chaban đã 58 tuổi nên bị dân chúng Pháp chê là lỗi thời. Giscard d'Estaing, tuy không được đẹp trai bằng, nhưng mới có 48 tuổi nên được dân chúng chấp nhận dễ dàng hơn. Ngoài ra Giscard d'Estaing còn hơn Chaban Delmas ở một điểm là có một sản nghiệp vĩ đại của gia đình. Nếu người Mỹ 15 năm về trước thích Kennedy hơn Nixon cũng một phần là vì Kennedy giàu có hơn Nixon. Tại xã hội Mỹ sự giàu sang được coi là một ưu điểm vì nó là một dấu hiệu của thành công. Xã hội Pháp ngày nay cũng vậy. Với mức phát-triển vượt bậc thực hiện được trong những năm qua, nước

Pháp đã trở thành một xã-hội tiêu thụ (société de consommation) và người dân Pháp không còn muốn bầu ra một vị Tổng Thống nghèo để ông này ban hành chính sách khắc khổ nữa. Do đó cùng một lúc cả Mitterrand lẫn Chaban Delmas đều bị loại.

Hiểu rõ tâm lý của một nước Pháp « Mỹ-hóa » Giscard d'Estaing đã mở một cuộc vận động tranh cử theo kiểu Mỹ. Ông đã cố gắng rời bỏ bộ mặt lạnh lùng cổ hủ của mình để ra trước đám đông cười nói vui vẻ. Rút cuộc ông đã thành công. Mỗi khi ông đến trước đám đông dân chúng đã ùa tới, người bắt tay, kẻ sờ vào người ông. Người ta hoan hô ông, cổ vũ ông như người ta cổ vũ một tài tử màn bạc.

Đã thế ông lại còn huy động cả gia đình ông trong cuộc vận động bầu cử nữa. Bà Anne Aymone xuống đường dán bích chương. Bà triệu tập nhà báo tới, kể đời mình cho người ta nghe. Biết rằng kết quả bầu cử kỳ này sẽ rất khít khao, chỉ vài chục ngàn phiếu là có thể ngả cán cân lực lượng về bên này hay bên kia nên bà Anne Aymone Giscard d'Estaing đã sang tận Martinique và Guadeloupe là các lãnh thổ hải ngoại Pháp ở Mỹ-châu để cổ động cho chồng. Đi đến đâu bà cũng cho người ta hình ảnh của một phụ nữ dân dị, dễ thương. Khác với các bà lớn khác, Anne Aymone ra trước đám đông chỉ mặc một chiếc áo len và một cái váy ngắn sơ sài chứ không trưng diện những mẫu áo của Christian Dior hay do Balenciaga vẽ kiểu.

Hai cô con gái của Giscard d'Estaing cũng hoạt động không kém. Giống mẹ, hai cô này cũng mang những cái tên xinh đẹp của các loài hoa. Valérie-Anne (Valériane, hay nữ lang hoa) năm nay mới 20 tuổi, sinh viên năm thứ ba của trường Chính-trị-học (Ecole des Sciences Politiques) danh tiếng, đã theo cha đi khắp mọi nơi. Mỗi khi Giscard d'Estaing sửa soạn đọc một bài diễn văn thì cô lại nhí nhảnh ra hôn cha để chúc ông gặp nhiều may mắn với cử tri. Trước hình ảnh cảm động này thì dù bài diễn văn của cha cô sau đó chẳng có gì xuất sắc cũng vẫn được các cử tri, nhất là các nữ cử tri với tâm hồn nhạy cảm, hoan hô cổ vũ.

Cô gái út của Giscard d'Estaing với cái tên Jacinthe (Jacinthe hay hoa dạ hương lan) năm nay mới 14 tuổi nhưng cũng không kém thành công. Giscard d'Estaing xác nhận với cử tri rằng cô Jacinthe là vị cổ vũ đắc lực nhất của ông. Trên đường khắp nước Pháp người ta thấy dán đầy những hình ảnh vĩ đại của Valéry Giscard d'Estaing chụp chung với Jacinthe.

Hai cậu con trai của Giscard d'Estaing cũng hoạt động không kém: Henri, 17 tuổi và Louis Joachim, 15 tuổi, tóc cắt ngắn, đầu chải gọn ghẽ cho người ta những hình ảnh của các cậu trai con nhà lành, học hành đứng đắn. Các cậu đi khắp nước Pháp phát những chiếc áo nịt mang trên ngực dòng chữ « Giscard à la barre » (Giscard cầm lái con thuyền

quốc gia). Cô đào điện ảnh sexy Brigitte Bardot cũng mặc chiếc áo này đề ủng hộ Giscard.

Trong khi đó gia đình Mitterrand tuy cũng được huy động để đi cò động nhưng vì bà Micheline Mitterrand cũng đã quá ngũ tuần và hai cậu Gilbert 24 tuổi và Jean Christophe Mitterrand 27 tuổi, thì tóc thề lướt phớt chấm vai, râu ria rậm rạp, nên khó lấy được thiện cảm của dân chúng.

Ngày 19-5-1974, trong vòng nhì, Giscard d'Estaing đã đắc cử Tổng Thống với 50,8% số phiếu cử tri và Mitterrand tuy thua, nhưng cũng lượm được 49,2% số phiếu. Tuy thắng nhưng Valéry Giscard chỉ hơn được đối thủ có 422.791 phiếu.

oOo

Với Valéry Giscard d'Estaing ở Điện Élysée, lịch sử chính trị Pháp bước vào một giai đoạn mới. Chính thề bảo thủ và độc tài của De Gaulle đã cáo chung. Một chính thề mới, cởi mở hơn, dân chủ và trẻ trung hơn,

đã bắt đầu. Vì không nắm được một đa số lớn trên toàn quốc, vì đảng của ông chỉ có 50 ghế tại Quốc-hội, trong giai đoạn đầu, Valéry Giscard d'Estaing bắt buộc phải liên kết với đảng De Gaulle để có hậu thuẫn của 190 dân biểu của đảng này. Nhưng với một tả phái đối lập mạnh, ông khó có thể áp dụng một chính sách bảo thủ.

Cuộc đời của Valéry Giscard d'Estaing từ trước tới nay được coi là 48 năm thành công. Nhưng những thành công trong quá khứ có được đều là nhờ may mắn. Tài sản gia đình đã cho ông một giáo dục kỹ lưỡng. Giáo dục kỹ lưỡng đã luyện cho ông thành một kỹ thuật gia có khả năng. Nhưng kể từ nay với địa vị Tổng Thống, ông sẽ phải bước vào một giai đoạn tranh đấu chính trị. Trong giai đoạn tranh đấu này sự may mắn cũng như sản nghiệp gia đình chỉ là những yếu tố cần nhưng chưa đủ để giúp ông chắc chắn thành công.

TỪ MINH

PHÂN ƯU

Được tin trẽ : NHẠC PHỤ Ông NGUYỄN ĐÌNH THẬP đã mệnh chung tại Saigon ngày 14-6-1974 hưởng thọ 85 tuổi.

Xin trân trọng phân ưu cùng Ông Bà Nguyễn Đình Thập và tang quyến và xin nguyện cầu anh hồn Cụ sớm về nơi an nghỉ đời đời.

Ông Bà : Tạ Tỵ, Lê Ngộ Châu

Một vài cảm nghĩ nhân dự Hội nghị Hồi-giáo MECCA

2/

DOHAMIDE



Đi vào Hội nghị

Hội nghị được tổ chức ngay tại trụ sở của Liên đoàn Hồi giáo Thế giới tại Mecca, trong tòa nhà kiến trúc khá xưa nhưng trang bị tối tân, dùng toàn loại máy phóng thanh không có giấy.

Giờ khai mạc Hội-nghị không được thông báo chính xác, mà chỉ nói là sau buổi lễ cầu nguyện *asr* tức khoảng xế chiều, cho nên một số đại biểu lục tục đi vào Hội-trường, trong khi Ban Tổ chức đang đọc diễn văn.

Một số đại biểu lò dò đi tìm chỗ ngồi được chỉ định cho Phái đoàn mình, ghi bằng chữ Ả-rập, theo thứ tự mẫu tự từ trên xuống dưới, trong khi một số đại biểu ở xa chưa quen với lối phiên âm đang áp dụng. Thí dụ như Việt-Nam chẳng hạn, người Ả-rập có thể phiên âm đọc thành *Bī-yat Nam* hoặc *Vit Nam*.

Trên bàn chủ tọa, Hoàng thân Fawaz Abdul Aziz, Thống-đốc Đô thị Mecca, đại diện Quốc vương Faysal Ibn Abdul Aziz, Sheikh Muhammad Ali Al-Harkan, Tổng-trưởng Tư-pháp Saudi Arabia, Tiến sĩ Abdul Aziz Khayyat, Tổng trưởng *Arafat* Quốc gia Jordan, và một nhân vật nắm

giữ vai trò tích cực nhất trong hoạt động Hồi-giáo Thế-giới, Shaikh Muhammad Saleh al - Gazzaz, Tổng Thư-ký Liên-đoàn Hồi-giáo Thế-giới tức *Rabita al-alam al-Islami*.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Hồi-giáo một Hội-nghị quốc-tế của các tổ chức Hồi-giáo thế giới được triệu tập, quy tụ hầu hết các nhân vật lãnh đạo thượng thặng của Hồi-giáo; một số lớn nhân vật được gọi là *ulema*, những bậc uyên thâm Hồi-giáo luật, mà mọi tín đồ Hồi-giáo đều mong muốn được diện kiến hoặc bắt tay chào *sa-lam*.

Như đã trình bày ở phần trước, Hồi-giáo không có tổ chức giáo phẩm chánh thức, nhưng trên thực tế, mỗi địa phận thường có một vị lãnh đạo đứng đầu gọi là *Mufty* rất được tôn sùng.

Về hình thức, Hội trường đầy màu sắc địa phương. Trong khi các vị lãnh đạo các nước Ả-rập mặc y phục với chiếc áo dài thêm áo choàng ngoài màu nâu hoặc đen, thì các *Mufty* xa Ả-rập hơn như Yugoslavia, Turkey, Liên-sô v.v... có vẻ uy nghi trang trọng hơn với chiếc mũ đỏ viền trắng, chiếc áo dài xám tro hoặc đen. Riêng vị *Mufty* xứ Yemen có

thắt lưng to, dắt theo đoàn đao công vòng tượng trưng uy quyền.

Có một điều hơi trái ngược là trong khi các *Mufty* tại các nước xa Á-rập như Mã-lai-Á chẳng hạn, vai trò ngày càng lu mờ trước đà phát triển của các tổ chức Hồi-giáo sanh hoạt theo lề lối Tây phương và các *Mufty* này đang cố thủ trong vị thế thuần túy tôn giáo, thì trái lại các *Mufty* các nước gần Âu Châu, qua cuộc tiếp xúc, lại tỏ ra hiểu biết rất rộng về tình hình chánh trị kinh tế bên ngoài, nhiều vị nói được nhiều ngôn ngữ và từng viếng nhiều nước, biểu lộ một tinh thần hết sức cởi mở.

Al-Haj Amin al-Husseini, vị Đại *Mufty* được thế-giới Hồi-giáo nể trọng, trước cai quản Palestine trong đó có Thánh Địa *Jerusalem*, nay thuộc quyền chiếm đóng của Do-thái, mặc dầu đã ngoài 80 tuổi, và sống lưu vong tại Lebanon vẫn tỏ ra quắc thước, quyết tâm như hồi năm 1964 mà tôi đã được tiếp chuyện nhân Hội-nghị Hồi-giáo các nước Đông-Nam-Á và Viễn-Đông tổ-chức tại Kuala Lumpur, Mã-lai-Á.

Một số đại-biểu trẻ mặc Âu-phục phần lớn là từ các nước mà người Hồi-giáo là thiểu số như Nam Phi, Argentina, Nhật-bản, Venezuela, Đức v.v... số đông là cựu sinh viên tốt nghiệp trường Đại-học Al Azhar (Ai-cập).

Trong khi Mã-lai-Á gởi một đoàn đại biểu trẻ, thì nước láng giềng Indo-

nesia có một phái đoàn chánh thức do một vài chánh-trị-gia Hồi-giáo lão thành hướng dẫn.

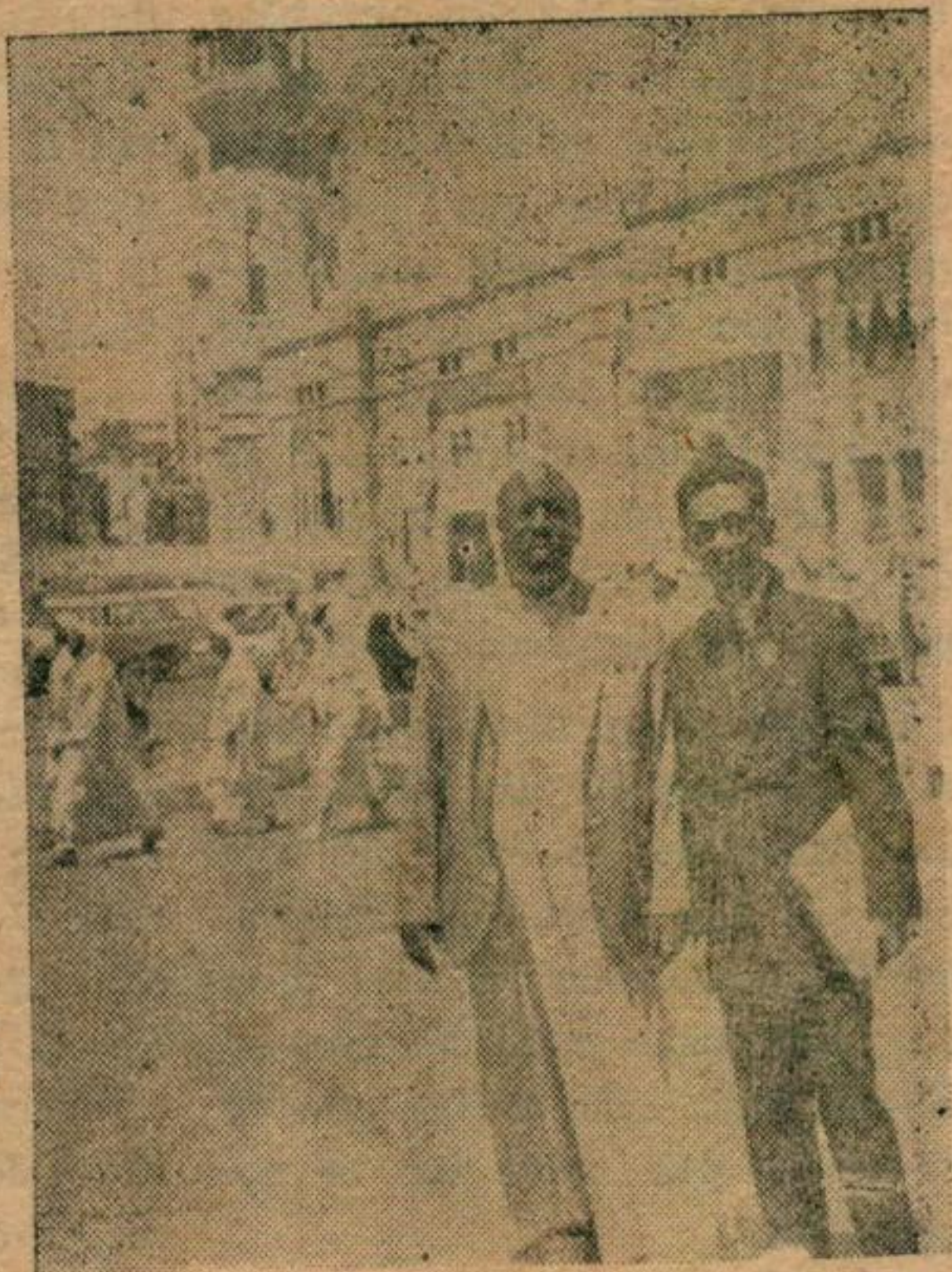
Đặc biệt xen lẫn trong các Phái đoàn người ta thấy nhiều đại-biểu gốc Pakistan. Trưởng Phái đoàn Kenya là một Bác-sĩ gốc Pakistan, Trưởng Phái-đoàn Tổ-chức Hồi-giáo Âu-châu và một vài đại-biểu Hồi-giáo Anh quốc, Gia-nã-đại cũng vậy; người Pakistan đã có mặt trên khắp thế giới, nhưng nói chung vẫn có thể nhận ra được do giọng nói tiếng Anh khá đặc biệt của họ.

Phái-đoàn Trung-hoa Dân-quốc được tăng cường với 3 nhân viên Tòa Đại-sứ tại Djeddah, ông nào cũng tốt nghiệp Trường Đại-học Al-Azhar (Ai-cập).

Phái đoàn Senegal do Đại-sứ Senegal tại Ai-cập hướng dẫn, trang trọng trong bộ quốc phục rộng, khá đặc biệt.

Sau những bài diễn văn khai mạc là những tràng pháo tay nổ ròn, về sau lra thưa dần. Hồi ra mới biết việc vỗ tay sau những bài diễn-văn không phải là một thông lệ ở đây. Trái lại, khi tán thưởng một đoạn nào, hoặc sau bài diễn từ, cử tọa chỉ hô lên *Allahu akbar!* (Thượng đế vĩ đại), gây cho bầu không khí Hội-nghị một màu sắc tôn giáo, trang nghiêm hơn, nhưng một số đại biểu không khỏi ngổ ngàng.

Một cuộc thảo luận sôi nổi đã diễn ra ngay tại buổi họp khai mạc do sự can thiệp của đại-biểu Palestine yêu cầu lập một Ủy-ban riêng chuyên



Ông Dohamide và một đại biểu Kenya đứng trước Đại-Thánh-đường Mecca.

trách các vấn đề Palestine, trong khi Ban Tổ chức dự định ghép các vấn đề Palestine chung trong Ủy-ban về "Thiểu số Hồi-giáo"; một số đại biểu lớn tiếng cho là một điều trái ngược nếu coi người Palestine như là người thiểu số. (Sự thật thì trong hiện trạng, người Palestine sống rải rác trên các nước tạo thành những tập thể thiểu số đối với địa phương). Sau cùng Hội-nghị thông qua việc thiết lập các Ủy-ban sau đây :

- Phối hợp công tác
- Sự truyền bá Hồi giáo.
- Các lý tưởng và sự tôn thờ hiện đại.
- Palestine và vấn đề Hồi-giáo thế-giới.
- Người thiểu số Hồi giáo.

Tôi đã sung vào Ủy ban sau cùng này (1) nghĩ rằng người Hồi-giáo tại Việt-nam là thiểu số trong Cộng đồng quốc gia, nên mong đóng góp phần nào ý kiến hữu ích vào công tác của Ủy ban.

Theo chương trình nghị sự thì buổi sáng dành cho công tác Ủy ban, buổi chiều họp Đại-hội để nghe các đại biểu đọc diễn văn.

Ngôn ngữ chánh thức được dùng là Ả rập, Pháp ngữ, Anh ngữ, Mã-lai ngữ và urdu, được phiên dịch ngay tại chỗ. Do đó, tại Đại-hội việc trao đổi ý kiến được thực hiện dễ dàng. Trái lại, tại các Ủy ban, việc thông cảm giữa các đại biểu khó khăn hơn và mất ngày giờ hơn, mặc dầu phần

(1) L.T.S. Ông Dohamide đã là Trưởng Tiểu-ban "Người thiểu số Hồi-giáo."

biểu và việc diễn tả ý kiến mình bằng tiếng Ả-rập, có sự khác biệt nhiều lắm. Do đó, ông đại biểu Pháp nhứt định nói tiếng Pháp, ông Pakistan và Ấn-độ nhứt định dùng tiếng *urdu* ! Nhưng trên thực tế, lợi thế vẫn thuộc về người phụ trách đúc kết thành quyết nghị sau cùng ; tôi nhận thấy điều đó nên đã cùng với một đại biểu Giáo sư Đại-học Khoa-học người Maroc đảm trách việc này.

Các phái đoàn đông người đều chia nhau tham gia hầu hết các Ủy-ban. Muốn theo dõi, tôi đã phải thỏa hiệp với ông Nhứt, ông Đại-hàn, ông Sri Lanka cũng đơn thân, phân công luân phiên nhau đến bàn các Ủy-ban khác, nghe có bàn vấn đề có liên-hệ đến nước nào thì gọi người đó.

Ủy-ban các lý tưởng và sự tôn thờ hiện đại bao gồm các nhà bác học Hồi-giáo, lần lượt điem qua chữ nghĩa cổ truyền, chủ nghĩa bành trướng Do-thái, chủ nghĩa Cộng-sản, đạo *Baha'i* và *Qadiyaniah*.

Qadiyaniah là một trường phái mới xuất hiện tại Qadiyan nay thuộc tỉnh Punjab (Ấn-độ), do một lãnh tụ tên Mirza Ghulam Ahmad, tự xưng là một vị Thánh Chủ cũng như *Nabi Muhammad*, đã kết nạp được đa số các viên chức cao cấp chánh quyền Pakistan.

Chủ nghĩa Cộng-sản, đã được khai triển như là kẻ thù không đội trời chung của Hồi-giáo. Tôi đã thử đặt vấn đề "người Ả-rập đã dùng khí giới Liên-sô để đánh Do-thái" tức thì

đại biểu Ai-cập, Libya, Kuwait phản ứng đồng loạt đại khái «Cộng-sản vẫn là kẻ thù của Hồi-giáo». Một nhân vật Saudi Arabia xen vào «Saudi Arabia không dùng vũ khí Liên-sô»...

Phái đoàn Palestine, có ông Trưởng phái đoàn mang kiếng đen luôn luôn đi đứng chững chạc, tác phong xem như là những người hùng của Hội-nghị, thoát đầu tỏ ra xa cách khi hỏi và được biết tôi từ Việt-Nam Cộng-Hòa đến. Thái độ cách xa này, qua sự cộng tác, trao đổi ý kiến tích cực trong Ủy-ban, lần hồi đổi lại gần và thân mật, rồi đi đến chỗ chú ý tìm hiểu về những trại tạm cư đồng bào chiến nạn tại Việt-Nam, gọi lên sự tương đồng trong tình trạng tạm cư của người Palestine rải rác tại các nước Ả-rập.

Một đại-biểu Palestine bày tỏ sự hãnh diện trong 25 năm qua chính tình trạng của người Palestine đã nung nấu tinh thần quốc gia và tự ái dân tộc Ả-rập. Người Palestine đã bị đặt vào tình thế như người Do-thái trước Đế-nhị Thế-chiến, nhưng chính tình trạng tàn mác luôn luôn mơ tưởng đến mảnh đất sống đang nằm trong tay Do-thái mà người Palestine đã kiên trì đấu tranh cải tiến đời sống và kết quả là ngày nay đã có vào khoảng 68.000 người Palestine đạt được trình độ Đại-học, tạo thành một giới lãnh đạo ưu tú trong hoạt động kinh doanh, chuyên nghiệp, một lực lượng đáng kể trong hệ thống công vụ, ngoại giao, giáo dục một số nước Ả-rập.

Mặc dầu cam chịu cảnh sống bầm, vị đại biểu Palestine quả quyết tất cả người Palestine hiện đều muốn duy trì cá tính riêng biệt của mình, và dù tự cho là người Ả-rập, nhưng đồng thời vẫn tự xem tùy thuộc vào dân tộc Palestine, do đó đa số vẫn cố tạm bám vào các trại tỵ nạn do Liên-Hiệp-Quốc bảo trợ để giữ lại cái thẻ tượng trưng quốc hồn quốc túy Palestine và nuôi dưỡng ý chí phấn đấu cho quê hương cần được khôi phục.

Vấn đề Palestine cũng là mối quan tâm của mọi người Hồi-giáo vì chính trong lãnh-địa Palestine có Thánh Địa Jerusalem là nơi có Thánh Đường Baitul Maqdis liên hệ chặt chẽ với lịch sử Hồi-giáo. Do đó, mọi đại biểu đều ngỏ ý yểm trợ tinh thần người Palestine; nhiều đại biểu hăng say nói thao thao bất tuyệt nhưng rồi lại bỏ đi, chẳng đi đến một giải pháp nào cả. Trong khi đó, hội lại về tổ chức thì được biết mọi quốc gia Ả-rập đều nhìn nhận *Tổ chức giải phóng Palestine* xem như đại diện hơn 3 triệu người Ả-rập Palestine đã bỏ quê hương nhà cửa từ khi quốc gia Do thái được thiết lập và sau các cuộc chiến năm 1956 và 1967. Tuy nhiên, ngay trong *Tổ chức giải phóng Palestine* vẫn có khác biệt về chủ trương để đạt mục tiêu. Nhóm cứng rắn do George Habash và Abdal Wahab Kayyali lãnh đạo muốn thay thế Do-thái ngay bằng một quốc gia dân chủ cho người Do thái và người Ả-rập. Nhóm ôn hòa do Yasser Arafat lãnh đạo, muốn chấp nhận một nước Palestine nhỏ bé hơn bao gồm những vùng đất do

Do thái chiếm đóng, giải đất Tây Jordan, Gaza và vùng Hemmeh. Nhóm ôn hòa này e rằng nếu càng kéo dài thời gian, người Palestine càng có thể hòa mình vào sanh hoạt địa phương và càng phai dần tinh thần dân tộc Palestine.

Trước sự căm hờn và hăng say của đa số đại biểu, vấn đề đặt ra là phải tự chế đến một mức nào đó để phối hợp hành động thích hợp với hoàn cảnh chánh trị hiện tại.

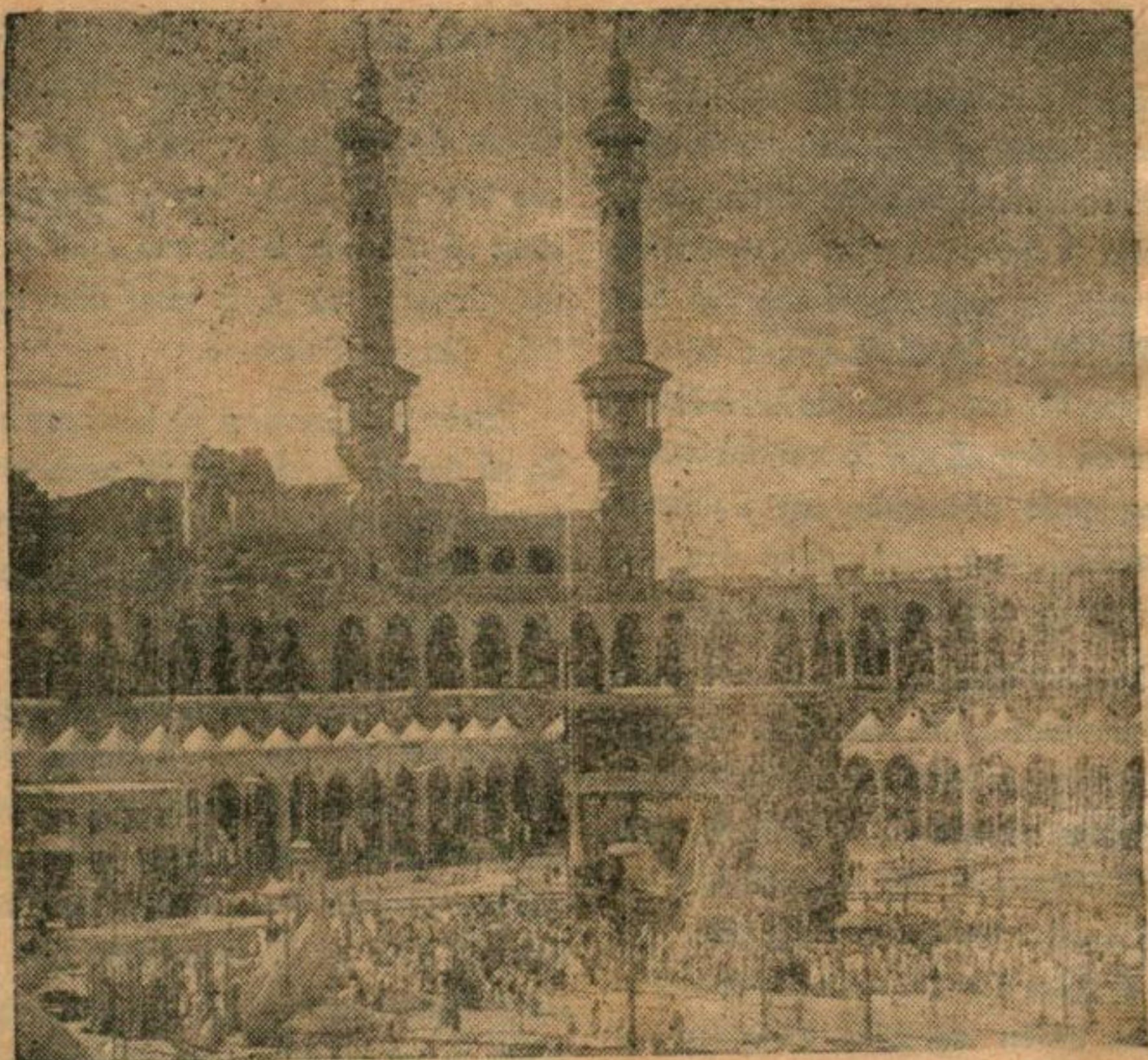
Sau giờ họp Ủy-ban, thời giờ giải lao tạo cơ hội cho các đại biểu tiếp xúc với nhau, kết thân với nhau, ngồi với nhau từng nhóm, thảo luận những chuyện bên lề đôi khi còn sôi nổi hơn tại Ủy-ban, một dịp để được biết thêm một số từ-ngữ Ả-rập, nhứt là về kinh tế, chánh trị, hoàn toàn xa lạ đối với giới lãnh đạo Hồi-giáo tại quê nhà chỉ chuyên truyền bá Cồ văn.

Qua những câu chuyện trao đổi, tôi mới biết rõ tên nhà lãnh đạo Libya thực sự là Kazzafi chứ không phải Gaddafi hay Khaddafi như được phiên âm trong báo chí ngoại quốc.

Những nhóm kết thân này, đến giờ cầu nguyện (Salat), cùng kéo nhau đến Đại Thánh đường Mecca trước khi về khách sạn dùng cơm.

Người Hồi-giáo bắt buộc phải cầu nguyện 5 lần mỗi ngày: *Fajr* lúc hừng sáng, *Zuhr* lúc đứng ngọ, *Asr* lúc xế chiều, *Magrib* lúc chạng vạng và *Isha* lúc trời tối hẳn.

Vì không có bàn thờ, nên buổi lễ



Bên trong Đại Thánh Đường Mecca (Harem Sa-rif), chính giữa là Đền Ka'aba và các tín đồ Hồi giáo đang đi quanh tawaf.

cầu nguyện có thể thực hiện bất cứ ở đâu, trước một tấm thảm trải hướng về qiblat tức hướng Đền Ka'aba. Nay được dịp hiện diện tại Mecca, hầu hết đại biểu đều thích đến ngay Đại Thánh đường Mecca để cầu nguyện ngay trước đền Ka'aba.

Đến giờ, loa phóng thanh vang lên văng vẳng lời kêu gọi, mọi người rời bỏ công việc của mình để đến Đại Thánh đường Mecca. Đường phố phút chốc trở nên vắng tanh, một vài ông cảnh binh rào bước hối thúc những người còn trễ bước. Đặc biệt là các cửa hàng không ai trông coi, nhưng vẫn mở cửa như thường và

cũng không ai sợ nạn trộm cắp.

Hồi-giáo luật rất nghiêm ngặt đối với nạn ăn cắp và hiện vẫn còn áp dụng hình phạt chặt tay các thủ phạm ; bàn tay treo lủng lẳng trên cột trụ chỗ đông người.

Tội giết người được chế tài bằng hình phạt chặt đầu trước công chúng, thường được thực hiện ngày thứ sáu sau buổi lễ cầu nguyện tập thể (jum-a) hằng tuần.

Tội thông dâm, tội giao hợp ngoài hôn nhân (zina) đều bị chế tài nghiêm khắc ; cả nam lẫn nữ đều được đặt đứng trong một cái hố, khách qua đường mỗi người cùng liệng vào một cục đá cho đến chết.

Người Hồi-giáo chấp nhận việc có 4 vợ, nhưng phải qua các lễ cưới hẳn hoi theo luật đạo. Và người đàn ông được quyền rẫy vợ bất cứ lúc nào nếu có lý do chánh đáng; lý do chánh đáng này bao gồm cả việc người con gái bị khám phá đã mất trinh đêm tân hôn. Đây cũng là lý do khiến các phụ nữ Ả-rập hết sức giữ gìn.

Tuy nhiên, cha mẹ người con gái, khi có người hỏi cưới, thường đòi chú rể phải tậu nhà, sắm sửa trang bị nhà cửa, tạo nên một bảo đảm vật chất tối thiểu cho người con gái, đồng thời, trước sự tốn kém khá quan trọng, người con trai sẽ thận trọng hơn trong quyết định rẫy vợ.

Trên thực tế, vì lý do kinh tế, tục đa thê lần hồi chỉ được áp dụng trong giới có lợi tức cao mà thôi. Nhưng vì sự giao tiếp giữa thanh thiếu nữ bị cấm hẳn, chi phí cưới vợ lại quá cao, nên một số thanh niên khá quan trọng, cam đành cuộc sống lẻ loi và nạn đồng tính luyến ái hiện đặt ra một bài toán xã-hội cần giải quyết cho người Ả-rập.

Điều đáng ghi nhận là mặc dầu đứng đầu một nước giàu có, luật lệ cho phép có 4 vợ như vậy, Quốc vương Saudi Arabia Faysal ibn Abdul Aziz từ trước đến nay vẫn chỉ có một bà vợ mà thôi.

Khắp các đường phố Mecca đâu đâu cũng thấy những công trường xây cất, chỉnh trang, đang tiến hành, làm thay đổi hẳn bộ mặt Thánh Địa. Tuy nhiên, trong đám đông, đàn ông

vẫn chiếm đa số trội yếu, thỉnh thoảng mới nhận thấy bóng dáng phụ nữ trong y phục trắng từ đầu đến chân, chừa khoảng gương mặt, chứng tỏ là phụ nữ Hồi-giáo các nước khác đến Mecca, còn phụ nữ tại chỗ thì trùm một cái khăn đen che kín cả mặt lẫn đầu.

Có câu hỏi được đặt ra là liệu tình trạng này sẽ kéo dài trong bao lâu nữa, khi mà nền kinh tế càng phát triển, xã hội càng được cơ-giới-hóa, thúc đẩy người phụ nữ Ả-rập phải đảm trách một vai trò tích cực hơn đề mưu sinh cho gia đình.

Tiếp chuyện với đại biểu *Libya* giờ giải lao, được dịp nhắc lại việc nhà lãnh đạo *Muammar Kazzafi* nhân đến Cairo vận động việc kết hợp *Libya* và Ai-cập đã ngỏ ý muốn tái dụng chặt chẽ Hồi-giáo luật về việc che mặt phụ nữ với lập luận phụ nữ thuộc phái yếu. Một nữ Dân-biểu Ai-cập nổi danh với tên *Leila Takla*, Tiến-sĩ hành-chánh-học, đã phản đối bằng câu trả lời đầy ý nghĩa: «Chỉ trong những xã-hội yếu kém, người đàn bà mới yếu!».

Thật vậy, tại một vài nước Hồi-giáo như Ai-cập, Lebanon chẳng hạn, phụ nữ Ả-rập đã tranh đấu và đạt những địa vị cao ngoài xã hội, một số Trường Trung-học, Đại-học đã áp dụng phương pháp nam nữ học chung.

Tuy nhiên, điều đó đã không xảy ra tại Saudi Arabia. Cuộc sống đạo đức nghiêm ngặt tại các Thánh-địa Mecca, Medina đã đành, nhưng ngay

tại Jeddah là một hải cảng, cũng không có một rạp chiếu bóng ; các nhân viên các Tòa Đại-sứ ngoại quốc muốn uống chút rượu hay giải trí, thường phải bay sang các đô-thị lân cận.

Trở lại Hội-trường vào buổi chiều, tiếp tục nghe các đại biểu lên diễn đàn ; các nhân vật *ulema* lão thành thì thường nêu các đoạn kinh *Qur'An* làm hậu thuẫn cho lập luận của mình và được Hội trường say sưa theo dõi, hoan hô *Allahu Akbar !*, nhưng nội dung chung quy chỉ có tác dụng đề cao tinh thần Hồi giáo. Các đại biểu trẻ, trái lại, đặt vấn đề một cách khoa học hơn, gần với thời sự nóng bỏng bên ngoài hơn.

Đại biểu Hồi-giáo Hoa-kỳ là một *Imam* tại New-York, người da đen, đã khởi đầu bài diễn-từ bằng một đoạn kinh *Qur'An*, tiếp nối bằng một giọng gây nhiều cảm xúc đặt vấn đề hợp nhứt trong Hồi-giáo.

Trưởng Phái-đoàn Pakistan là một nhân vật trong Chánh phủ, cấp Bộ-trưởng, đã khai triển đề tài Hồi-giáo lồng trong sanh hoạt chánh trị địa phương, nhằm vào số phận người Hồi-giáo ở *Kashmir*, thuộc phần đất Ấn-độ, biểu lộ sự hục hặc với nước này, khiến đại biểu Hồi-giáo hiện diện, không phải, ở trong chánh quyền bị đặt vào một thế kẹt, vì chẳng lẽ đi theo số đông trở lại chỉ trích Chánh phủ nước mình, rồi khi trở về sẽ ăn nói làm sao ?

Vị thế kẹt này cũng được đặt ra cho đại biểu Hồi-giáo các nước Cộng-sản như Albania, Bulgaria. . .

Trái lại, đại-biểu Phi-luật-tân bằng một giọng Á-rập trôi chảy và danh thép đã cực lực lên án chánh sách đàn áp bằng võ lực của Tổng-Thống Ferdinand Marcos đối người Hồi-giáo Phi tại miền Nam Mindanao và mưu định chụp mũ Cộng-sản theo mao đối với những người Hồi-giáo này.

Trường hợp Nam Yemen có một chánh phủ Mác-xít là mối quan tâm chánh yếu của người Á-rập, vì đây là một đầu cầu vào lãnh thổ Á-rập.

Trường hợp Zanzibar cũng gây một sự chú ý đặc biệt. Các trường hợp trên đều được đúc kết thành những khuyến nghị, đôi khi gây lúng túng cho đại biểu Hồi-giáo của chính nước đó, ngoại trừ Phi-luật-tân và nam Yemen.

Sau khi đã nghiên cứu lẽ lối sanh hoạt Hội trường, tôi đã soạn lại bài diễn văn, thêm đoạn mở đầu bằng công thức một đoạn kinh *Qur'An*, trình bày về người Hồi-giáo tại Việt Nam bao gồm phần lớn là người thiểu số Chăm, nên được hưởng một số biện-pháp nâng đỡ quy định trong Sắc luật số 33/67 ngày 29-8-1967; do đó người Hồi-giáo tại Việt-Nam Cộng-Hòa có thể nói là đang được ưu đãi. Vấn đề đặt ra chỉ là vấn đề giúp hệ-thống-hóa lãnh đạo và thiết lập những cơ-sở giáo-dục thích hợp.

Sau diễn văn, một đại biểu thuộc hàng Vua dầu lửa *Kuwait* đến hỏi thăm về việc tái thiết ngôi Thánh đường tại đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gon, đã bị cháy từ biến cố Bình-xuyên 1954.

Một buổi tiệc do Hoàng-thân Thống-đốc Đô-thị Mecca, một buổi tiệc do Tổng-trưởng Thông-tin tại Jeddah khoản đãi, một buổi tiếp tân trình bày hoạt động của Phong-trào giải-phóng Palestine, một buổi diện trình Quốc vương Faysal ibn Abdul Aziz kết thúc Hội-ngập.

Nhờ thu xếp riêng, tôi đã được cấp máy bay ngày cuối cùng đi Medina ở về hướng Bắc cách Jeddah một giờ bay, thăm 6 sinh viên Chăm đang theo học tại trường Đại-học Hồi-giáo Medina, một dịp để viếng Đại thánh đường Medina, bên trong có mộ của *Nabi Muhammad* từ sáng đến chiều tấp nập tín đồ đến cầu nguyện. Một vài tín đồ quá xúc động nghẹn ngào thành tiếng trước cửa nhà mồ, bị cảnh binh diu đi, bởi lẽ người Hồi giáo không tôn thờ *Nabi Muhammad*, mà chỉ biểu lộ sự kính trọng, còn sự tôn thờ là dành cho *Allah* tức Thượng-đế.

Thành phố Medina là Thánh-địa cũng như Mecca nên cấm những người không phải Hồi-giáo xâm nhập, Medina đồng thời cũng là nơi tọa lạc trường Đại-học Hồi-giáo Medina, trong tương lai sẽ biến thành một cơ sở nghiên cứu Hồi-giáo với đầy đủ tài liệu sách vở nhưt, so sánh với trường Đại-học Al Azhar tại Calro, Ai-cập.

Có điều ít ai ngờ là Viện-trưởng Viện Đại-học Hồi-giáo Medina là Abdul Aziz bin Abdullah bin Baaz là một nhà Bác học mù, giữ chức vụ Cố vấn cho Quốc vương, nổi tiếng trong giới uyên thâm Hồi-giáo luật.

Để tìm hiểu thêm, trên đường về Mecca, tôi đã cùng các sinh viên Chăm dừng đường bộ, thỉnh thoảng dừng lại trước những di tích ngày xưa, nơi xáp chiến giữa đạo quân của *Nabi Muhammad* và kẻ thù, những trạm dừng chân theo thời gian vẫn giữ hình thức cũ, một căn nhà dài không vách, có đặt những chiếc bàn dài giữa 2 cái ghế đan như vồng dùng để ngồi đồng thời dùng để nghỉ ngơi.

Rời Jeddah vào sáng tinh sương, đến Karachi nghỉ một ngày, đêm đến mới đáp máy bay đi Bangkok, trong lòng vẫn thấp thỏm không biết có vé máy bay không vì Hãng Hàng-không đã không xác nhận.

Xuống phi-trường Bangkok gặp cô tiếp viên Hãng-không China Airlines nở nụ cười tiếp đón tươi như hoa, lòng tôi như mở cờ vì chắc chắn có vé rồi.

Một giờ sau, phi cơ đáp xuống phi trường Tân sơn nhưt, đúng vào ngày cuối cùng hết hạn chiếu khán xuất ngoại, tôi thờ phào nhẹ nhõm chạy đến ôm Haji Ly Ossamaine, Chủ tịch Hiệp-Hội Chăm Hồi-giáo, theo tập tục, nhận tràng hoa duyệt qua các tín đồ Hồi-giáo, những cụ già từ tỉnh xa đến đón, bao nhiêu nỗi vui, bao nhiêu câu hỏi dành cho « người từ đất Mecca về ».

Vừa lúc đó lại được tin một Phái-đoàn Hồi-giáo Saudi Arabia cũng vừa được Quốc-vương Faysal ibn Abdul Aziz phái sang Việt-Nam tìm hiểu và thu thập tài liệu về Hồi-giáo tại Việt-Nam.

Kiểm điểm lại một chuyến đi

Đại biểu Hồi-giáo các nước không Hồi-giáo đã được Hội-ng nghị các tổ chức Hồi giáo Thế giới và nhất là các giới chức hữu trách Saudi Arabia chú ý dành cho một sự tiếp đón và giúp đỡ hết sức đặc biệt.

Sự hiếu khách là một đặc tính cổ truyền của người Á-rập ; theo tập tục, người chủ nhà có nghĩa vụ phải chăm sóc và bảo vệ khách trong thời gian ở tại nhà mình, dù khách đó là kẻ sát nhân cũng vậy.

Ngoài ra, Hồi giáo còn có công thức *innamal mukminuna ikhwa*, mọi người Hồi-giáo đều phải xem nhau như anh em một nhà. Do đó, khi cần gặp giới chức dù ở cấp nào, chỉ cần gõ cửa và chào *Assalamu alaikum* tức thì được đáp lễ *Alaikum salam* và được tiếp chuyện niềm nở như đã quen tự bao giờ.

Vào nhà riêng hay phòng việc, vừa ngồi xuống là có người mang đến một cái chũn nhỏ với một cái bình khá đặc biệt, rót mời khách dùng một thứ nước gừng, phổ thông như trà tại Việt Nam vậy.

Gia chủ luôn luôn xem chừng chũn nước gừng vừa cạn là cho rót thêm đầy ngay, dầu khách cố chối từ nói là không dùng thêm nữa.

Khách không rõ tập tục cứ giữ chũn chung trên tay thì gia chủ cứ cho rót thêm mãi, bởi lẽ giữ trên tay có nghĩa là khách vẫn còn tiếp tục uống.

Muốn chấm dứt việc rót thêm, chỉ có cách gián dị là đặt chũn chung lên bàn.

Chi tiết nhỏ nhặt kể trên rất quan trọng, và nếu được chú ý sẽ giúp người Á-rập gần với khách hơn.

Về phía khách, nhón ông đại-biểu Đại Hàn tại Hội-ng nghị, tôi liên tưởng đến hình ảnh một số người Đại Hàn ở một số công trường xây cất và nhất là công trường xây xa-lộ ; tôi thấy 2 sự kiện liên hệ với nhau (Đại Hàn hiện có khoảng 10 ngàn tín đồ Hồi-giáo).

Đến ông đại biểu Nhật cũng vậy, tôi nhớ đến sự tràn ngập của hàng hóa Nhật trên thị-trường Saudi Arabia ; nhưng Nhật đã chuẩn bị kỹ càng hơn. Vị đại biểu Nhật là một cựu sinh viên tốt nghiệp Viện Đại-học Al Azhar đã mang đến phân phát tại Hội-ng nghị một tập tài liệu in rất mỹ thuật, do hội Hồi-giáo Nhật-bản ấn hành, trình bày một số Cơ sở Hồi giáo tại Nhật và nhất là cho hết hiện tại Nhật có cả « Tổ chức phối hợp phát triển thế giới Hồi giáo ». Nhưng tài liệu có ghi danh hiệu « Overseas Petroleum Corporation » cũng đồng thời nhắc nhở người tìm hiểu là Nhật hiện cũng cần dầu lửa Á-rập.

Người ta thấy ở đây tôn giáo đang hỗ trợ cho lãnh vực kinh tế trong liên-hệ với người Á-rập. Đó là một sự thật có giá trị trong lãnh vực phân tích khoa học, nhưng có lẽ không tiện ghi nhận về mặt tôn giáo vì e ngại va chạm.

Với tư cách là một nước sản

xuất dầu nhiều như thế giới Saudi Arabia đã đóng vai trò dẫn đạo tích cực, một mặt giảm bớt sản lượng, một mặt tăng giá và mặt khác không bán dầu cho một số quốc gia bị cho là có liên hệ với Do-thái.

Quyết định cấm bán dầu đã được thảo hời nhưng giá dầu tăng vọt do Tổ chức các nước xuất cảng dầu (OPEC) ấn định đã và đang gây thâm thủng cho cán cân thương mại một số nước kỹ nghệ tiên tiến và làm khốn đốn nhiều nước đang mở mang vì phải tìm ra một số ngoại tệ tăng gấp 3 gấp 4 lần để mua được dầu cung ứng nhu cầu bình thường.

Số ngoại tệ thâm thủng này dĩ nhiên sẽ chạy về các quốc gia sản xuất dầu ngày càng tích trữ nhiều thêm. Giới chuyên môn kinh tài thế giới ước tính mức dư thừa của cán cân thương mại của 12 nước sản xuất dầu thuộc OPEC năm nay sẽ tăng đến 65 tỷ Mỹ-kim so với mức 7 tỷ của năm vừa qua.

Đối với các nước sản xuất dầu như Iran, Algeria, Venezuela, Indonesia, dân số cao và có nhiều dự án kỹ nghệ nên có dùng số ngoại tệ dư thừa kia để mua hàng và dịch vụ từ các nước kỹ nghệ.

Nhiều nước sản xuất dầu trong khối Ả-rập, trái lại, dân số ít, (Saudi Arabia chỉ có 7 triệu, Libya 3 triệu) lại chưa có kỹ nghệ phát triển, nên chỉ cho dùng một phần nhỏ số ngoại tệ thu hoạch, nhưng đồng thời, lại không chịu ký thác dài hạn, khiến các ngân hàng quốc tế liên-hệ cũng không dám

dùng số tiền này để cho vay dài hạn. Và khi mà người Ả-rập bỗng nhiên ồ ạt chuyển tiền từ một nước này sang nước khác, tức thì sẽ làm bùng nổ một cơn khủng hoảng tiền tệ quốc tế.

Do đó, vấn đề đặt ra đối với các quốc-gia Hồi-giáo không sản xuất dầu nhiều, hoặc không có dầu, là làm sao để tranh thủ sắp xếp, trên tinh thần tương trợ Hồi-giáo, thúc đẩy quốc gia dẫn đạo Saudi Arabia chuyển khối lượng tiền tệ dư thừa kê trên vào công cuộc đầu tư các dự án phát triển của quốc gia mình.

Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ đó và nó cũng là một điều thêm, khiến cho vị thế lãnh đạo Hồi-giáo của Saudi Arabia càng được củng cố trong thế giới Hồi-giáo.

Với sức mạnh nhờ dầu lửa, Saudi Arabia đang mong thực hiện một số công trình to lớn, nhưng nếu Saudi Arabia có một số người lãnh đạo cao cấp nhiều khả năng, thường được đào tạo trong các trường Âu Mỹ, thì Saudi Arabia trái lại còn thiếu quá nhiều chuyên viên và nhân viên trung cấp. Còn giới lao động chân tay thì đa số là người Ả-rập xứ Yemen. Do đó, người tìm hiểu không lấy làm ngạc nhiên về thành công của cựu Thủ-tướng Mã-lai-Á *Tuugku Abdul Rahman* trong việc được người Ả-rập giao cho đảm nhận chức vụ hết sức quan trọng từ Tổng Thư-ký Hồi-giáo thế-giới cho đến vai trò hiện nay trong sinh hoạt Hồi-giáo thế-giới. Điều cần ghi nhận là nếu Kuala Lumpur đã được chọn làm nơi

Hội nghị Hồi-giáo cấp Ngoại-trưởng tháng 6 năm 1974 này, thì đó cũng chính là thành công của Tung ku Abdul Rahman trong hậu trường vậy.

Việt-Nam vừa mới thiết lập bang giao với Saudi Arabia trên cấp bậc Đại-sứ, đã chọn đứng quốc gia trung tâm của thế-giới Á-rập để từ đó phát triển bang giao thuận lợi với các nước Á-rập Hồi-giáo khác.

Do đó thiết nghĩ cần có sự chuẩn bị tích cực để yểm trợ phát triển bang giao chánh thức giữa hai chánh phủ Việt-Nam và Saudi Arabia. Sự yểm trợ phát triển bang giao này không thể nào bỏ quên Hồi-giáo Việt-Nam.

Cộng-đồng Hồi-giáo Việt-Nam có vào khoảng 100.000 tín đồ bao gồm phần lớn là đồng bào thiểu số Chăm, sống tổ chức thành nhiều tập-thể đặt dưới quyền lãnh đạo của các vị

Hakim. Phối hợp các vị Hakim, có chức vị *Musty* và vị đương niên là cụ Tuan Naji Mố Ly, nguyên đã sống khoảng 20 năm học đạo tại Thánh-địa Mecca.

Bên cạnh tổ chức cổ truyền này, có thiết lập một tổ chức do Bộ Nội-vụ cho phép từ năm 1962, mệnh danh là *Hiệp Hội Chăm Hồi Giáo Việt Nam*, hiện đang phụ trách liên lạc với chánh quyền về các vấn đề liên hệ đến người Hồi-giáo. Chủ tịch đương nhiệm của Hiệp Hội này là Haji Ly Ossamaine, trụ-sở đặt tại số 23/TK 10, Bến Chương Dương, Saigon 2.

Hệ thống tổ chức kể trên cần được chuẩn bị ngay từ bây giờ để đảm nhiệm vai trò yểm trợ bang giao với các nước Á-rập Hồi-giáo trong những ngày sắp tới.

DOHAMIDE

CHÚC MỪNG

Được hồng thiếp báo tin Trung úy :

TÔN THẮT NHÃN làm lễ Thành hôn cùng cô
NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN tại Banmêthuột ngày 5-6-1974
(lúc ngày 15 tháng 4 năm Giáp Dần).

Chúc NHÃN — TUYẾT VÂN trăm năm hạnh phúc.

TRẦN THỊ THU THANH, TRƯƠNG THỊ NGUYỆT, VÕ ĐĂNG
LẠC, TÔN NỮ LỆ CHI, VÕ THỊ CẨM TÚ, TÔN THẮT DU,
TÔN NỮ THỦY TIÊN, TÔN THẮT PHỒ, TÔN THẮT HÀM

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Paris 20-5-74

Anh Ch.

Chờ hôm nay nước Pháp có Tổng-Thống mới viết thư một thể, đề có nhiều chuyện gì vui vui mà kể cho các anh nghe chứ. Đêm hôm qua là đêm mà mọi người náo nức, một số nửa phần dân chúng nước Pháp buồn và một nửa số vui. Nói ra thì sẽ có kẻ phản đối chứ bề trái của mọi vấn đề còn buồn cười hơn.

Anh có biết là đời bây giờ nếu muốn tỏ ra mình trẻ và hợp thời trang thì lúc nào cũng phải nói giọng thiên tả, đau xót cho những người nghèo bị bóc lột, v.v... tuy rằng nếu đặt ông hay bà đứng trước hoàn cảnh một gia đình nghèo khó, thì ông hay bà cũng lờ đi vì còn lo đi nghỉ hè với đi sắm sửa quần áo cho hợp mùa, hợp tiết.

Vì vậy mà anh nào cũng miệng nói bầu cho ông Mitterrand mà lòng thì nơm nớp lo ông thắng phiếu. May cho họ là ông không thắng, thành thử đối với lương tâm, họ cũng vẫn thấy mình hợp lý mà bao nhiêu lo âu cũng khỏi đến làm phiền nhiều cuộc đời. Có kẻ thì lại nằm nhà, vì bỏ cho ông Giscard thì ngược mà bỏ cho ông kia thì lo, nằm nhà là yên ổn nhất. Ngoài ra còn có người đi xa mà cũng về cho kịp ngày để đi bỏ phiếu, vì sợ bên phía kia thắng.

Kể cũng vui, tuy rồi đây bắt đầu những ưu tư mới. Thế giới vui vẻ từ Đông sang Tây, mấy hôm nay ai cũng thấp thỏm chỉ sợ đảng Xã-hội với Cộng-sản mà lên thì sẽ có nhiều việc xáo trộn. Có một kinh nghiệm nói cho anh đề nhớ sau này anh có ra ứng cử, đầu là ứng cử xã ấp, là trước đó phải nên chuẩn bị hai bài diễn từ. Một đề phòng khi mình thắng thì tha hồ nói hươu nói vượn, cảm ơn đồng bào đã ủng hộ tui v.v..

Bài thứ hai cũng phải sẵn sàng những lời thiết tha cho đỡ ngượng ngùng lúc thất cử. Đừng có chờ tới lúc đó mới ngồi nặn óc ra viết, thì đương khi tức giận thế nào chẳng nói bừa bãi, sau đó sẽ bị lưu danh muôn thuở. Nhất là thời bây giờ cái gì cũng bị ghi âm và bốn chục con ngựa chạy theo cũng không kịp chứ không phải chỉ có bốn con, như các chú chệt ngày xưa bảo với ta.

Lần này là lần thứ nhất mà người dân Pháp chịu khó đi bầu chứ mọi lần họ lười, không lo sợ, coi bộ cả hai bên đều muốn thắng. Buồn cười nhất là có một số người ngoại quốc, nhưng mang quốc tịch Pháp, cũng đã đi tranh đấu hộ một cách đáng thương.

Một bà kể chuyện rằng bà đến nhà một người bạn chơi. Thấy ông chồng suốt buổi ôm cái máy truyền tranh để nghe tin tức, còn la rầy hai bà này sao không đi bầu cử vì: « phải làm tròn phận công dân chứ ». Đêm

nay tôi thức giấc nằm nhớ lại câu chuyện mà bật cười. Láng giếng mà nghe được tiếng cười của tôi sẽ tưởng tôi điên. Những người Việt bỏ nhà bỏ cửa sang đây ở là một chuyện đáng đau rồi, mà lại còn đi làm bòn phân công dân nữa! Eo ôi, trong khi nước nhà có rách nát ra cũng mặc, đã thế họ lại còn rất kiêu hãnh và ý thức rõ rệt về cái quốc tịch giấy, cái áo mượn của họ. Giá có thuốc gì mà nhuộm được màu da và màu mắt chắc họ cũng sẽ mua về nhuộm ngay.

Có lẽ nhờ cái số người Việt-Nam ấy mà ở bên này hai ông ứng-cử-viên mới tăng thêm được mỗi bên một số phiếu đó chẳng. Thế là xong chuyện bầu cử nhé, biết trước rằng ông nào lên cũng không thể giữ lời hứa. Chỉ có những anh nào ngây thơ mới tin lời hứa của mấy tên ứng-cử-viên, ai muốn thắng mà chẳng nói dóc.

Theo lời một số ký giả thì phải trẻ bỏ cho ông Giscard vì ông này thông minh và họ tin rằng người thông minh thì sẽ làm được việc, vấn đề này còn để chờ xem. Nhưng dầu ông nào đi nữa cũng phải đương đầu với rất nhiều vấn đề, nhất là vấn đề vật giá leo thang.

Hôm qua chúng tôi ăn cơm trưa tiễn ông Pavard, tức là ông Giám đốc Phòng Báo chí quốc ngoại của Bộ Ngoại giao Pháp. Ông ta về hưu trí sau gần ba chục năm phụng sự cái nghề điều tra chúng tôi. Thế là còn phải mất thì giờ vì sẽ phải đi ăn với ông nào sắp lên thay thế. Tôi ngồi

cạnh một ký giả nước láng giềng. Sau một hồi nói chuyện, thấy tên này có vài điểm khác người, anh biết khác gì không? Tên ấy kể với tôi rằng có sống ở Việt Nam 6 tháng. Lúc về viết một loạt bài với ý nghị công bình, nghĩa là ai xấu, ai làm gì xấu thì nói là xấu. Có điểm bên này xấu và có điểm thì bên kia xấu.

Thế mà khi bài đến tay ông Chủ báo thì ông yêu cầu sửa lại, vì ông chờ đợi một sự nói xấu miền Nam nhiều hơn. Tên này không chịu, sau ông đề nghị một lần nữa là viết rộng viết dài, vẽ thêm hoa lá ở những điểm xấu của miền Nam, và thu hẹp những điểm xấu của bên kia. Tên này cũng không chịu. Kết quả là ông chủ nhượng bộ nhưng mà không hài lòng và từ đấy không cho sang Việt Nam nữa.

Đây là cái điểm khác người của tên ký giả này, vì những ký giả khác, có lệnh bảo sửa là vui lòng sửa liền. Ngay cả khi chưa có lệnh của ông Chủ báo, họ cũng đoán ý mà sửa trước, hoặc đi tìm toàn chuyện xấu để về viết cho nó dễ dàng.

Tôi về nhà suy nghĩ mãi về cái tên này, sao nó đại thế nhỉ. Bây giờ mọi người đều biết làm giàu trên nước Việt Nam, thế mà tên này không làm.

Lúc chia tay tên ấy hẹn hôm nào chúng mình đi ăn cơm với nhau.

Suốt mấy năm nay toàn gặp người khôn, bây giờ gặp người dại một lần coi ra sao. Hôm nào về xứ sẽ đến thảo luận với các anh về cái vấn đề khôn dại mới được. Anh sẽ hỏi sao độ này tôi lắm chuyện, nhưng tại làm cái nghề này nó sinh ra lắm chuyện vậy đó, biết được rất nhiều mà vẫn cứ phải làm như điếc cho yên, khỏi mất thì giờ. Anh chờ khi nào tôi có dư thì giờ sẽ viết cái thiên hồi ký những kinh nghiệm trong cái nghề này cho anh xem. Nhiều điều vui lắm, tha hồ cười...

Tên đồng nghiệp láng giềng nhà tôi ốm phải vào nằm bệnh viện. Hắn ta khai tôi là láng giềng, báo hại tôi phải mất nhiều thì giờ. Nào khai báo, thăm viếng rồi còn soạn giùm giấy tờ, giấy xã hội bảo đảm, giấy lương tiền, mà hắn ta thì bữa bãi nhà ở còn hơn cái chuồng lợn, bắt tôi phải vào lục lọi hàng giờ. Đã vậy cứ lo hắn ta có chuyện gì thì tôi phải bán cửa bán nhà đi tìm nơi khác vì tính tôi hay sợ ma. May quá hôm nay y thị bớt rồi, hắn bị tôi và các bạn chỉnh cho một trận toí bời về sự phải có bổn phận đối với bạn bè và láng giềng. Hắn ốm mà bắt tôi bỏ công việc, mất thì giờ thế là hắn có lỗi. Nhưng thấy hắn nằm bệnh viện thì sao mà sung sướng, còn tôi lúc ốm cũng nằm cái bệnh viện ấy thì đủ thứ bức mình, khổ sở. Sau một hồi thảo luận thì ra vị mình là ngoại nhân, da vàng. Nói gì thì nói, xứ nào cũng kỳ thị. Chỉ trừ mấy cái xứ cực thuộc địa, mới chạy theo ngoại nhân. Nhất là các quan

mãn chính trị, chuyên môn nịnh bợ ngoại quốc. Một điểm thứ hai nữa là trong bệnh viện có nhiều cô và bà, thấy một tên nam giới vào mặt mũi sạch sẽ, thế là mọi người xúm lại săn sóc.

Trái lại hồi tôi ốm, người ta đưa đến một gian phòng chờ đợi tìm ra bệnh, ở đây có một cô sinh viên y khoa Việt Nam. Khi cô thấy tôi, cô vội vàng lờ, suốt mấy ngày đi qua đi lại không bao giờ hỏi một câu. Hảo tại sợ tôi có lợi dụng cái tình đồng bào mà nhõng nhẽo chẳng. Trong khi ấy thì cô lại rất dễ thương vốn vả chào hỏi tất cả mọi người chung quanh. Mãi một hôm tôi bị ngã xuống lúc phải lết đi cân, người ta nhờ cô đến đo máu, lúc ấy tôi mới được hân hạnh nghe giọng miền Bắc của cô. Ngày mai lại đi ngang giường tôi, cô vẫn tiếp tục lờ đi như không trông thấy.

Đố ai đoán được tại sao cô có thái độ ấy, tôi thì xin chịu và mãi đến bây giờ cũng vẫn chưa giải thích được, anh có đoán ra được không. Nói đề cho những người Việt-Nam khác đừng có bao giờ hy vọng rằng ở trên xứ người mà nhờ được đồng bào. Nhưng chắc tại cái mặt tôi dễ ghét, nên hai luồng điện ngược chiều chạm nhau chẳng.

Thôi không than nữa, tìm chuyện vui kể anh nghe đây, chuyện gì bây giờ, trời đang mưa, cái điệu mưa tích lịch bắt nhớ nhà khó chịu. Anh có bao giờ đề ý thấy vậy không, nhưng anh ở nhà, vui với bạn bè,

với gia đình, chắc không thấy đâu.

Tôi có bà bạn quen nhau cả hai chục năm rồi, bà sang đây mở hiệu ăn, thấy vất vả quá nên quay ra mở nhà trọ. Hôm nọ gặp bà ta, nghe than ghê quá, vì Sở Thuế đến điều tra, bắt phải khai tất cả. Họ đòi từ cái hóa đơn tính tiền mua bánh mì mỗi buổi sáng, bà ta không kiếm đâu ra, chắc phải chịu phạt. Nghe bà ta bảo từ thuở bé chưa bao giờ phải khổ sở như bây giờ, nào sáng phải dậy từ sáu giờ đi mua bánh mì về làm thức ăn sáng cho khách, rồi trông coi dọn dẹp, xong lại làm sổ sách. Eo ôi, dễ sợ, hồi đó ở nhà bà ta ăn xong đi đến hiệu đề người ta chà sát cho cái bụng bé lại...

Đấy, bỏ xứ ra đi chỉ nghe than thôi, chưa hề gặp anh nào mà nghe không than, hay là họ giả vờ than như vậy.

Cổ nhiên là những người như bà bạn tôi thì bỏ phiếu cho ông Giscard d'Estaing, vì bà ta bỏ xứ đi là sợ Cộng sản, bây giờ mà nước Pháp cũng đi vào đường lối ấy thì biết chạy về đâu. Có thể sau này, một ngày nào đó, những người ra đi này sẽ phải tổng bề trở về xứ. Nhưng họ chẳng về đâu, anh đừng lo.

Mấy hôm nay tội nghiệp ông Kissinger bay qua bay lại trên hai kinh đô mà rồi chúng tôi cá với nhau là sau khi ký xong sẽ cũng vẫn còn những trận giết chóc, không lớn thì nhỏ.

Cái lò đúc cảm hờn mà người ta nhen nhúm từ mấy chục năm nay,

có thể nào sau mấy chữ ký mà trở nên nguội ngay được. Anh biết cái lò ấy ở đâu không? Ở các trại tập trung dân tị nạn Palestiniens ấy. Tôi nhớ có một thời gian sống gần cái lò ấy và cảm thấy bứt rứt khó chịu. Nhất là có những hôm mưa dầm, mưa như trời muốn sửa soạn một trận đại hồng thủy ấy. Tôi ở trong nhà trọ, thứ hạng nhất của cả vùng, mà còn thấy nước tràn mênh mông từ trên mái, từ ngoài hiên. Nghĩ đến những dãy nhà chật hẹp trong mấy cái trại tị nạn ấy rồi họ đối phó cách nào. Đã hết đâu, các đồng nghiệp ở cùng trong nhà trọ còn kể thêm chuyện một nhân viên trẻ tuổi của Ban Hồng-thập-tự Thụy-sĩ vừa mới tự tử cách mấy hôm ở gần đấy. Hình như tại ông ta cảm thấy bất lực trước những sự khốn khổ thực tế của người dân. Điểm thứ hai là sống tại đây, mặc dầu có biển có mặt trời quanh năm, mà sao không khí buồn thê lương, khó chịu và khó tả.

Một vài khi đứng nhìn mặt trời lặn trên gác thượng của nhà trọ hướng về phía trại, những dãy mái nhà xám âm u, tôi có cảm tưởng tôi đã cảm thông được cái chết và những ý nghĩ gì, tiền tấu cho cái chết của anh chàng Thụy-sĩ trẻ tuổi ấy.

Anh thử tưởng tượng những con người sống suốt ngày trong những ngôi nhà ba thước mỗi bề, làm gì nếu không là làm ra những đứa con trai con gái lúc nhúc, đề rồi lúc ăn lúc ngủ, lúc nào cũng nghe bố mẹ

than thở, uất hận. Những đứa bé ấy lớn lên trong ý nghĩ trả thù, làm sao tiêu diệt được giống người đã làm cho chúng phải khổ sở.

Vì vậy mà chỉ cần có kẻ đến nói lên một tiếng, gọi một câu, là những thằng con trai ấy bỏ ra đi ngay. Rồi cứ thế, xác chết đi tìm xác chết. Sự khủng bố được trả lại bằng sự báo phục của bên phía Do-Thái, chỉ có thể thôi mà năm này sang năm khác từ mấy chục năm rồi.

Sự kiện làm tôi nhớ đến cái trò chơi ở Thờ-nhĩ-kỳ, cho hai con lạc đà ra húc nhau, thúc đẩy hò hét cho đến khi nó húc chảy máu mũi máu mắt lúc ấy loài người mới nhào vào nắm giây thường kéo ra, mà kéo làm sao được khi những con lạc đà đang lên cơn hăng. Thế là vui rồi! Loài người thật ác, anh thấy không.

Nhưng kể chuyện gì đâu lung tung, chấm dứt bức thư kể cho anh nghe một mẩu tin vui, tôi vừa đi nghe một buổi hòa nhạc học trò ở trường âm nhạc. Có hai cô bé Trần-Đinh Điệp-Trang và Trần-Đinh Điệp-Lan, hai cô bé chơi sáo và dương cầm một bản nhạc lớn của Mozart. Cứ tọa nín thở nghe và sau đó thì so lại, Việt Nam là được vỗ tay lâu nhất, nhiều nhất. Anh thấy có hân hạnh lây không?

Báo hại tui về nhà cũng đau tay cả đêm.

Thôi chứ, thư dài quá, các anh mạnh và Bách Khoa cũng rứa.

Thư sau kể chuyện đi dự lễ trao quyền cho anh nghe. Sáng nay mới nhận được giấy mời.

MINH-ĐỨC HOÀI TRINH

VĂN PHÒNG KINH LÝ VÀ CỔ VẤN ĐIỀN ĐỊA

NGUYỄN XUÂN KHƯƠNG

Giám-định Trắc Địa Sư

Giám-định Tòa-án

Tốt nghiệp Institut Géographique National Paris

Nguyên Tổng Giám đốc Điền Địa

40 Nguyễn văn Trương Gia-Định

(trước Viện Ung Thư) Đ.T. (mới đổi): 97.244

Có nhận: Kỹ sư, Cán sự tập sự

và Huấn luyện Họa viên, Trắc lượng viên

Có thể liên lạc: 160 Phan đình Phùng Saigon. Đ.T : 25.539

קניין

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Loài rau hoang dại

Tết năm Nhâm Tý, tôi được trở về Vĩnh Long. Tôi vẫn biết mình sẽ không tìm lại được bóng ngày xanh trong cái tỉnh lỵ sinh quán của mình, sau gần mười lăm năm xa cách. Trong biến cố Tết Mậu Thân, hầu hết những nhà cửa trong thành phố đã bị lửa đạn làm hư hao. Tỉnh lỵ đã được xây cất theo tư thế đại quý mô hơn. Những nhà cửa khang trang, những công sở nguy nga, những công viên, công trường rộng rãi và xinh đẹp đã làm cho tôi cảm thấy mình là một kẻ lạ, bơ vơ giữa một thành phố tân kỳ nào. Tôi đã làm gái già trong khung cảnh già nua của tỉnh lỵ đó. Và khi tôi trở về thăm lại nó, thì nó đã đổi mới, khoác lên chiếc áo trẻ trung trong khi đó theo dòng thời gian tôi sắp bước vào tuổi bốn mươi. Có phải tuổi bốn mươi là tuổi năm trong khoảng hồi xuân của đời người? Đó là một mùa xuân thứ hai để cho thân xác bừng sống với sự tấn công cuối cùng của nhục cảm. Đó vẫn không phải là mùa xuân thật sự, vì rằng dấu thân xác rung động mãnh liệt với bất cứ mọi kích thích nào của nhục cảm trong cuộc sống, nhưng tâm hồn tôi đã già khô già đắng, đã héo hon, chai đá tự bao giờ rồi. Tôi chợt nhớ bốn câu thơ hoài cổ của Bà Huyện Thanh Quan:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

*Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương*

tự đứng lòng buồn bã mà tôi không thể ngờ được. Tôi không đứng trước cảnh hoang tàn, tiêu sơ mà tôi đứng trước một tỉnh lỵ đang bừng sống, đang trên đà trùng tu kiến tạo. Nhưng chính cái bộ mặt mới mẻ của nó làm cho tôi cảm thấy mình thêm già, mình đã tách rời thiên đường thuở hoa niên tràn ngập mộng mơ, ảo tưởng.

Tôi trở về mái nhà hương hỏa của ba tôi, nhận thấy mình không còn cơ hội nào để sửa sang nó lại. Ngôi nhà đã trên một thế kỷ, trải qua bốn thế hệ, chỉ chờ ngày sụp đổ mà thôi. Nét vàng son trên cột kèo chạm trổ đã phai mờ, mái ngói quăn xuống, sân gạch tróc lở, cỏ dại chung quanh đã mọc um tùm rậm rạp.

Người ta đau khổ khi rời khỏi thiên đường của mình, nhưng khi tìm lại được thiên đường, chưa chắc là người ta sẽ hài lòng vì thiên đường tìm lại đâu còn là thiên đường thuở trước?

Một điều mà tôi càng buồn hơn nữa là về quê cũ mà không gặp được má tôi. Trong mùa hè đỏ lửa 1972, má tôi bị mắc kẹt ở Lộc Ninh mãi cho tới bây giờ. Gia đình tôi mà thiếu má tôi kể như là một sự b...

hồng lớn. Làm sao tôi tổ chức một cái Tết tươm tất bằng má tôi? Mỗi khi nghĩ tới bà còn đang lặn lội trong vùng Cộng quân kiểm soát là tôi tê tái cả từng khúc ruột.

Vinh Long của tôi! Dòng rạch Long Hồ ở sau nhà đêm đêm thao thức với tiếng róc rách êm êm. Thuở nào, trong nửa đêm thức giấc, nghe tiếng róc rách của nó, tôi đã mơ mộng đến những bờ bến xa lạ, những khung trời khác xa khung trời Vinh Long. Bây giờ, nghe lại tiếng róc rách của sông, tôi lại nghĩ đến thời gian thấm thoát qua nhanh quá, tôi đã luống tuổi rồi mà chẳng hề thấy mình thực sự được hạnh phúc, được mãn nguyện trong cuộc sống. Có đêm, tôi mở cửa hông nhà, ngồi trên thềm đá, ngóng qua bên kia lùm lúa tràn ngập bóng đêm để hồi tưởng lại nỗi cô đơn xưa cũ, khi tôi còn sống dưới mái nhà từ đường. Tôi nghĩ đến tia sắp nhỏ. Chàng đã rọi một tia nắng vào đời sống cô đơn của tôi, đã bầu bạn cùng tôi suốt tám năm rồi. Nhưng thật sự, cái hạnh phúc của tôi vẫn chưa đạt đến mức mà tôi hằng mơ ước. Tôi đã có ba mặt con với chàng, nhưng trên mặt pháp lý, tôi vẫn là một bà mẹ độc thân... Cái hạnh phúc đó chỉ êm thấm thôi, chứ chưa sung mãn vì còn trở ngại tinh thần khác làm tôi cứ thấp thỏm, áy náy không yên. Bởi đó, tôi không thề rú chàng về Vinh Long ăn Tết với tôi được. Nếu có mặt chàng trong cái Tết năm đó, có lẽ tôi bỏ rơi được ám ảnh cô đơn, bỏ rơi được cái mặc cảm mình

là kẻ xa lạ trong thành phố tỉnh Vinh Long được một phần nào.

Trước đó, tôi đã cho chào đời chín tác phẩm. Tác phẩm chót trong chín tác phẩm đó là « *Chiều xuống êm êm* » đã làm tôi suy nghĩ rất nhiều khi đọc lại. Tôi đã mô tả một nếp sống của đôi vợ chồng già, bên triền cái chết. Tôi tự hỏi, mai sau đứa con nào sống bên cạnh tôi, để tôi không cảm thấy lạc lõng giữa tuổi già ảm đạm mênh mông? Và tôi sợ cảnh già của hai vợ chồng ông Bá Hộ. Lắm tiền nhiều của nhưng con cái ở xa xôi. Và lại, tia sắp nhỏ đâu được quyền sống chung với tôi dưới một mái nhà thường xuyên. Chàng có gia đình riêng và tôi chỉ là kẻ ăn một hạnh phúc của gia đình người, thế thôi.

Về Vinh Long mà thiếu tia sắp nhỏ, tôi có nhiều ám ảnh quái gở, những mặc cảm kỳ cục cho nên đối với tôi, cái Tết năm đó tẻ nhạt lạ lùng. Để chạy trốn những ám ảnh đó, tôi tìm một vài con bạn thân vào thuở thiếu thời mà suốt trên mười lăm năm rồi tôi vẫn không trao đổi thư từ với tụi nó.

oOo

Nhà Tuyết Hương ở gần nhà từ đường của ba tôi, xéo xéo bên kia lộ đá. Nàng giận chồng, không sống chung với chồng nữa và ôm con về đây sống với mẹ của mình. Bà mẹ của nàng trước kia cũng đã giận chồng, tách rời chồng để về đây tìm kẻ sinh nhai. Lúc đó, Tuyết Hương còn nhỏ quá. Bà nói gạt nàng rằng

ba nàng đã chết và nàng cũng tin như vậy, mãi đến khi ngoài hai mươi tuổi, nghe lời thóc mách của người di họ, nàng mới biết cha mình có gia đình riêng và còn sống ở đất Saigon.

Tôi coi mẹ của Tuyết Hương như má nuôi của mình. Bà là mẫu người hào hiệp, tốt bụng, đa cảm, nhưng suốt một đời khổ tâm vì mối tình dang dở, vì cảnh nhà cứ túng quẫn luôn. Ngày xưa, bà bán bánh xùng để đắp đổi qua ngày. Bà tự tay xay bột gạo và cùng người em làm bánh để ngồi bán ở ngoài chợ. Bánh xùng cũng giống như bánh tằm, nhưng nhỏ sợi hơn, ai muốn ăn bánh với đường hay chan với nước mắm tùy ý. Sau đó bà đổi qua nghề làm bánh tằm bì, và sau hết bà đổi qua nghề hàng sáo. Tuy nhiên, có một thuở, bà trôi nổi lên Saigon, làm đầu bếp cho một câu lạc bộ của Mỹ nhưng rồi vì nhớ quê, bà bỏ việc ngang xương về Vĩnh Long. Nơi đây, hai mẹ con bà nương nấu với nhau bằng những nghề bán buôn lật vặt, cùng đối diện nhau để nhìn thấy cuộc đời dờ dang và ảm đạm của nhau.

Sống bên cạnh bà trong mấy ngày Tết, tôi cảm thấy lòng mình êm dịu khác thường. Má tôi ở xứ người, không biết có ấm no, an ổn không? Và không biết bà sống chết ra sao? Tôi nương vào tình thân mến của bà má nuôi tôi để tìm chút ấm áp của tình mẹ con qua ảo tưởng nào đó. Nhưng dầu sao, ảo tưởng cũng vẫn là ảo tưởng và càng nghĩ đến má tôi, lòng càng xốn xang như muối xát.

Gặp lại tôi, Tuyết Hương cảm động lắm. Chúng tôi cùng nhắc nhở nhau một vài kỷ niệm nhưng tâm hồn hết phần khởi nữa rồi. Tuyết Hương bước vào đời với tính đa sầu đa cảm. Có lần nàng muốn đi tu, nhưng bị mẹ ngăn cản nên nàng thích mặc áo màu đà. Cũng có lần nàng uống thuốc ngủ để tự tử. Nàng vốn khác tâm khác tính với tôi như hai thái cực, tuy nhiên tôi mến nàng nhất trong lũ hạn gái. Nàng là nhân chứng cho mối tình đầu của tôi và chỉ có nàng tôi mới dám đòi trao tâm sự. Tôi đã trải qua nhiều tai ương, hoạn nạn, nhưng tôi gượng đứng dậy, gượng đi nốt quãng đường mà mình phải làm cuộc hành trình. Nhưng Tuyết Hương thì khác, nàng chỉ biết ôm con về quê để ôm chặt sự căm hận đối với chồng mình. Chồng nàng có vài lần tìm đến năn nỉ nàng, nhưng nàng vẫn không chịu tha thứ.

Tôi đã cùng Tuyết Hương sống một quãng đời thơ ấu vui tươi bên nhau mặc dầu cả hai gia đình cùng sống trong cảnh nghèo. Thời hoa niên của tôi có vui buồn lẫn lộn, nhưng vì sống gần gũi má tôi nên tôi không thấy nỗi cô đơn, trống trải. Tuyết Hương cũng vậy... Càng lớn lên, chúng tôi càng buồn hơn, càng bất mãn trước nhiều vấn đề tình cảm hơn. Chúng tôi ngồi ở khu vườn sau nhà để nhớ lại thuở nào chúng tôi cùng với nhiều bè bạn khác hóng gió bên thềm chiếc mả đá xanh, dưới bóng cây lựu lá nhỏ lẫn tẩn trong những buổi chiều mát trời. Tôi như thấy lại cảnh chúng tôi đi dạo,

thuyền vào những đêm trăng trong, gió mát, hoặc những chuyến du ngoạn vào những vùng quê xanh mướt, êm đềm của một thời thanh bình xa xưa nào.

Tuyết Hương nói :

— Phải chi ở Saigon có công ăn việc làm, em sẽ đem lũ con lên ở với chị.

Tôi buồn rầu :

— Tao viết feuilleton hết nỗi rồi. Tao cố gắng thu xếp mọi việc để về đây lập vườn, trồng rẫy, nuôi heo gà...

Tết năm đó, gia đình Tuyết Hương cũng ăn uống khá sung túc. Hiệp-định ngưng bắn vừa ký kết. Dân chúng rất phấn khởi trước viễn ảnh hòa bình nên tổ chức cái Tết khá rình rang. Riêng tôi, tôi lại nghĩ mình cũng sẽ về sinh cơ lập nghiệp ở Vĩnh Long trong một tương lai rất gần. Lúc đó, Tuyết Hương và tôi được sống bên nhau. Chúng tôi lần lần sẽ là hai mục giả giao hảo thân mật với nhau, cùng chăm nom săn sóc lũ con để thế hệ chúng sáng sủa hơn thế hệ chúng tôi được một phần nào chăng ?

Tôi nhìn mãi khuôn mặt của Tuyết Hương lòng man mác khó tả. Thật sự, nàng không già hơn thuở xưa bao nhiêu, nhưng vẻ phiêu muộn đã cướp mất hết ánh sáng reo vui trong đôi mắt một mí của nàng. Riêng bà má nuôi của tôi thì già thấy rõ, tóc bạc nhiều hơn và giọng nói có vẻ ngao ngán thế nào.

Tôi vẫn biết càng lớn lên, vì sinh kế bắt buộc, lũ bạn thân cũ đã tứ tán khá nhiều. Nhưng tôi biết hai cô bạn Loan và Liên của tôi còn dạy học ở trường TPH. Tôi tìm Liên, cô bạn thùy mị, nhưng nghịch ngợm của tôi trước. Chồng nàng cũng dạy chung trường với nàng, nhưng vì đông con, nên họ hơi túng thiếu. Ông thân sinh nàng bèn giao tiệm sửa xe gần máy cho chồng nàng cai quản để nàng kiếm thêm tiền. Liên không còn ở dãy nhà gạch quay mặt về phía dòng rạch Long Hồ, xéo xéo cầu Thiềng Đức. Nàng vẫn ở chung với cha mẹ ruột, nhưng trong một gian phòng dành riêng cho vợ chồng con cái mình.

Tôi đứng trước một ngôi nhà khang trang, cổng gài cẩn thận. Một cô thiếu nữ khá xinh ra mở cổng. Thoáng nhìn thấy tôi, cô hỏi :

— Xin lỗi chị, có phải chị là chị Linh không ?

Tôi gật đầu. Cô thiếu nữ mở cổng mời tôi vào. Tôi hỏi :

— Em là chị của Liên ?

Cô thiếu nữ nói :

— Chị đi lâu quá nên không nhận ra em. Em là con Mười đây.

Liên có mười anh chị em tất cả. Anh trưởng của nàng hiện ở Saigon, chín chị em gái của nàng, một số ít đã lấy chồng phương xa, còn phần đông ở Vĩnh Long. Khi tôi mới xa Vĩnh Long thì cô thứ tám, cô thứ chín, cô thứ mười và cô gái út tên Kim Luông hãy còn là con nít chưa

sạch cứt mũi... Bây giờ thì tụi nó đã thành thiếu nữ cả rồi.

Cô Mười lao vút vào nhà, la lớn:

— Ba má ơi, chị Liên ơi, có chị Linh ở Saigon về thăm đây nè.

Cả nhà túa ra, quây chung quanh tôi. Bà thân sinh của Liên và Liên nhìn tôi cảm động rưng rưng nước mắt. Bao giờ cũng vậy, hễ mỗi khi gặp cảm xúc là mũi của Liên ửng đỏ lên như trái mận hồng đào. Ông bà thân sinh của Liên vẫn như xưa, không già rõ rệt. Hẳn là lúc còn trẻ, bà thân sinh của Liên đẹp hơn các cô gái của mình hiện giờ. Bà càng sinh nở, càng mượt mà thêm. Bà trách tôi sao không về Vĩnh Long thường và không liên lạc thư từ gì với Liên.

Sau đó, Liên đưa tôi đi thăm Loan. Loan chỉ hơi mập, chứ không có nhiều nét căn cốt như Liên. Hai bên hông nàng đã bắt đầu cành ra, nhưng nụ cười tươi sáng, ánh mắt trong trẻo làm cho khuôn mặt nàng trẻ dai. Liên thì có vóc mình mảnh mai, không bị tàn phá bên ngoài vì mấy lần sinh nở, tuy nhiên cuộc sống hơi chật vật đã cướp ánh rạng rỡ và vẻ tươi mát trên khuôn mặt nàng.

Chúng tôi chuyện vãn tít tít với nhau. Tôi hỏi thăm một số bạn bè đã xiêu lạc ở phương xa. Loan chắc lười tiếc dùm tôi:

— Mày về đây giữa lúc trường tạm đóng cửa để đón xuân. Nếu mày về lúc trường mở cửa, tao sẽ

đưa mày vào thăm các giáo sư cũ và một vài đứa bạn. Họ thường nhắc mày hoài và tao rất hạnh diện về mày.

Tôi cười buồn. Hơn mười lăm năm xa cách, tôi về Vĩnh Long âm thầm, không chút phấn khởi nào. Loan chỉ biết tôi trong thời gian tôi xa quê qua báo chí, qua tác phẩm của tôi mà thôi. Liên thì không ưa đọc văn nghệ, nhưng cả hai nghĩ rằng tôi đang sống trong giàu sang danh vọng ở Saigon với tất cả hào hứng, say sưa trong không khí văn nghệ. Tôi vẫn không dính chính gì cả. Tôi đang thêm địa vị của Loan, sống hạnh phúc bên cạnh cha mẹ chị em cùng ông chồng có tâm hồn phóng khoáng. Tôi cũng thích cái địa vị của Liên bên cạnh người chồng hiền hậu và bảnh trai cùng những cô con gái xinh đẹp và học giỏi của mình. Nhưng mà, ở đời, con người ưa đứng núi này trông núi nọ và ai cũng có nỗi khổ tâm riêng, hoặc lớn hoặc nhỏ mà thôi.

Liên và Loan hễ gặp mặt nhau thì đem chuyện ghen tương ra mà nói với nhau. Cả hai cùng chung một tâm bệnh: Nghi ngờ chồng sẽ tình yêu cho một người đàn bà khác đầu cả hai chưa bắt được quả tang chồng mình ngoại tình. Qua giọng nói riu rít như chim của Loan, tôi nghĩ rằng đề tài ghen tương chắc phải là đề tài phổ thông cho những người đàn bà yêu chồng và cho những người đàn bà đứng tuổi.

Bà thân sinh của Loan phải là át đề can gián:

— Thôi đi bây ời. Tết nhứt rồi, bộ hết chuyện nói hay sao mà đem chuyện ghen tương ra nhai đi nhai lại hoài? Tụi bây hãy đợi con Linh về Saigon rồi hãy tiếp tục ghen. Đầu năm, đầu tháng mà bây không cứ kiêng gì hết trời.

Tôi đã ăn một bữa tiệc ở nhà Liên. Hồi ra, tôi mới biết cô em thứ Tư, cô em thứ Sáu của Liên đã lấy chồng xa từ lâu. Còn cô Năm nhà ta thì ngoài ba mươi tuổi mới lấy chồng và đang mang bầu. Cả gia đình Liên, cùng tôi chia nhau ngồi xung quanh chiếc bàn dài để dùng một bữa tiệc thịnh soạn. Liên làm xúc xích, làm jambon tuyệt khéo. Các món nhậu của nàng cũng không thua gì ở những tiệm danh tiếng tại Saigon. Ông thân sinh nàng khuyên tôi uống một ly consommation bằng Martell pha với Soda. Trong dịp đến nhà Liên ăn tiệc, tôi có đem lũ con theo. Vì có nhiều con gái nên ông bà thân sinh của Liên rất thích con trai. Thăng trưởng nam của tôi lúc đó mới ba tuổi, biết nói lằng lịu vài câu, được cả nhà ái mộ nồng nhiệt. Ông bà thân sinh của Liên bắt nó kêu bằng ông ngoại bà ngoại và hai cô con gái xinh đẹp của Liên tranh nhau giữ nó. Nó đòi uống rượu, ông thân sinh của Liên cũng chiều ý, kê ly Martell pha vào miệng nó để nó ực mấy hớp. Cu cậu thắm say, chạy giỡn lung tung rồi nhướng cặp mắt lơ lơ về phía tôi, cất giọng lè nhè:

— Mẹ, thằng Hạo nè mẹ.

Cả nhà xúm lại cười vang và xúm nhau cưng chiu nó rất mực.

Riêng Loan cũng ngồi xe La Dalat do ông chồng sĩ quan của mình lái để đến nhà Tuyết Hương đem mẹ con tôi qua nhà nàng dùng cơm. Chúng tôi cùng Liên đến nhà một cô bạn chung để chúc Tết, nhưng cô ta đã theo chồng xuống miền An Xuyên và Tết đó không về với mẹ. Bà mẹ nàng bây giờ đã già cả, lẫn lộn lắm rồi, không còn nhận ra chúng tôi nữa. Liên phải nhắc nhở bà, và vẻ mặt ngờ ngác của bà dần dần được ký ức soi rọi để trở nên xúc động lạ lùng. Bà chợt khóc thút thít vì nhớ cô con gái ở xa...

Chúng tôi từ già bà ra về. Tâm hồn tôi mệt mỏi, hết muốn đến thăm ai nữa. Tôi càng thấy mình đã trôi xa một căn cứ gì đó mà tôi không sao giải thích nổi. Tám ảnh, mà hơn mười lăm năm trước tôi đã chụp cùng với Liên và với hai cô bạn nữa, được Liên lồng kiếng để làm kỷ niệm, đã hơi ngả màu vàng. Trong ảnh, tôi xoắn tóc, vẽ mày tô môi sắc lẹm. Hồi đó, chỉ có đi chụp ảnh, chúng tôi mới bôi mặt vẽ mày mà thôi. Không bao giờ tôi dám ra ngoài phố với khuôn mặt son phấn. Cả Liên cũng vậy. Khi dự tiệc cưới của bè bạn, tôi đánh phấn thật mỏng, tô môi thật lợt. Bây giờ tôi phải lạm dụng son phấn vì tôi không thể nào bước ra ngoài phố với làn da tái xanh, cùng sắc mặt hốc hác được. Liên thì trang điểm một cách nhút nhát, e dè, không dám bôi son trát phấn mạnh tay. Ở nàng, tôi vẫn còn thấy phong độ người đàn bà Lục tỉnh, mặc dầu ngày xưa, nàng đã

sống ba năm ở Saigon để học hết chương trình của trường Quốc gia Sư phạm.

oOo

Ba tôi cũng ăn Tết ở Vinh Long. Cha con ông cháu dắt díu xuống chợ Lách để ăn Tết tại nhà chú Chín tôi. Thiêm Chín tôi vắng nhà, nhưng cái Tết vẫn tồ chức khá nôi đình nôi đám vì chú tôi được lãnh tiền truat hữu ruộng đất và đang ăn nên làm ra. Chú tôi chỉ lớn hơn tôi một con giáp, thế mà tóc chú đã bạc gần hết. Chú đã qua biết bao sóng gió trong các cuộc tình duyên, đã qua biết bao phen làm ăn lận đận, vẽ hào hoa bảnh bao ở chú không còn nữa. Tuy nhiên, cái miệng chú vẫn ăn nói đậm đà, duyên dáng như hồi năm nào. Và tuy nhiên, chú vẫn để lộ ra ít nhiều bất mãn trước cuộc sống hiện tại. Dòng họ tôi đã bắt đầu ly tán sau một thế hệ thịnh mãn lấy lừng. Thế hệ của ba tôi lẫn thế hệ của tôi chẳng làm gì vẻ vang cho gia tộc. Buổi văn niên của ba tôi cũng khá buồn. Ông dùng thời giờ nhàn rỗi để nghiên ngẫm khoa chiêm cứu, cách trồng bông hường. Chú tôi thì vốn nôi tình, vẫn còn say sưa theo đuổi một vài bóng hồng nơi thôn dã dù ông ta đã là ông ngoại, ông nội từ lâu.

Xưa kia, những người trong họ tôi là những cây cảnh trong chậu sứ ở Giang Tây, giờ đây họ bắt đầu làm những loài rau hoang dại trên vùng phế tích vắng tanh. Tôi cũng là một thứ rau hoang dại đã bứng lên trồng

ở đất Saigon trên mười lăm năm, đã đâm bông, thả nụ, rắc phấn trong văn giới để rồi không bao giờ toại ý. Định mệnh nào bứng tôi về trồng lại ở đất Vinh Long để tôi tiếp nhận mạch đất phì nhiêu của nơi sinh quán trong buổi hoàng hôn sắp tới của cuộc đời ?

Nhưng thật ra, quê nhà không còn đáng đáp quên thuộc để tiếp nhận được tôi. Xưa kia nó là một khuôn mặt không đẹp để gì, nhưng rất gần gũi, thân mật với tôi. Bây giờ trước những phố xá, nhà cửa nguy nga của nó, tôi coi nó như là một khuôn mặt được đem đi mỹ viện để sửa mũi, khoét mắt, chẻ cằm, xoáy đồng tiền, đẹp thì có đẹp, nhưng không còn duyên dáng, mặn mòi, không còn thân mật với tôi nữa rồi. Thế hệ của tôi sắp mòn mỏi, tàn phai nhiệt huyết, nhiệt tâm. Thế hệ của cô Chín, cô Mười, và cô Kim Luông bắt đầu vươn mạnh. Tôi đã xa lạ với thế hệ đó rồi. Bạn bè của tôi đã ly tán. Tôi thương cho cuộc đời và giọng nói ngao ngán của bà má nuôi tôi. Tôi thương cho cuộc săn đuổi bóng hồng thôn dã của chú tôi. Tôi xót xa hoàn cảnh sầm buồn của Tuyết Hương. Tôi thương luôn cả cuộc đời cầm bút đời lấy chén cơm của tôi và cho đến nay tôi cũng chưa sắm được một phân vàng để hộ thân.

Trời, con người càng lớn tuổi, càng thấm thía niềm bất hạnh của một kiếp người. Thôi, già từ thành phố Vinh Long. Rồi đây nó sẽ già nua, sẽ lỗi thời trước dòng đời biến

chuyến không ngừng. Rồi đây, nó sẽ là một mù giã tro trên bên dòng sông Cỏ Chiên xinh đẹp cũng như tôi sẽ bị đào thải với sự biến chuyển không ngừng của khiêu thưởng ngoạn của độc giả. Cảm hứng sáng tác của tôi đã cạn lặn hồi. Hào quang cây bút của tôi trước đó đã ảm đạm, ít oi, nhưng bây giờ nó đã tắt lạng câm rồi. Nghĩ tới lúc trở về Saigon để mỗi ngày cầm bút viết feuilleton mà lạnh mình, ớn ớn. Sống là phải chịu đựng sao? Có ai thưởng ngoạn đời sống của mình nhiều hơn là phải chịu đựng những bất hạnh, tai ương?

Tuyết Hương đã đưa mẹ con tôi về Saigon. Nàng buồn bao nhiêu thì tôi tan nát cả gan ruột bấy nhiêu. Nàng nằm trong nỗi bất hạnh, biết bao giờ mới ngóc đầu đây? Còn tôi, làm sao tôi tìm cuộc đời trầm lặng khi tuổi già sắp đến? Mình đã ba mươi sáu tuổi rồi. Tuổi ba mươi sáu là tuổi đẹp đối với đàn ông, nhưng rất đáng ngại cho những người đàn bà chinh phục cuộc đời bằng nhan sắc của mình. Nhưng tôi là mẫu người đàn bà làm duyên làm dáng với cuộc đời một cách hụt hơi bằng ngòi bút của mình. Tôi không sợ hãi tuổi già, nhưng tôi rất buồn là mình sắp già mà không có gì bảo đảm cho hậu vận cả.

Giã từ Vinh Long, giã từ những khu vực với những ngôi nhà càng lúc càng vươn cao thêm nhiều tầng lầu. Giã từ những con đường càng lúc càng thưa bóng râm cây me, cây còng hay cây dái ngựa. Giã từ Củ Chi hay An Thành mà trong chuyến về

tôi chỉ nhìn ngóng qua thôi chứ chưa đặt chân đến. Giã từ nhịp cầu Thiềng Đức mà thuở nào tôi đã đến đó hóng gió, ngắm trăng cùng lũ bạn nghịch ngợm. Giã từ luôn những kỷ niệm của mỗi tình đầu đã làm tôi tốn nhiều nước mắt, đã làm tôi bầm dập vì tự ái bị xé rách tả tơi như xơ mướp.

Có những đêm ở Saigon, dưới mái nhà rầm rộ tiếng mưa khuya, tôi chợt thức giấc nửa đêm, sức nhớ bốn câu thơ của Tú Xương, lòng băng khuâng xúc động và tôi không tài nào nổi lại được giấc ngủ:

Sông kia rày đã nên đồng

Chỗ thì nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai

Đêm nghe tiếng ếch bên tai,

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

Bài thơ ngắn đó sao mà hợp với tâm sự tôi quá. Tôi thầm nghĩ rằng, trong những ngày sắp tới, tôi sẽ phải nghiền ngẫm nó, dù ở đây hay dưới bầu trời tràn ngập kỷ niệm ở Vinh Long. Càng lúc, tôi sống quá nhiều cho dĩ vãng, và càng lúc tôi càng thảng thốt trước những biến đổi của những khung cảnh chung quanh tôi. Tôi già trước tuổi rồi chăng?

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

Lần Báo Chí, giữa mùa mưa 1974

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

Một bộ từ 1957 đến 1973 (thiếu 21 số). Giá 45.000đ. giao tại 160 Phan Đình Phùng Saigon.

Đón đọc

HÀM NGHI và PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

của ĐÔNG TÙNG và HỒNG LIÊN

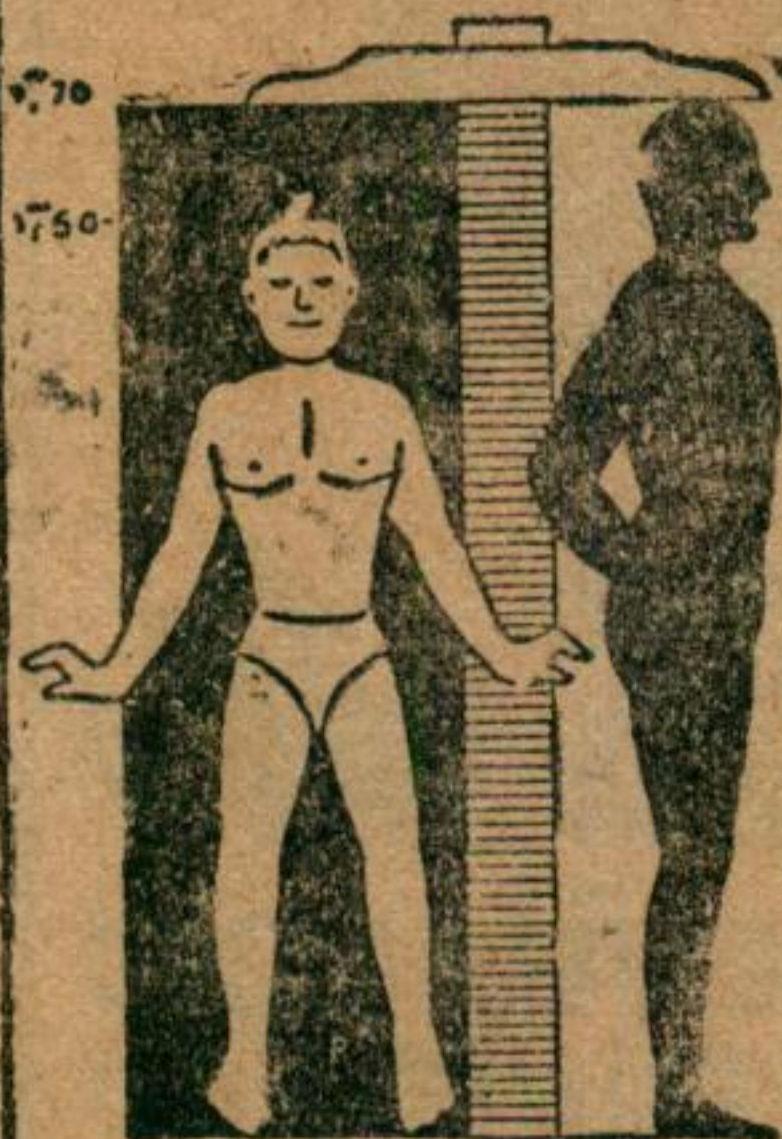
Căn cứ trên những tài liệu chưa được công bố:

- về những hoạt động tích cực của phong trào Cần Vương tỉnh Nghệ-an
- về niên hiệu Hàm Nghi thứ 5, 6, 7, 8, 9, 10
- về nguyên văn các tờ trình, văn kiện trong nội bộ Cần vương; tư văn của Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải gửi các quan Pháp; biên bản khám nghiệm tử thi Phan Đình Phùng v.v... Tất cả đều được chụp in lại nguyên bản.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
CỨNG XƯƠNG.
MẠNH KHỎE.
NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

**hãy
hút...**



BASTOS **MIỀN**



ĐẦU LỘC
truyện hảo

Lê Văn Siêu và Nguyễn Đức Quỳnh

Một nhà văn-hóa tiền chiến vừa nằm xuống : nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh. Ông Nguyễn Đức Quỳnh đã từ trần sáng ngày 6-6-74 tại nhà riêng ở Saigon, hưởng thọ 65 tuổi, sau nhiều tháng bị ung thư dạ dày và thi hải đã được hỏa táng vào sáng Chủ nhật 9-6-74 tại An-dương-địa.

Theo bản tin VTX đăng trên các báo hàng ngày thì Ô. Nguyễn Đức Quỳnh đã là tác giả nhiều tiểu thuyết như : «Thăng Cu So», «Thăng Phụng», «Thăng Kinh», «Ai có qua cầu» và nhiều công trình biên khảo như bộ «Thế giới Sử» gồm 27 cuốn, bộ «Nhân loại Tiến hóa Sử» và bộ dịch thuật «Tư bản luận» sắp hoàn tất. Năm 1934 sau khi ở ngoại quốc về, ông đã hoạt động về báo chí với tờ «Thời thế khoa học», hoạt động về văn hóa, chính trị với việc thành lập «Nhóm Hàn Thuyên», chủ trương tờ tuần báo «Đời Mới», đưa ra một luận thuyết mới về Tân Nhân-bản. Năm 1960 ông cũng chủ xướng nhóm Đàm Trường Viễn Kiến tại Saigon nhằm tổ chức sinh hoạt và hội thảo về các vấn đề văn học nghệ thuật, qui tụ trong nhiều năm một số đông các nghệ sĩ và các nhà văn hóa, chính trị Thủ-đô ở miền Nam.

«Nhóm Hàn Thuyên» nói trên, do Trương Tửu lãnh đạo và Nguyễn Đức Quỳnh, Lê Văn Siêu v. v. . . , là những trụ cột, đã được nhà văn Lê Văn Siêu thuật lại về «cuộc vận-động Tân văn-hóa» (1939 — 1945) này trong cuốn «Văn Học Sử Thời Kháng Pháp» do nhà Trí Đăng sắp xuất bản và Bách Khoa sẽ trích đăng trong số tới.

Trong bài diễn văn đọc vào dịp hỏa táng người bạn đã có một thời chia nhau ổ bánh mì với mình, nhà văn Lê Văn Siêu đã nói như sau :

«Tôi tiếc cho ông và thương ông, một kẻ sĩ anh hùng, được đầu thai đúng thế kỷ của mình, nhưng thời cuộc trở trêu, dồn đầy chia ly, cho xây đàn tan ghé. Tôi thì làm kẻ thất phu, quê mùa, thô lậu, chẳng ích được gì cho ông. Còn ông thì tài, sức, trí, mưu, có thừa, với chí nguyện bình sinh vá giời lấp bẽ, nhưng đến đâu thiên hạ cũng không hiểu và ngán mà chẳng dám dung, và ông cũng chẳng dung ai, nên đành nhận cái nghiệp : vô lập trừu chi địa. Thành ra tôi thì sượng mặt với mấy trang sách nát, Ông thì vẫn vơ giữa đô thị phồn hoa mà tần mẩn chẻ mấy sợi chữ nghĩa di dóm để làm khuây, cùng lo khuyên nhủ và dàn xếp giúp đàn em, cho họ khỏi vì ghen tài nhau mà trối lẫn chân tay nhau.

«Tôi nhớ ông hồi nào cùng tôi và Trương Tửu, ba anh em chia nhau một ổ bánh mì để thức suốt đêm sửa ấn cáo và kèm thợ in chạy báo cho bằng kịp phát hành sáng hôm sau. Hồi ấy, ông mới thành lập gia đình chưa có con, ông cần thận để dành tiền bỏ ống sẵn cho con, nhưng khi cần thì ông nói, ông bỏ ống lấy tiền ra báo, trong điều kiện ấy, để nói lên

sự có mặt của mình trong cuộc cờ chung của Đất Nước. Kể từ độ ấy đến nay, 40 năm qua, ông vẫn tỉnh nết ấy. Người tuy già mà tình vẫn trẻ. Sức tuy yếu mà nhiệt huyết vẫn dồi dào. Mỗi khi tôi đến thăm ông đề ôn lại chuyện xưa, mà cười, mà khóc, mà buồn, mà giận với nhau, tôi cảm thấy một hơi ấm chạy trong cơ thể. Bây giờ ông khuất bóng rồi. Tôi biết tìm ai ? Và tỏ nỗi niềm tâm sự với ai ?

« Ông Quỳnh ôi !

« Ông dặn lại rằng hễ ông chết thì đừng ai khóc ông và hãy đốt pháo mừng ông. Tôi mừng cho ông chứ ! Tôi thực tình mừng ông đã rũ hết trần lụy để thanh thản ra đi, giữa niềm mến tiếc khó quên của gia đình và thân hữu. Nếu tôi không ngã được thồn thức, ấy là tôi nghĩ tội phạm mình, từ nay thui thui một thân, trên đường đời đầy gai góc. »

Cũng nhân dịp này Bách Khoa đã yêu cầu Ô. Lê Văn Siêu cho biết thêm về Nhóm Hàn Thuyên và Nguyễn Đức Quỳnh, thì tác giả « Văn học sử thời kháng Pháp » có những nhận xét sau đây :

Nhóm HÀN THUYỀN và NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Khi thành lập nhà xuất bản Hàn Thuyên (với dấu hiệu cái nhà sàn do Nguyễn Đỗ Cung vẽ) thì không có ông Quỳnh và không có tôi. Chúng tôi chỉ viết sách lấy tiền tác quyền 10%. Trương Tửu cũng vậy, không dính dáng gì đến phần tài chính của nhà xuất bản tư nhân.

Khi chuyển qua loại sách Tân Văn Hóa (với dấu hiệu kim chỉ nam) thì có sự tích cực đóng góp của chúng tôi, có như việc chung, nhưng cũng không ai nhận phụ cấp gì hết. Trương Tửu cũng vậy. Bởi đó, người ta quen gọi (và gọi đúng) là nhóm Hàn Thuyên.

Sự phân công trong nhóm đã tình cờ được thật hợp lý, và công việc mỗi người đảm nhận đã rất hợp với tính tình cùng khả năng của mỗi người.

NGUYỄN XUÂN TÁI thực thà, trung hậu, hiền lành, là chủ nhà xuất bản, thì phải lo hết mọi việc tiền nong, mua giấy mực, trả lương thợ, trả tác quyền, giao thiệp với các đại lý. Ông sợ nhất là tiền lương của thợ nhà in, bao giờ cũng lo xong món ấy thì mới nghĩ đến các món khác. Anh em nhà văn vì thế phải nhằn nhó, thì Trương Tửu đã có một câu nói lịch sử với Nguyễn Xuân Tái (là anh vợ mình) rằng : *muốn làm nhà xuất bản thì phải coi thẳng nhà văn như bồ mình rồi hãy làm, chớ sao lại chỉ lo cho thợ nhà in thôi ?*

TRƯƠNG TỬU đáo để, thông minh, phản ứng nhanh, học rộng, nhiều sáng kiến và rất nguyên tắc, làm Giám đốc văn chương thì như linh hồn nhà xuất bản, đã nghĩ ngày



Nguyễn Đức Quỳnh (1962)

(Hình ảnh riêng của Trà: Cao Linh)

nghe đêm, thảo hoạch chương trình xuất bản, phân phối việc viết sách báo cho anh em, bàn bạc hằng ngày với anh em để hướng dẫn lập luận của sách cho không chệch ra ngoài định hướng chung.

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH thông minh, láu, lắm mưu mẹo, phản ứng nhanh, học rộng, nhớ nhiều, thì làm việc ngoại giao. Việc giao thiệp với những nhân viên kiểm duyệt ở cấp dưới thì có Đồ Phồn và Nguyễn Đình Lạp là những tay ăn chơi sành sỏi.

Khi nào việc rắc rối xảy ra, từ Toàn quyền Thống sứ xuống đến I.P.P. thì mới đánh điện ra Sầm Sơn gọi ông Quỳnh về để đi dàn xếp. (Ông có bệnh ở nội tạng phải thường xuyên dưỡng bệnh ở nơi có gió biển thì mới viết được.

Ông đã phải mò một lần cùng với Trương Tửu năm 1941, do bác sĩ Tôn Thất Tùng (1) và Phạm Biều Tâm là người lại mò cho ông hai lần sau (1971 và 1974) ở Saigon. Tại Sầm Sơn, ông thân với người bạn cũng có bệnh rề rề là Đặng Thái Mai). Một lần Nguyễn Xuân Lương, em ông Tái, Chủ nhiệm báo Văn Mới tháp tùng ông Quỳnh đến nhà Cousseau để dàn xếp một vụ rắc rối về kiểm duyệt, và biếu Cousseau hai con chim két. (Quà biếu theo tình bạn chỉ thế thôi). Nguyễn Xuân Lương về kể lại: ông Quỳnh đã vi-và vi-vút nói chuyện về con chim két tới 2 giờ đồng hồ liền. Cousseau cứ há hốc miệng ra nghe. Cuối cùng đứng dậy từ biệt, mới nhắc câu chuyện chính để hai bên nhún vai cười và xí xóa.

LÊ VĂN SIÊU xuề xòa, chân thành, kém thông minh, ít học, chậm và kém tài ăn nói, nhưng lắm lì, kiên nhẫn, có khiếu về tổ chức, thì lo việc sắp đặt thể thủ ở nội bộ cùng bày những thể công để mở rộng phạm vi ảnh hưởng.

Ngoài việc xuất bản chính thức, nhóm Hàn Thuyên đã có những công tác:

Tổ chức Tuần lễ Văn nghệ tại Hà nội ngay sau ngày 19-8-1945 để tập hợp và dàn một thể đứng chung cho anh em văn nghệ sĩ, không cần thêm chữ cứu quốc, vì một khi đã cầm bút là mặc nhiên văn nghệ sĩ đã nhập cuộc để cứu quốc rồi.

Tổ chức Đoàn Chấn hưng Sân khấu mà Lê Văn Siêu là Tổng Thư-ký, có

Nguyễn Tuân, Chu Ngọc, Vũ Khắc Khoan, Hoàng tích Chú... Mục đích để giữ cho nghệ thuật, nhất là sân khấu, không bị chính trị đương thời khống chế.

Tổ chức nhà Tổng phát hành sách báo Phương Đông bao gồm tất cả các nhà xuất bản ở Hà-nội, tổ chức thành một cơ quan phát hành chung, để đối phó với đại lý và sửa soạn đem sách vào thị trường miền Nam, đương bị đối sách vì chiến tranh cắt đường liên lạc chuyên chở bằng hỏa xa. Nhà Tổng phát hành được thành lập năm 1946, do sáng kiến và sự tổ chức của tôi, nên tôi được anh em bầu làm Quản lý. Báo *Việt-Nam* của Khái Hưng và cả báo *Cứu Quốc* của Việt Minh cũng tới điều đình để giao cho Phương Đông phát hành, vì cán bộ của họ đem báo đi bán, báo bán hết mà tiền không đem về đủ, nhà báo đã rất lúng túng về tiền giấy tiền in.

Ngoài ra còn một công tác quan trọng hơn về văn hóa, là *Tổ chức những buổi hội thảo về văn nghệ* mệnh danh là *Đoàn sáng tác* giữa những người có uy tín về văn hóa, nhưng có xu hướng chống nhau về chính trị, đề đồng ý không thảo luận về chính trị mà chỉ trao đổi ý kiến về văn hóa, văn nghệ thôi. Mục đích là cùng tìm một định hướng chung cho sự sáng tác. Mỗi tuần, luân phiên một người tổ chức buổi họp ở nhà mình, cùng làm thuyết trình viên về một vấn đề văn hóa. Những đại diện của hai xu hướng

đều được mời. Bên này có Trương Tửu, Nguyễn Đức Quỳnh, Lê văn Siêu. Bên kia có Đặng Thái Mai, Đào Duy Anh, Hoài Thanh, Tố Hữu. Giữa có Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Xuân Khoát sau thêm Hồ Hữu Tường. Lê văn Siêu được chỉ định làm thư ký các buổi hội thảo, ghi chép lời tranh luận rồi đánh máy phân phát cho các anh em không được mời tham dự.

Trong những buổi hội thảo như vậy, Nguyễn Đức Quỳnh tỏ ra rất xuất sắc. Gặp chỗ nào ông mâu thuẫn và nguy hiểm thì có Trương Tửu rất nhanh đề đỡ lời ngay. Còn khi đụng độ có thể nảy lửa, thì có Lê văn Siêu tìm lời hòa giải. Cho nên người ta gọi là cái bộ ba Lưu Quan Trương, đi đâu cũng kẻ tung người hứng (2).

Bộ ba ấy đến khi gặp chiến tranh 19-12-1946 thì ly tán, và đời sống của Hàn Thuyên cũng chấm dứt.

LÊ VĂN SIÊU

6-1974

(1) Trương Tửu thoát chết, sinh được đứa con trai, đặt tên là thằng Tùng, để ghi ơn bác sĩ Tôn Thất Tùng.

(2) Ông Quỳnh có một biệt hiệu là Nguyễn Đức Cheang do Nguyễn Hữu Đang, người lãnh đạo phong trào Truyền bá Quốc ngữ đặt. Anh ta nói: Các anh em đương bàn chuyện vui về thuận chiều, thì đánh choang một cái, nhìn lại đã thấy Nguyễn Đức Quỳnh rồi.

Ngon lửa và trái tim

Hồi - kí về văn - hào Nguyễn Đức Quỳnh

Mi hãy theo trái tim của mi (Suis ton coeur)

Ptahhotep (Đệ ngũ thời đại Cồ Ai-Cập — 2500)

Người ta là cái con người người ta đã thành vì cái lí-
tưởng mà người ta đã chọn cho mình.

(L'être humain est ce qu'il devient par la cause qu'il fait
sienne).

K. Jaspers (Triết-gia Đức, đời nay)



Một bữa nọ, vào khoảng cuối năm 1967, một anh bạn — ngày nay là chủ trường nhưng tôi chỉ biết là một người của một tổ-chức cách-mạng từ thừa niên-thiếu, — mời tôi lại nhà chơi và nói rằng: « Anh Nguyễn Đức Quỳnh mong được gặp anh từ lâu, thế nào anh cũng lại cho ».

1967-1974: đối với lịch sử của dân-tộc này, thì là cả một quãng dài trên đó người ta lê những bước chân nặng nhọc và ê-chề, mong sao cho chóng tới đích, nhưng cái đích

vừa tầm tay thì lại tan ra thành khói mù mờ mà lùi ra xa hơn nữa. Nhưng đối với một đời người, thì lại ngần ngừ làm sao!

Trước cái buổi tối hôm ấy, tôi cũng như hầu hết các người Việt-nam có học và lớn lên trong cái thời quyết liệt của cuộc tranh-đấu giành độc-lập, chỉ biết Nguyễn Đức Quỳnh là một cây bút của Nhóm Hàn-Thuyên, cùng với rất nhiều những tiên-kiến và thiên-kiến của thế-hệ. Người ta nói rằng Hàn-Thuyên là Đệ-tứ, là Tờ-rốt-kít; rằng Nguyễn Đức Quỳnh đã dịch hết bộ *Tư-Bản-Luận* của Các Mác; rằng ông ta là một phù-thủy văn-nghe, hơn nữa, là một phù-thủy chính-trị v.v...

Tôi nhận lời anh bạn, và cũng không ngờ rằng từ cái buổi tối đó, đã khá xa mà lại chỉ mới như ngày hôm qua, Nguyễn Đức Quỳnh đã thành ra anh Quỳnh, đối với mình. Cuộc gặp gỡ đầu tiên này thực ra cũng không phải là không xấp đặt, không dò thăm. Vào lúc đó, Nguyễn Đức Quỳnh đã là một cái tên trong Văn-học-sử cận-đại của Việt-nam, còn tôi thì chỉ là một người thầy

thuốc mà danh tiếng không ra ngoài một nhóm chuyên-gia nhỏ hẹp. Việc giao duyên được thực hiện qua một tập văn-án, đăng trong Tuần-báo Thế-giới (1966-1967), với đầu-đề là « Kim Dung, Trung-hoa và chúng ta », tác giả kí là Lê Hữu Thanh. Lê Hữu Thanh là một bút hiệu của Nguyễn Đức Quỳnh, và anh Quỳnh đã đưa tập này đến cho tôi qua một người trung gian, ý muốn biết tôi nghĩ sao, và có lẽ muốn thử xem tôi có đáng là một người đề anh gặp không. Thực là một chuyện oái oăm, vì tôi không ưa đọc kiếm hiệp Tàu và tuy cũng có đọc Kim Dung nhưng trước sau thì cũng chỉ là để giải sầu tiêu muộn trong chốc lát mà thôi; và tôi lững lờ giở những trang báo cho tới khi giật mình vì một câu hỏi của người đứng cạnh : « Anh Quỳnh anh ấy viết những gì về Kim-Dung mà dài thế » ? Tôi gặp chồng báo lại và bảo : « Anh ấy nói rằng mình phải học của Tây-phương nhưng không được đọc như Tây-phương ».

Lẽ dĩ nhiên, Kim-Dung là đầu đề thứ nhất trong cuộc gặp gỡ sơ kiến của chúng tôi ; và cũng chỉ có trong một lần này mà chúng tôi nói về nhà văn Trung Hoa ấy. Anh Quỳnh cho biết rằng tất cả cái thâm ý của anh trong tập « Kim Dung và chúng ta » là nằm trong cái câu tóm lược trên, nên anh rất muốn được đàm luận với tôi. Sau đó thì chúng tôi trao đổi ý kiến về cội-nguồn và cái lẽ biện-chứng đã cấu thành nền văn-minh Tây-phương, rồi đưa tới cái cực-độ của nó là Chủ-nghĩa Mác. Tới đó rồi thì không thể tránh nổi vấn-đề tranh-

chấp, nghĩa là mâu-thuẫn nội-bộ, trong Xã-hội chủ-nghĩa của Mác, và những giao-động của cuộc tranh-chấp ấy trong nội tình của chính-trị Việt-nam. Chúng tôi đột nhiên khám phá ra rằng hai người có chung một người bạn vắng mặt là Triều-Sơn (Bùi-văn-Sinh), mà tôi biết với tư-cách bạn học và anh Quỳnh biết như một cây búp trẻ đã tiếp nối cái ý-hướng của nhóm Hàn-Thuyên trong thời kháng-chiến. Triều-Sơn đã chết vì ung-thư gan ở Paris, trên con đường lưu lạc để tranh đấu cho dân-tộc và tư-tưởng của anh. Tự nhiên rằng phải nói đến tập tiểu-thuyết « Nuôi Sẹo », và tập luận « Con đường Văn-nghệ Việt-nam đi về đâu », của Triều-Sơn. Và hai chúng tôi, — anh Quỳnh và tôi, — chuyển sang địa-hạt của văn-nghệ để bàn về vai trò của thiên-tài.

Trong sự say mê của cuộc đàm-luận, không ai ngờ rằng đêm đã khá khuya và hiệu giới-nghiêm, thay thế cho trống thu không của đời thanh bình, cũng đã sắp điềm. Chúng tôi được nhắc điều đó, và tôi đưa anh Quỳnh về đến đầu ngõ đề rồi tạm biệt.

Kề lại cái buổi ban đầu gặp gỡ ấy một cách thực là khô-khan mà cũng đã quá dài, tôi chỉ muốn nói rằng tất cả những câu chuyện được đem ra mà bàn luận giữa anh Nguyễn Đức Quỳnh và tôi trong bảy năm sau đó chỉ là một sự phát-triển không bờ bến của mấy cái chủ-đề đã được nói tới trong cái tối đầu tiên mà thôi.

oOo

Người được học, trong cuộc tương giao này, là tôi.

Lẽ tự-nhiên, anh Quỳnh luôn luôn nói rằng cũng đã được biết nhiều hơn trong sự hiệp-thương này. Tôi ít thấy, kể cả ở những người trẻ tuổi, một người nào ham học và khao khát sự hiểu biết hơn người học-giả, đã đến tuổi 60, và đã viết, trong lúc thiếu thời bộ *Thế-giới-sử* đầu tiên của Việt-nam, này. Và còn ít thấy hơn, là những người tới tuổi ấy mà vẫn còn mở rộng tâm-trí của mình ra trước những luồng gió mới, và còn có được cái khả-năng cho tư tưởng của mình nương vào gió mà bay vút lên cao như Nguyễn Đức Quỳnh.

Đó là một điều đã làm tôi kinh dị. Là một người mác-xít, mà anh Quỳnh đã không một chút ngần ngại tiếp nhận cơ-cấu-luận. Không phải ở những giảng-giải của Althusser về Mác và *Tư-Bản-Luận*; mấy tác phẩm của Althusser đầu đề Nguyễn Đức Quỳnh đứng đứng, mặc dầu đã gây sôi-dộng trong thế giới Cộng-sản vì đã dám dạy người ta đọc lại Mác theo quan-điểm cơ-cấu. Nhưng ở những tác-phẩm căn-bản hơn, «xương-cốt» hơn theo cách nói của anh, về Ngữ-lí-học của Jakobson và Chomski, về Lịch-sử tư-tưởng với M. Foucault, về Huyền-thoại-lí-học và về Dân-tộc-học của Cl. Lévy-Strauss. Anh Quỳnh nói rằng, đã từ gần hai mươi năm anh không thèm đọc sách của Tây-phương nữa vì nghĩ rằng tư-tưởng Tây-phương đã cạn dòng rồi; thế mà đến lúc gần cuối đời lại

còn được gặp Lévy-Strauss và Cơ-cấu-pháp. Như vậy, thì tức là Tây-phương không phải chỉ là khoa-học và kĩ-thuật.

Nhưng điều đã làm tôi thấy lạ lùng, lạ lùng một cách kì-thú, hơn cả, là Nguyễn Đức Quỳnh lại mở tâm trí của mình ra trước tư tưởng của Phậ - giáo. Đây không phải là một sự đồn-ngộ, tôi sẽ nói vì sao. Từ 1952-53 (tôi không biết rõ lúc nào), qua Pháp anh gặp Malraux và được nghe Malraux nói với anh về cái mỉm cười tuyệt vời của Mona Lisa trong bức họa La Joconde. Anh đợi cho Malraux nói và ngừng lại rồi, mới hỏi lại một câu, và một câu ấy đủ làm cho nhà đại-văn-hóa Pháp ngẩn ngơ: «Ông đã thấy những bức tượng Phật mỉm cười. Ông nghĩ sao về cái mỉm cười của Đức Phật?» Và tác-giả của *Viện Bảo-tàng mơ ước* (*Le Musée Imaginaire*) phải nói rằng: «Đó là một điều mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến thực». Nhưng Malraux không phải là một người chưa từng biết đến Á-đông!

Vào trong tư - tưởng của Phậ - giáo, Nguyễn Đức Quỳnh không bận bịu vướng víu với những cái thắc mắc của tôi, về sự phá chấp để vượt qua cái vô-minh mà đạt tới cái vô-ngã. Trước sau Nguyễn Đức Quỳnh vẫn là con người đã trưởng thành trong cái không-khí cách-mạng, bên cạnh những người cách-mạng, và đã nhận một con đường cách mạng trong những năm 1929-1945. Anh nhận Đạo Phật như cuộc cách-mạng đầu

tiên và lớn nhất của nhân-loại.

Trong những lúc đàm-luận về Đạo Phật, vì vậy chúng tôi chỉ nói với nhau nhiều về sử-quan theo Đức Phật, đề đối chiếu với duy-vật sử-quan. Lẽ tất nhiên, thuyết nhân-duyên được đem ra để phân-tích, cũng như biện-chứng-pháp. Và với cái trực-giác vô cùng bén nhạy của anh, Nguyễn Đức Quỳnh nêu lên rằng trong Phật-giáo không những có biện-chứng mà có tu-chứng ; và sử-quan của Phật-giáo có thể được thu gọn trong một chữ cơ-duyên. Những lần chớp sáng ấy, được truyền sang cho Phạm Thiên Thư, đã thành ra những lời thơ trong đoạn « Cơ-duyên » để mở đầu tập *Kinh Hiền* (1974). Và một phản-ánh nhỏ, thô-kêch, đã được phát-triển trong một bài luận của tôi về Lịch-sử các Nền Văn-minh của Nhân-loại, mà báo *Hải Triều Âm* (Số 1, Bộ mới) đã đăng cho.

Cơ là cái cơ-cấu, hiểu như một cái toàn-thể xoay-vần, từ lúc tạo thành rồi biến cải cho tới khi băng hoại và được thay thế. Cơ cũng là cái thể đẳng-thời của cái toàn-thể trên, mà ta có thể biệt lập ra ở một lúc nào đó để phân tích. Và duyên là sự ngẫu-phối của những thành-phần cấu-tạo trong cái cơ-cấu đẳng-thời của mỗi lúc lịch-sử. Biện-chứng chỉ là một diễn-trình đặc biệt của cái cơ. Biện-chứng không phải là tất

cả sự vận-chuyển của cơ, và không hay biết gì đến duyên cả.

Một vấn đề thứ hai của Đạo Phật đã được sự chú ý của Nguyễn Đức Quỳnh là lập-trường xã hội của Đức Phật. Lập-trường này thường được anh đặt đối lập với chủ-trương của Bà-là-môn, dĩ nhiên là với những nội-dung thích hợp với thời-đại của chúng ta ngày nay. Bà-la-môn, ngày nay có những hậu-duệ là giới cầm quyền của các đế quốc, là giai cấp thống-trị trong các chế-độ kinh-tế bất công, là tập-đoàn tu-sĩ có tham vọng xây dựng thế-quyền. Đức Phật đã không chấp nhận các thế-cấp trong thời của Ngài, thì đương nhiên Đạo Phật cũng đối lập với đế-quốc, với tư-bản, và với mọi hình thức thống-trị.

Tôi sẽ không phủ nhận rằng Nguyễn Đức Quỳnh tán đồng với một cảm tình khác thường những bài mà tôi viết về Đạo Phật, và đặc biệt là cuốn sách nhỏ « *Đức Phật giữa chúng ta* » (1973). Anh cho rằng đó là một bản tuyên-ngôn. Anh nhìn thấy một chiến-thuật, xây-dựng ra trong sách. Anh đòi tôi phải khởi công viết một cuốn « *18 Brumaire* » để cụ thể hóa những điều đã được nói ra trong sách. Tôi kể lại những điều ấy, không phải để nói về mấy chuyện viết lách của tôi, mà để ghi lại một nét đặc sắc của Nguyễn Đức Quỳnh. Anh Quỳnh không có một lời tán-thường về bút-pháp và nghệ-thuật trong những bài và trong cuốn sách nói trên, vì dĩ nhiên là không có nghệ-thuật và bút-pháp gì

cả ở đó. Anh chỉ nhận có những ý-kiến, và trong các ý-kiến ấy, chỉ thấy cái tiềm-lực về phương-diện tranh đấu cách-mạng mà thôi. Và anh không ngần ngại đi quá xa trong sự phán-xét đề kích-động. Tôi sẽ trở lại với cái nét này trong con người của Nguyễn Đức Quỳnh, về phương-diện văn-ngệ.

oOo

Những gì mà tôi đem lại cho anh Quỳnh chỉ là những ý-tưởng rất nặng về lí-thuyết.

Trái lại, những cái mà tôi được học ở Nguyễn Đức Quỳnh là những hiểu biết rất thực và những suy-luận phong-phú của anh.

Dẫu muốn dẫu không, Nguyễn Đức Quỳnh cũng đã vào trong Văn-học-sử cận-đại của Việt-nam; và tôi còn được hiểu thêm rằng hình bóng của Nguyễn Đức Quỳnh cũng thấp thoáng đây đó trong cả một quãng của Lịch-sử Việt-nam nữa. Tự nhiên rằng có người phục, có người yêu, và cũng có người ghét, người thù. Chung quanh các tác-phẩm và con người của Nguyễn Đức Quỳnh, đã từ nhiều năm, có một cái quãng đủ màu sắc và hình ảnh: ai nhìn vào, lòng mình muốn thấy cái gì, thì thấy cái đó.

Tôi không viết bài hồi-kí nhỏ này bằng tâm-tình, mà chỉ viết để soi sáng cho những người viết văn-học-sử về sau, với cái hiểu biết ngăn-ngủi của mình, về một con người đã vào lịch-sử. Đây chỉ là một tài-liệu sống, không hơn và không kém.

Qua sự giao-thiếp với Nguyễn Đức Quỳnh, tôi được hiểu hơn một chút ít về cái thời-đại phức-tạp đã dẫn dắt đến cái tình-trạng ngày nay của nước ta, và những con người của thời-đại đó.

Nguyễn Đức Quỳnh ở vào một vị-trí đã cho phép anh thấy rất nhiều. Anh sinh ngày 23-11 năm Kỷ-Dậu (1909) ở vùng Bãi Sậy, Hưng yên (1). Tuổi trẻ của anh còn nghe rĩ tai những chuyện về cuộc khởi-nghĩa chống Pháp những năm 1885-1889, và chiến-dịch đàn áp khủng bố của đế-quốc trong các làng xóm. Khói lửa của các trận đốt làng đi theo dấu giày binh-định của lính Lê-dương. Trai tráng bị chúng xả thân và phơi xác, đàn bà con gái bị hãm hiếp trong suốt một giải đất này. Những người còn sống sót lại của cái thời ấy phải tự hủy-hoại thân-thể và tâm-trí bởi khói thuốc-phiện để tránh sự truy nã của thực-dân. Người ta biết rằng những kẻ đã chết rồi cũng không được bọn quân-binh tha thứ; bọn chúng đào cả mả của cha mẹ những người lãnh-đạo nghĩa-quân, với dụng ý là làm tan vỡ cái ý chí tranh đấu của nhân-dân Bãi Sậy.

Anh Quỳnh kể lại cho tôi một vài mẩu chuyện về cái thời xa xưa ấy, và tôi hiểu rằng cái hận mà anh ôm trong lòng là một mối hận truyền

(1) Bãi Sậy là một vùng chiến lược, gồm những đồng lau sậy, nằm giữa Hải-dương và Hưng-yên (huyện Văn-giang, Khoái-châu và Mi-hòa.) Nơi sinh của Nguyễn Đức Quỳnh là làng Trà-bồ, Tổng Ba-động, huyện Phù-cừ, Hưng-yên.

kiếp. Anh bảo : « Có lẽ tôi cũng có máu Ả-rập trong người », để nói rằng trong cái thể-hệ Bại Sậy, có không biết bao nhiêu phụ-nữ Việt-nam đã bị cưỡng hiếp bởi lính Lê-dương. Anh nói : « Ngày xưa, hút thuốc phiện là để che mắt để quốc mà thoát thân », để nhắc lại rằng sự tự sát trong ý-chí là con đường uối cùng của những người đã thất bại trong sự tranh đấu cách-mạng của một thời, đồng thời cũng là một đường thoát ra khỏi nanh vuốt của bọn chó săn cho đế-quốc.

Tuổi trẻ của Nguyễn Đức Quỳnh đã được viết thành truyện, trong bộ ba *Thăng Cu So*, *Thăng Kinh*, *Thăng Phượng*.

Tôi không được đọc *Thăng Cu So*, và vẫn còn tiếc là không được biết tác-phẩm này, mà anh Quỳnh có vẻ ưa thích nhất trong các tác-phẩm của anh. Anh thường nói với tôi : « Anh chủ trương văn-hóa dân-tộc, anh lại chú-trọng đến giáo-dục, anh phải đọc *Thăng Cu So* ». Xem xong cuốn *Cơ-cấu Việt-ngữ I* của tôi, anh lại bảo : « Ngôn-ngữ của trẻ con, ở trong *Thăng Cu So* có đề cập tới. Tiếc là anh chưa đọc : không khoa học như sách của anh, nhưng đúng thực là ngôn-ngữ của trẻ con học nói. »

Thăng Kinh là Nguyễn Đức Quỳnh ở trường Tiểu-học. Tên thực của anh khi còn nhỏ ở nhà chính là Kinh, về sau mới đổi là Quỳnh ; năm sinh của anh trên giấy tờ cũng được khai khác đi, là 1911 chứ không

phải là 1909. Các nhân vật trong truyện cũng đều là thực cả. U Bé là thực, thầy giáo là thực (thầy Châu, anh của B.s. Nguyễn Xuân Chữ, và ông thầy độc nhất mà Nguyễn Đức Quỳnh nhận là thầy), học trò là thực, thằng Kinh học rất giỏi, đá banh rất hay và có máu anh hùng kiểu Đông Ki-sốt là thực, và cô bé học sinh đã làm Kinh rung động cũng là thực.

Thăng Phượng nối tiếp *Thăng Kinh* đề kể những «vi-tích» của mấy chú học-trò Trung-học. Cuốn truyện kết cục bằng một cử chỉ phi thường của cậu học sinh mã-thượng phong-lưu, đã sút trái banh phạt ra ngoài gôn để chứng tỏ rằng người trẻ tuổi Việt-nam không chấp nhận sự thắng trận nếu thiếu sự minh-bạch và vẻ-vang.

Thăng Cu So, *Thăng Kinh* và *Thăng Phượng* là một bộ tam tuyệt về sự giáo dục một đứa trẻ Việt-nam ở một làng thuộc một tỉnh trung-bình tại miền đồng bằng Bắc-Việt. Một đứa trẻ quật cường được học để thành nhân-nại và biết hi-sinh, một đứa trẻ trong trắng được học để biết những cái phi-lí và những sự bất công trong xã-hội.

Đọc lại mấy cuốn truyện này của Nguyễn Đức Quỳnh, với chính anh, tôi được hiểu rằng đây là một tự-truyện, nhưng một tự-truyện đã được lọc để chỉ giữ lại những nét thường nhất trong đời của tác giả. Đó là một sự cố-ý : Thăng Kinh phải được siêu-hóa cho thành một đứa trẻ như rất nhiều những trẻ Việt-nam khác trong thời ấy, và dòng đời của nó

phải có một hướng đi tới. Cuối cùng nó giác-ngộ giai-cấp trong thực-giác và bằng kinh nghiệm. Tới đó thì sự tái-tạo bằng kí-ức phải ngừng để bước sang sự hành-động.

Nhưng đây có lẽ là điểm độc nhất do đó con người đệ-tứ của Nguyễn Đức Quỳnh đã biểu lộ ra trong bộ tam tuyệt. Ngoài điều đó, tất cả những gì được thấy trong truyện là hiện thực, và cái được hiện thực một cách sâu sa nhất là gia-đình Việt-nam, là văn-hóa dân-tộc, là cái tình-trạng bị đè nén nhưng vẫn êm ả và nhẹ nhàng của con người Việt-nam.

Nguyễn Đức Quỳnh, mà người ta biết là một người mác-xít, hơn nữa là một người tò-rốt-kít, cũng là người đã đề cao gia-đình và dân-tộc nhiều nhất trong thời tiền-độc-lập, với ba cuốn tự-truyện trên. Sau này, tôi cũng không thấy anh đổi khác mấy, và nhiều lúc lại nghĩ rằng từ lúc bắt đầu cầm bút viết văn, anh đã chủ trương dân-tộc, và đau khổ với dân-tộc nhiều hơn là với giai-cấp và vì xã-hội. Và tôi không lấy làm lạ khi thấy Nguyễn Đức Quỳnh nói với tôi rằng, theo anh thì «Tự Lực Văn-đoàn có công nhiều đối với nền văn-chương Việt-nam, nhưng có một cái tội lớn đối với dân-tộc, là đã phá cái làng và làm nát cái gia-đình Việt-nam».

Trở lại với cuộc đời thực của Nguyễn Đức Quỳnh : năm 15 tuổi thì Nguyễn Đức Quỳnh bỏ nước để sống phiêu bạt. Anh đi Siêm, rồi từ đó đi Pháp. Chịu ảnh hưởng của những người chung quanh, anh gia nhập Đảng Cộng-sản vào năm anh mười tám hay mười chín.

Một điều mà chúng ta cần biết, là vào khoảng đó, cái không-khí chính trị trong giới trẻ Việt-nam

thực là sôi-động, và trong họ của Nguyễn Đức Quỳnh, chung quanh Nguyễn Đức Quỳnh, chỉ toàn là những người trai trẻ âm mưu. Họ bàn tính những việc trọng đại, trong những khung cảnh siêu-nhiên, cạnh một bụi lau, trên một cành ổi. Đó là những người sáng lập ra Tân-Việt Cách-mệnh-đảng rồi Đông - dương Cộng-sản-đảng. Rồi trốn chạy, rồi dò thám, rồi phản bội, rồi xử án, rồi tự hủy. Rồi đến vụ Yên-Báy, và cái chết của 13 nhà lãnh tụ Quốc dân đảng. Với cái bóng dáng càng ngày càng xa của cụ Phan Bội Châu. Với những hoạt động của những nhóm Việt-kiểu cách-mạng ở Nam-dương, ở Thái-lan. Và những sự việc manh-mha ở bên trời Âu để móc nối với Mạc-tư-khoa qua Đảng Cộng-sản Pháp.

Tôi được hiểu qua Nguyễn Đức Quỳnh rằng có rất nhiều uất-hận và tuyệt-vọng trong các chủ-trương này. Chuyện cầu viện Trung-Hoa chỉ đem lại một sự thực đau đớn, là nhà cách mạng Tôn-Văn, không những đã từ chối mà còn tỏ ý rằng rất tiếc phải từ chối vì «đất An-nam chính là của Trung-quốc». Sự giúp đỡ của Nhật-Bản cũng chỉ là một ảo mộng. Pháp-Việt đề-huê là một cái bánh vẽ đầy vị cay đắng. Sức người Việt-nam thì nhiều lắm chỉ có thể «thành nhân» như Nguyễn Thái Học khi bước lên đoạn đầu đài, chứ không thể thành công. Trông về đầu trong lúc đó, hi vọng ở cái gì được? Cho nên mới có những người muốn hướng về nước Nga (theo gương Tôn Văn hay được dẫn dắt bởi người Pháp?) và sau đó mới có những người theo Trotski...

TRẦN NGỌC NINH

Kỳ tới : Lí do đã làm cho Nguyễn Đức Quỳnh rời bỏ Đệ Tam...

LIÊN THÀNH

XƯỞNG MỘC

Mỹ Thuật — Tân Tiến

362-364, Hồng Thập Tự — Saigon

PHÂN ƯU

Được tin **Cụ NGUYỄN TƯỜNG THỤY**

Thân Phụ của nhà văn **TƯỜNG HUNG** vừa từ trần tại Saigon.

Xin thành kính phân ưu cùng tang quyến và nguyện cầu anh linh Cụ tiêu diêu nơi cõi Phật.

TRẦN PHONG GIAO



Nhức đầu

Đông

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Đinh Kỳ



100% 100% 100%

Sáng chủ nhật 9-6-74 vừa qua Trung Tâm Văn Bút V. N. có tổ chức một buổi lễ tưởng niệm Ô. David Carver, có Tổng Thư ký T.T. Văn bút quốc tế đã từ trần tại Luân Đôn ngày 10-5-74, hưởng thọ 70 tuổi.

Theo ông Tổng Thư ký Văn bút V. N. Phạm-việt-Tuyền, thì David Dove Carver (sinh 10-8-1903) thời trẻ vốn là ca sĩ, đã từng đi trình diễn ở nhiều nơi và nhiều nước. Trong đệ nhị Thế chiến, phục vụ ngành không quân Hoàng gia Anh, ông đã có lần giữ chức Phi đội trưởng. Nhưng khi Thế chiến chấm dứt, Ông lại tiếp tục nghề ca hát và đã làm Giám đốc Ban nhạc Consort Male Voice Quintet từ 1948-1953. Năm 1951 ông được bầu làm Tổng Thư ký T.T. Văn bút Anh quốc rồi Tổng Thư-ký Văn-bút Quốc-tế 23 năm liền (từ 1951-1974).

Tiếp theo ô. Phạm-việt-Tuyền là các ông Đào-đăng-Vỹ, Nghiêm-xuân-Việt, Nguyễn-Sa, Hồ-hữu-Tường, mỗi người đều có dịp đi dự Hội nghị Văn Bút Quốc tế nên đều có ít nhiều kỷ niệm, ít nhiều nhận xét về David Carver, một người kiên trì, nhẫn nại trong việc kiến tạo tình thông cảm giữa giới cầm bút của mọi quốc gia, và luôn luôn khắc khoải về quyền tự do cầm bút của mọi nhà văn thơ trên thế giới. Nhà văn Nhật-Tiến nói tiếp về sự sốt sắng và lòng ưu ái của Cố Tổng Thư-ký Văn bút Quốc tế đối với các nhà văn V. N. bằng những hành động cụ thể trong hai trường hợp đặc biệt

như thế nào. Sau chót L.M. Thanh Lang, nhân dịp này, đã nhắc lại những điểm chính trong Hiến-chương Văn-bút Quốc-tế, 53 năm qua đã « làm rường cột cho sinh hoạt gần 10 ngàn nhà văn trên thế giới » và cũng là kim-chỉ-nam cho mọi hoạt động của T.T. Văn bút V.N. trong 18 năm nay. Ông nói : « Lý tưởng của Văn bút là « Tôn kính và bênh vực các quyền tự do tư tưởng, tự do phát biểu, tự do cầm bút để phục vụ văn chương, cho nên mỗi khi có những thế lực nào vi phạm các quyền tự do đó là y như nó quyết liệt phản kháng dù thế lực đàn áp đó thiên tả hay thiên hữu, tư bản hay cộng sản... ». Ông cũng nói đến nghĩa vụ của chính quyền trong việc tài trợ cho Hội Văn bút : số tiền tài trợ — nằm trong ngân sách quốc gia — ở các nước khác có khi lên tới cả trăm triệu mà ở V. N. từ thời T. T. Diệm đến năm ngoái vẫn chỉ là 300.000đ. (năm ngoái tăng lên 800.000đ). Số tiền này đã dùng làm giải thưởng về văn chương hàng năm, tổ chức diễn thuyết về văn chương hàng tháng, và mọi chi phí về văn phòng, sinh hoạt v. v. ... của Hội. Chủ tịch Văn bút V.N. cũng nói về sự chống đối mọi áp lực của Hội và có kể lại chuyện chống áp lực và mua chuộc của ông Nhu trong vụ thúc đẩy Văn-bút V.N. đứng ra làm lễ quốc táng cho Nhất Linh. Ông kết luận rằng : Văn bút V.N. trong mọi sinh hoạt luôn luôn muốn làm sống lại truyền thống kẻ sĩ V.N.

THU THỦY

SÁCH LỬA THIÊNG

Sách Khoa trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Lửa Thiêng đã gửi tặng những sách sau đây và xin giới thiệu cùng bạn đọc :

— Chân dung Hồ Biểu Chánh của Nguyễn Khuê, dày 340 trang, gồm 5 phần : Thân thế và sự nghiệp, Báo chí và Biên khảo, Thi ca, Tiểu thuyết, Tổng kết : Ý hướng chủ yếu và giá trị tiểu thuyết H.B. Chánh và địa vị tác giả trong Văn-học-sử. Giá 750đ.

— Hàn Phi Tử của Hàn Phi, bản dịch của Hùng Nguyên Nguyễn Ngọc Huy, dày 400 trang, gồm 31 Thiên và phần Chú thích ngót 100 trang.

— Văn học Nam Hà (Văn học xứ Đàng trong thời phân tranh) của Nguyễn văn Sâm, in lần thứ 2, dày 630 trang, gồm 15 chương, ngoài những chương tổng quát, có đề cập tới Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Hào, Nguyễn Cư Trinh, Hoàng Quang, Mạc Thiên Tích, Ngọc Hân, Võ Trường Toản v.v... Phụ lục 3 tài liệu và Phụ bản 3 tác phẩm chữ Nôm, in offset. Giá 1.500đ.

— Địa chất hải-dương của Nguyễn Ngọc Thạch, dày 220 trang, gồm 10 chương tìm hiểu địa thể đáy biển và khảo sát các chất trầm tích. Rất nhiều hình vẽ và bản đồ. Giá 700đ.

— Vệ tinh nhân tạo của Nguyễn Kim Môn, dày 218 trang, gồm 5 chương : phóng vệ tinh thế nào, phi thuyền bay, được hướng dẫn, theo dõi thế nào, vệ tinh có ích lợi gì ? Nhiều hình ảnh và hình vẽ.

Bìa các sách trên đây đều do họa-sĩ Văn-Thanh trình bày và minh họa.

LỚP HỘI-HỌA

do Họa-sĩ Tạ Tỵ hướng dẫn

Các Bạn Thanh Niên muốn có một nghề thiết thực và cao quý hãy theo học :

LỚP HỘI HỌA THỰC HÀNH :

Thời gian huấn luyện 36 tuần lễ (9 tháng). Tổng số giờ học : 216 giờ.

Sau khóa học có cấp Giấy Chứng Nhận đề tiện dụng. Trong trường hợp nhập ngũ, sẽ được Quân Đội sử dụng theo đúng ngành chuyên môn.

Học phí : 4000\$00 mỗi tháng

LỚP HỘI HỌA BỔ TÚC :

Dành cho các Bạn có đôi chút căn bản về Hội Họa, hoặc dự định thi vào Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật.

Thời gian huấn luyện 50 tuần lễ (12 tháng), Tổng số giờ học : 300 giờ.

Sau khóa học có cấp Giấy Chứng Nhận đề tiện dụng.

Học phí : 5.000\$00 mỗi tháng

LỚP HỘI HỌA TÀI TỬ :

Dành cho các vị yêu nghệ thuật muốn tìm hiểu Hội Họa.

Thời gian huấn luyện : 18 tháng. Tổng số giờ học : 450 giờ.

Học phí : 6000\$00 mỗi tháng

Chú ý : Đề bảo đảm kết quả của khóa học, số học viên phải nhận thật hạn chế. Xin ghi tên và đóng học phí để giữ chỗ tại số 18/8 Phan Văn Trị Saigon 5 (đầu Đại-lộ Cộng-Hòa).

Ngày khai giảng : 09-12-1974.

MỤC LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH KHOA

Từ số 402 (A*) đến số 411 (K*) từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1974 (*)

Sự sắp xếp theo bộ môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tri cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
BIÊN KHẢO - NGHỊ LUẬN			
CHÍNH TRỊ			
— Từ chiến tranh Trung Đông đến chiến tranh tái phát ở V.N.	Hoàng văn Đức	402-03	71
— 1973 một năm chính biến	Từ Minh	402-03	09
— Vụ tranh chấp Hoàng Sa — Trường Sa	— id —	404	07
— Nước Nhật trước dư luận Á châu	— id —	405	07
— Tham vọng ngoại giao của Kissinger	— id —	407	07
— Sự ra đi của Golda Meir	— id —	409	43
— Khủng hoảng lãnh đạo trên thế giới	— id —	410	07
— Bầu cử T.T. 1974 tại Pháp	— id —	410	83
GIÁO DỤC			
— Vai trò của môn Quốc văn...	Hoàng văn Bình	408	35
— Trường học cho các xóm nghèo...	Đoàn nhật Tấn	410	23
— Canh tân nền giáo dục tiểu học	— id —	411	27
— Học không cần trường	Nguyễn văn Trung	404	17
— id —	— id —	405	17
KHOA HỌC — Y HỌC			
— Mổ bụng ở V.N. dưới sự gây tê của châm thuật	Tử Diệp	407	20
— Sao chổi Kohou ek	Trần-L. Bảo-Minh	402-03	97
— Người và thú (Konrad Lorenz)	Đào Trường Phúc	407	33
— Cao hổ cốt	Trần văn Tích	402-03	59
— Tư tưởng Lão Trang trong Đông y	— id —	404	23
— — id —	— id —	405	31
— — id —	— id —	407	23
— — id —	— id —	408	23
— Nobel khoa học 1973	Võ quang Yển	402-03	91
— Nguồn gốc vũ trụ	— id —	408	31

(*) Bách Khoa số 402 (A) 15-01-74

số 403 (B)

Bách Khoa số 404 (C) 10-02-74

Bách Khoa số 405 (D) 01-03-74

Bách Khoa số 406 (E) 15-03-74

Bách Khoa số 407 (F) 15-04-74

Bách Khoa số 408 (G) 01-05-74

Bách Khoa số 409 (H) 15-05-74

Bách Khoa số 410 (I) 15-06-74

Bách Khoa số 411 (K) 01-07-74

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
<u>KINH TẾ</u>			
— Đối thoại về kinh tế	Nguyễn Như	407	16
<u>NGHỆ THUẬT</u>			
— Xây dựng sáng tác trong Hội họa	Phạm Tăng	407	43
<u>PHONG TỤC</u>			
— Chợ đặc biệt trong dịp Tết	Toan-Ảnh	402-03	55
— Góp ý với Ô. Toan Ảnh	Nguyễn Hữu Hoàng	405	74
— Tiếp lời Ô. Hoàng	Toan-Ảnh	408	73
— Châm huyền bí	Dohamide	405	13
— Tết Hà nội 90 năm trước	Bình Nguyên Lộc	402-03	63
— Năm Dần nói chuyện Cọp	Thái văn Kiêm	402-03	49
<u>TIỂU SỬ — DANH NHÂN</u>			
— Georges Pompidou	Từ Minh	408	07
— Valéry Giscard d'Estaing	— id —	411	33
<u>SỬ</u>			
— Cụ Phan văn Trường và hồi ký «Một chuyện âm mưu người Annam & Paris»	Phạm Long Điền	405	37
— Vụ án Nguyễn An Ninh	— id —	408	17
— — id —	— id —	409	33
— Thuyết «Pháp Việt đề huề» với nhóm «La Cloche fêlée»	— id —	410	43
— Bài diễn văn đầu tiên của Nguyễn An Ninh	Hồ Hữu Tường	410	35
— Jules Roux, người bạn thiết nghĩa của P. C. Trinh	Nguyễn Thiệu Dững	406	39
— Một tấm lòng son	Phan Du	406	61
— Đông Dương Chính-trị-luận (Nguyễn v. Tường và Phạm Liễu trích dịch)	Phan Châu Trinh	406	51
— Tiểu sử Phan Châu Trinh	Nguyễn văn Tường	406	19
— Bài vè, bài ca liên quan đến Phong trào Duy Tân	— id —	406	69
— P. C. Trinh với thuyết «Pháp Việt đề huề»	Nguyễn văn Xuân	406	19
— Chân dung P. C. Trinh	— id —	406	77
— Góp ý về số Phan Châu Trinh.	Ngô Thế Côn	409	78
— Đi thăm nhà thờ cụ Huỳnh	Xuân Tùng	405	43
<u>TÔN GIÁO</u>			
— Đi dự hội nghị Hồi giáo Mecca	Dohamide	410	17
— — id —	— id —	411	43
— Thiền sư Huyền Quang	Nguyễn Lang	408	49

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
— Cước chú	Hồ Minh Dũng	410	61
— Trong cơn thoát xác	Du-li	408	67
— Khói sương	Nguyễn Mộng Giác	402-03	117
— Tuổi thơ u ám	— id —	410	67
— Trưa đơn giản	Võ Phiến	409	61
— Giữa vật với người	Minh Quân	405	55
— — id —	— id —	407	57
— Bệnh dịch giấy (Vũ Minh Thiều dịch)	Eero Tolvanen	405	67
— Bến sông người về	Trần Hoài Thư	402-03	107
— Cánh diều trên đồng cỏ	— id —	407	69
— Loài rau hoang dại	Ng. thị Thụy Vũ	411	61
— Chuyện trong tháng	Thu Hippy	402-03	121
<i>THƠ</i>			
— Tết với Đỗ Chu Thăng	Trần Huyền Ân	402-03	128
— Như mỗi tình cờ ; Mưa trong hồn	Hà Huyền Chi	410	74
— Mười bài đối cảnh	Vũ Hoàng Chương	402-03	67
— Dấu huyền	— id —	407	75
— Saigon	Võ Chân Cửu	404	72
— Ngày trở lại Đại Ninh...	Vũ Hữu Định	410	59
— Khai bút đầu Xuân Hòa bình	Luân Hoán	402-03	116
— Trên chặng đường Đà Nẵng —	— id —	407	73
Qui Nhơn	— id —	408	64
— Thăm chủ quán Gió khơi	Phan Sỹ Hòe	407	67
— Còn cảm nỗi đời	Trần Ngọc Kim	402-03	106
— Mưa tiền đồn	Võ văn Lê	409	72
— Biết tìm đâu	Hoàng Lộc	409	72
— Bỏ làm thơ đi uống rượu	Lê Minh Ngọc	404	69
— Đợi một xuân nào	Nguyễn Hữu Ngự	404	71
— Hỏi nhỏ — Bài thơ khai bút	Trần văn Nghĩa	409	71
— Giữa đời trà Blao	Huỳnh Kim Sơn	409	73
— Thử quay về	Cao Tiều	402-03	114
— Xuân vô lượng	M.Đ. Hoài Trinh	402-03	105
— Bài thơ không tên	— id —	404	70
— Ngọc lan	— id —	407	73
— Chiến tranh hết rồi	— id —	408	66
— Buồn Thái sơn không gico	— id —	410	58
— Bể bút	Đông Trinh	405	62
— Nhạc đời	— id —	409	70
— Trong vườn bắp	Trần Tường Trinh	409	69
— Thư từ Bastogne...	Mộng Tuyết	407	66
— Ngày 8 tháng 2	Tạ Ty	402-03	115
— Xin	— id —	408	65
— Ca tụng	Thi Vũ	405	64
— Thơ tình của người lính	Ý Yên	410	73
— Bên thành cũ trường Hàm-Nghi			

Phát hành ngày 13-7-74 — Số lượng 8.000

KD số 300/74 BDVCH/KSALP/GP — 08-7-1974.

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
— Thiền sư Huyền Quang	Nguyễn Lang	409	15
— Phật giáo đời Trần	— id —	409	19
— Thế nào là Thiền sư	Thi Vũ	409	07
<u>VĂN HỌC — VĂN HÓA</u>			
— «Cao Chu Thần thi tập» đầu thần đuôi thánh	Nguyễn Thiếu Dũng	410	29
— Văn học miền Nam : tính chất phản kháng. . .	Phạm Long Điền	411	17
— Văn học miền Nam : văn truyền khẩu	Nguyễn văn Hẫu	411	07
— Vui buồn cuối năm	Nguyễn Mộng Giác	402-03	23
— Giải Văn Thơ 1973	Bách-Khoa	402-03	130
— Ô. Đỗ Trọng Huề và giải V.H.N.T. 73	— id —	404	73
— Ô. Phạm Thiên Thư và «Kinh Hiền»	— id —	409	74
— Năm 2000	Nguyễn Hiến Lê	402-03	39
— id —	— id —	404	31
— id —	— id —	405	23
— HĐVHGD và v/d khan hiếm giấy	Thế Nhân	402-03	125
— Về Hồ xuân Hương	Võ Phiến	408	43
— Ai là dịch giả bản «Chinh phụ ngâm khúc» ?	Vũ Tiến Phúc	409	49
— Sách dịch thuật trong năm qua	Đào Trường Phúc	402-03	33
— Những giọt lệ không là «Giọt lệ Thu»	Mộng Tuyết	402-03	81
— Thơ chống chiến tranh của Đỗ Phủ	Nguyễn Quang Tô	404	53
— Từ ngưng chiến trước đến ngưng chiến này	Tràng Thiên	402-03	17
— Đi thăm thân phụ Nguyễn Du	Nguyễn văn Xuân	404	39
— Nguyễn Đức Quỳnh và nhóm Hàn Thuyên	Lê văn Siêu	411	71
— Hồi ký về Nguyễn Đức Quỳnh	Trần Ngọc Ninh	411	75
<u>VĂN NGHỆ</u>			
<u>LÁ THƯ NƯỚC NGOÀI</u>			
— Lá thư Mã lai (402-03) Do thái (404) Paris (405) Israel (407) Paris (408, 409, 410, 411)	Minh-Đức Hoài-Tríah		
<u>TRUYỆN NGẮN</u>			
Đám mây dưới biên nhà	Hồ Minh Dũng	404	63

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-COP"

Chai "HÒA TIỀN!"

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc